



## NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### I. TỔNG QUAN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.

- 1. Khái niệm ngân sách nhà nước:
- 1.1. Cơ sở ra đời của NS
- Nền kinh tế hàng hoá và tiền tệ
- Sự hình thành, phát triển của nhà nước

Sự phân công lao động lớn hơn lần thứ nhất; (chăn nuôi đã tách ra khỏi trồng trọt)

Sự phân công lao động lần thứ 2 ( thủ công tách rời khỏi nông nghiệp).

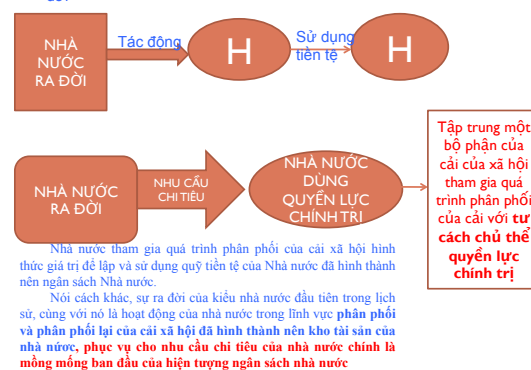
Xã hội xuất hiện ngành thương nghiệp, sản xuất trở thành nền sản xuất hàng hóa

Giai cấp thương nhân ra đời dẫn đến các quan hệ trao đổi mua bán cũng phát triển mạnh mẽ, cùng với nó là sự xuất hiện của tiền tệ.

Tiền tệ ra đời giữ vai trò là vật ngang giá chung, trung gian trong việc trao đổi hàng hóa.

#### Sự hình thành, phát triển của nhà nước

Cuối thời kỳ công xã nguyên thủy, khi mâu thuẫn giữa các giai cấp đã không còn được dung hòa bởi tổ chức của thị tộc, nhà nước đã ra đời



- Hiện tượng NSNN tồn tại và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của các kiểu nhà nước trong lịch sử phát triển xã hội.
- Tuy nhiên, thuật ngữ NSNN chỉ được bắt đầu sử dụng khi các khoản thu chi của nhà nước được thể chế hoá bằng pháp luật, tức là, có sự xác định, thừa nhận, công khai hoá bằng luật pháp đối với những khoản thu chi của nhà nước sử dụng NSNN

### 1.2. Định nghĩa ngân sách nhà nước về phương diện kinh tế và pháp lý.

#### + Định nghĩa NSNN về phương diện kinh tế

- Quan điểm thứ nhất cho rằng ngân sách nhà nước là bản dự toán thu chi tiền tệ của một quốc gia, được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước quyết định để thực hiện trong 1 khoản thời gian nhất định, thường là 1 năm. Khoảng thời gian này được pháp luật quy định nhằm giới hạn rõ thời gian thực hiện bản dự toán ngân sách nhà nước và được gọi là “năm ngân sách” hay “tài khóa”, thực chất là niên độ ngân sách
- Quan điểm thứ 2 cho rằng, ngân sách nhà nước chính là quỹ tiền tệ của nhà nước.
- Để hiểu rõ về NSNN ta xem xét dưới 2 phương diện:

+ Một là, do ngân sách là một **phạm trù kinh tế**, vậy nên, NSNN sẽ được xem xét về mặt **bản chất** và cả về phương diện **vật chất**.

- **Xét về mặt bản chất**, NSNN thể hiện hệ thống các quan hệ kinh tế được hình thành trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các nguồn vốn tiền tệ phục vụ cho các chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước. Điều này xuất phát từ mối quan hệ chặt chẽ giữa ngân sách nhà nước với nhà nước.
- NSNN vốn được hình thành từ việc nhà nước sử dụng quyền lực chính trị của mình để tham gia vào hoạt động phân phối của cải trong xã hội vốn được tạo nên từ nhiều chủ thể khác nhau cùng tồn tại trong xã hội.
- Do vậy ngân sách nhà nước thể hiện mối quan hệ xã hội giữa nhà nước và các chủ thể khác nhau trong quá trình phân phối của cải xã hội dưới hình thức giá trị.

- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với đơn vị HCSN
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với doanh nghiệp
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với các tầng lớp dân cư
- Quan hệ kinh tế giữa NSNN với thị trường tài chính

+ Thứ hai là, xuất phát từ việc ngân sách vốn là một trong những phạm trù pháp lý, trong điều kiện nhà nước pháp quyền, các khoản thu chi của nhà nước được công khai và thể chế thành pháp luật nhằm tránh hiện tượng lạm quyền. Ngân sách nhà nước trở thành phạm trù pháp lý.

Điều này được thể hiện thông qua việc hình dung ngân sách nhà nước là kế hoạch tài chính cơ bản của nhà nước, là bản dự toán toàn bộ các khoản thu chi của nhà nước, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để trở thành một đạo luật có giá trị pháp lý bắt buộc đối với tất cả các chủ thể có liên quan.

**Định nghĩa về NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của nhà nước trong dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và thực hiện trong khoảng thời gian là một năm để đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.**

#### 1. Khái niệm ngân sách nhà nước + Khái niệm NSNN về phương diện pháp lý

- Luật số 83/2015/QH13 Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015
- **Ngân sách nhà nước** là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.
- **Ngân sách trung ương** là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.
- **Ngân sách địa phương** là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.

Từ định nghĩa trên NSNN có các đặc trưng cơ bản sau:

- Về cơ cấu: NSNN bao gồm toàn bộ các khoản thu-chi của nhà nước.
- Về tính pháp lý: NSNN là 1 đạo luật được cơ quan có thẩm quyền (cơ quan lập pháp) quyết định theo một trình tự riêng. Theo đó, mọi hoạt động thu - chi của NSNN đều được tiến hành trên cơ sở pháp luật do nhà nước ban hành.
- Về mặt thời gian: NSNN được thực hiện chi trong một năm (còn gọi là năm ngân sách hay năm tài khóa), trong khi hiệu lực của các luật thông thường là vô thời hạn. Người ta còn gọi đây là “đạo luật NS thường niên”, cần hiểu đầy đủ “đạo luật NS thường niên” không chỉ có bản dự toán thu, chi tiền tệ được QH thông qua mà còn bao gồm NQ Quốc hội về việc thi hành bản dự toán đó

- Về cơ bản, định nghĩa này không có gì khác biệt đáng kể so với quan niệm về ngân sách nhà nước dưới góc độ kinh tế. Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ nhiệm vụ của nhà làm luật trong lĩnh vực NSNN là phải tìm cách thể chế hóa các nội dung kinh tế của NSNN thành luật pháp để cho NSNN có thể dễ dàng thực hiện trong thực tế mà lại không quá xa rời bản chất kinh tế của NS
- Trong khoa học pháp lý, quan niệm về ngân sách nhà nước có phần khác biệt đáng kể so với định nghĩa ngân sách nhà nước về phương diện kinh tế.
- Sự khác biệt giữa hai phương diện tiếp cận này được thể hiện ở chỗ, **nếu các nhà kinh tế quan niệm ngân sách nhà nước là một kế hoạch tài chính lớn nhất của quốc gia**, trong đó dự liệu các khoản thu và chi tiền tệ của quốc gia trong một tài khóa thì **các nhà luật học lại quan niệm ngân sách nhà nước là một đạo luật đặc biệt do quốc hội ban hành để cho phép chính phủ thực hiện trong thời hạn xác định**

## 2. Vai trò của ngân sách nhà nước

### . Công cụ huy động nguồn tài chính để đảm bảo các nhu cầu chi tiêu của nhà nước

- Nhà nước cần phải có nguồn tài chính để đảm bảo thực hiện có hiệu quả chức năng của mình.
- Các nhu cầu chi tiêu của nhà nước được thỏa mãn bằng các nguồn thu thuế hoặc ngoài thuế, dưới hình thức bắt buộc hoặc tự nguyện.

Thông qua việc tiến hành cân đối giữa các khoản thu và chi của nhà nước, nhà nước có thể hoạch định chính sách trong điều tiết thu nhập, giải quyết tốt mối quan hệ giữa thu và chi, giữa tích lũy tiêu dùng, đầu tư phát triển, tiết kiệm

## 2. Vai trò của ngân sách nhà nước

- Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội của nhà nước

### Về mặt xã hội

- Đầu tư của NSNN nhằm thực hiện các chính sách xã hội, giáo dục đào tạo, y tế, giải quyết việc làm,...
- Góp phần điều tiết, phân phối lại thu nhập tạo nên sự phân phối công bằng, thu hẹp chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

### Về mặt thị trường

NSNN có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các chính sách về ổn định giá cả, kiểm chế và kiểm soát lạm phát,...

### Về mặt kinh tế

- NSNN cung cấp nguồn kinh phí để nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, hình thành các doanh nghiệp nhà nước thuộc các ngành then chốt, trên cơ sở đó tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển của các DN thuộc các thành phần kinh tế khác.
- Thông qua chính sách thuế, đảm bảo thực hiện vai trò định hướng đầu tư, kích thích hoặc hạn chế sản xuất kinh doanh.

## 2. Vai trò của ngân sách nhà nước

- Vai trò NSNN ổn định chính trị

Vai trò NSNN trong phân phối tổng sản phẩm xã hội, trong ổn định và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, tạo điều kiện ổn định chính trị thông qua NSNN bảo đảm các nhu cầu điều kiện để không ngừng hoàn thiện bộ máy nhà nước, phát huy vai trò của bộ máy nhà nước trong việc quản lý mọi lĩnh vực của đất nước bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ những thành tựu đã đạt được của sự nghiệp cách mạng

- Vai trò kiểm tra của NSNN

Thông qua NSNN, kiểm tra quá trình phát triển kinh tế, các ngành, các hoạt động kinh doanh, nhằm thúc đẩy, phát hiện khai thác tiềm năng kinh tế, kiểm tra bảo vệ tài sản quốc gia, chống thất thoát, lãng phí, kiểm tra chấp hành NS, kỷ luật tài chính, đảm bảo trật tự kỷ cương trong hoạt động tài chính.

## 3. Những đặc điểm của NSNN

- Thứ nhất, ngân sách nhà nước là một kế hoạch tài chính lớn nhất cần được quốc hội biểu quyết thông qua trước khi thi hành
- Thứ hai, ngân sách nhà nước không phải là một bản kế hoạch tài chính thuần túy mà còn là một đạo luật
- Thứ ba, ngân sách nhà nước là kế hoạch tài chính của toàn thể quốc gia, được trao cho chính phủ tổ chức thực hiện nhưng phải đặt dưới sự giám sát trực tiếp của quốc hội.
- Thứ tư, ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi hoàn toàn vì mục tiêu mưu cầu lợi ích chung cho toàn thể quốc gia, không phân biệt người thụ hưởng các lợi ích đó là ai, thuộc thành phần kinh tế nào hay đẳng cấp xã hội nào
- Thứ năm, NSNN luôn phản ánh mối tương quan giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện ngân sách

## 4. Cơ cấu NSNN

- Ngân sách của một quốc gia là văn kiện tài chính quan trọng nhất, trong đó những cơ quan có thẩm quyền tìm cách dự trù, tiên liệu các khoản thu và các khoản chi của quốc gia trong thời hạn nhất định.
- Vì thế, văn kiện tài chính đặc biệt này bao giờ cũng được cấu trúc bởi hai phần đó là phần thu và phần chi.

## 4. Cơ cấu NSNN

- 4.1. Cơ cấu các khoản thu của ngân sách nhà nước.
- Về phương diện kinh tế, các khoản thu của ngân sách nhà nước là những nguồn vốn tiền tệ do nhà nước huy động từ trong hoặc từ bên ngoài của nền kinh tế quốc nội, thông qua nhiều phương thức khác nhau (như đánh thuế, thu tiền phạt vi phạm hành chính, vay nợ, ngoại viện...) để tài trợ cho các nhu cầu chi tiêu rất đơn lớn của Nhà nước về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng và quản lý nhà nước.
- Về phương diện pháp lý, các khoản thu này được thực hiện thông qua những hình thức pháp lý nhất định như quy chế thu thuế, quy chế vay nợ, quy chế viện trợ... được thể hiện trong các quy định pháp luật hiện hành về tài chính.

- Nói đến cấu trúc các khoản thu ngân sách nhà nước là nói đến việc thiết kế, sắp xếp các khoản thu ngân sách nhà nước theo mô hình nào sao cho hợp lý và phát huy được hiệu quả cao nhất trong quá trình thực hiện.
- Việc sắp xếp các khoản thu ngân sách nhà nước, cho dù việc cách nào thì cũng phải đảm bảo được nguyên tắc toàn diện, đầy đủ và bao quát hết các nguồn thu trên cơ sở xác định rõ nguồn thu nào là chủ yếu, là trọng tâm và nguồn thu nào không phải là chủ yếu và có tính chất bổ sung.
- Xuất phát từ mục đích như vậy, pháp luật hiện hành đã quy định: “Thu ngân sách nhà nước bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí, các khoản thu từ hoạt động kinh tế của nhà nước, các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân; các khoản viện trợ; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật”

#### 4.1. Cơ cấu các khoản thu của NSNN

- Dựa trên nguyên tắc thăng bằng ngân sách, người ta có thể phân biệt các khoản thu ngân sách nhà nước bao gồm hai loại chủ yếu sau đây, tùy thuộc vào tác dụng của nó đối với sự thăng bằng ngân sách.
  - Các khoản thu có tính chất hoa lợi.
  - Các khoản thu không có tính chất hoa lợi

#### 4.2. Cơ cấu các khoản chi của ngân sách nhà nước.

Về phương diện kinh tế, chi ngân sách nhà nước là hoạt động tài chính trong đó nhà nước tiến hành sử dụng quỹ ngân sách nhà nước để tài trợ cho việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình trong một thời gian nhất định theo một kế hoạch chi tiết đã được Quốc hội quyết định.

#### 4.2. Cơ cấu các khoản chi của ngân sách nhà nước

- Về phương diện pháp lý, chi ngân sách nhà nước được hiểu là chế độ phân phối đặc thù các nguồn lực tài chính, trong đó nhà nước thực thi quyền sở hữu của mình đối với nguồn vốn quỹ ngân sách nhà nước bằng cách “cấp phát không hoàn lại” nguồn tài chính đó cho các đối tượng được hưởng kinh phí ngân sách.
- Trên nguyên tắc, các khoản chi ngân sách nhà nước cũng phải được sắp xếp, thiết kế một cách hợp lý, kho học nhằm đảm bảo việc thực hiện chúng một cách hiệu quả và tiết kiệm. : “Chi ngân sách nhà nước bao gồm các khoản chi phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo đảm hoạt ĐỘNG của bộ máy nhà nước; chi đầu tư phát triển, chi trả nợ nhà nước, chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.”

#### 4.2. Cơ cấu các khoản chi của ngân sách nhà nước

- Với mục đích góp phần cải thiện ngày càng tốt hơn tình trạng thâm hụt ngân sách nhà nước, người ta thường thiết kế cơ cấu chi tiêu ngân sách nhà nước theo hướng phân biệt thành hai loại sau đây:
  - Các khoản chi có tính chất phi tổn.
  - Các khoản chi không có tính chất phi tổn.

#### 4.2. Cơ cấu các khoản chi của ngân sách nhà nước

- Trong hai nhóm chi trên đây, **nhóm chi không có tính chất phi tổn thường chiếm tỷ trọng lớn nhất**, bởi vì không những nó góp phần trang trải các nghĩa vụ tài sản của ngân sách trong năm ngân sách như đã dự liệu trong bản dự toán ngân sách nhà nước mà còn vì nó có **nhiệm vụ tạo dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế để dựa trên nền tảng đó các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội mới được thực hiện**.
- Tuy nhiên, cũng phải lưu ý rằng cơ cấu chi ngân sách nhà nước cụ thể trong từng năm ngân sách có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự khác nhau về khả năng thực hiện các nguồn thu cũng như nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh và quản lý nhà nước trong từng năm ngân sách.



#### 4.3. Mối liên hệ giữa các khoản thu và các khoản chi của NSNN

- Xét từ góc độ lý luận, các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước tuy có mục đích và cơ chế thực hiện khác nhau nhưng giữa chúng cũng có mối liên hệ biện chứng với nhau, phụ thuộc vào nhau, tương tác lẫn nhau.
- Nếu các khoản thu ngân sách nhà nước được coi là cơ sở và là tiền đề vật chất để thực hiện lại được coi là mục tiêu hướng tới và đồng thời cũng là giới hạn của việc xây dựng kế hoạch thu ngân sách nhà nước hàng năm ở mỗi quốc gia. Mọi khoản thu ngân sách nhà nước đều có mục đích tài trợ cho các nhiệm vụ chi và mọi khoản chi ngân sách đều bắt nguồn từ các khoản thu do nhà nước xây dựng và thực hiện.

#### 4.3. Mối liên hệ giữa các khoản thu và các khoản chi của NSNN

- Mối quan hệ qua lại giữa các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước đã được thừa nhận như là những nguyên tắc căn bản của hoạt động ngân sách, cụ thể là:
  - Tổng số thu từ thuế, lệ phí và phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên; trường hợp còn bội chi thì số bội chi này phải nhỏ hơn chi đầu tư phát triển.
  - Các khoản vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng hco mục đích chi đầu tư phát triển chứ không được sử dụng cho mục đích chi tiêu dùng.
  - Hai nguyên tắc này được các nhà làm luật xây dựng nhằm mục đích bảo đảm sự cân đối, thăng bằng giữa các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần lành mạnh hóa hoạt động ngân sách nhà nước hàng năm.

#### 5. Các nguyên tắc cơ bản của NSNN.

- Theo quan niệm cổ điển về ngân sách, thể chế ngân sách trong mỗi quốc gia được thiết lập và vận hành theo bốn nguyên tắc cơ bản:
  - Nguyên tắc ngân sách nhất niên;
  - Nguyên tắc ngân sách đơn nhất;
  - Nguyên tắc ngân sách toàn diện;
  - Nguyên tắc ngân sách thăng bằng.
- Ngày nay, hầu hết các nguyên tắc này vẫn được giới học giả đương thời thừa nhận như một quan điểm khoa học có tính lịch sử và đi xa hơn, họ còn luôn tìm cách củng cố, phát triển và đổi mới chúng để cho phù hợp với bối cảnh của nền tài chính công hiện đại.

#### 6. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước

- Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
- Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước.
- Các khoản thu ngân sách thực hiện theo quy định của các luật thuế và chế độ thu theo quy định của pháp luật.
- Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngân sách các cấp, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách không được thực hiện nhiệm vụ chi khi chưa có nguồn tài chính, dự toán chi ngân sách làm phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản, nợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên.

#### 6. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước (Đ.8 L.NSNN)

- Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; xóa đói, giảm nghèo; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và những chính sách quan trọng khác.
- Bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh phí hoạt động của bộ máy nhà nước.
- Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Chính phủ.

#### 6. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước (Đ.8 L.NSNN)

- Bảo đảm chi trả các khoản nợ lãi đến hạn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.
- Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan.
- Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

## 6. Vai trò của ngân sách nhà nước trong nền kinh tế thị trường và sự cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động ngân sách

### 6.1. Vai trò của ngân sách nhà nước trong nền kinh tế thị trường

- + Công cụ phân phối của Nhà nước đối với lợi tức quốc gia;
- + Công cụ điều tiết các hoạt động kinh tế;
- + Công cụ hướng dẫn tiêu dùng xã hội.

Vai trò đích thực của ngân sách nhà nước, suy cho cùng, chỉ phát huy tác dụng khi nó gắn với Nhà nước và được thể chế hoá bởi Nhà nước thông qua phương tiện pháp luật.

### 6.2 Sự cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật đối với lĩnh vực NSNN

- Như đã khẳng định ở trên, công cụ pháp luật bao giờ cũng trở nên cần thiết trong một xã hội mà ở đó các chủ thể pháp luật có những quyền lợi khác nhau và thậm chí đối lập nhau. Khi đó, pháp luật vừa là công cụ để dung hòa các quyền lợi giữa Nhà nước, tổ chức và cá nhân, vừa là công cụ hữu hiệu để duy trì và bảo hộ các quyền lợi đó.
- Trong hoạt động ngân sách nhà nước, sự khác nhau về mục tiêu và bản chất của các quyền lợi (trong đó điển hình là sự khác biệt, thậm chí có khi là “tương khắc” giữa quyền lợi công và quyền lợi tư) khiến cho Chính phủ có thể trở thành người hỗ trợ và bảo hộ cho các quyền lợi của tư nhân hoặc đôi khi trở thành “đối trọng” với quyền lợi của tư nhân và sẵn sàng tước đi của tư nhân những gì mà họ không mong muốn.

Chẳng hạn, các doanh nghiệp luôn có xu hướng muốn được tự do sản xuất, thậm chí kể cả việc tự do gây ô nhiễm môi trường, trong khi Chính phủ lại không hề mong muốn điều đó. Hoặc giá, các doanh nghiệp và cá nhân luôn mong muốn chi phí nộp một khoản thuế ít ỏi cho quốc gia, thậm chí không phải nộp thuế càng tốt trong khi Chính phủ lại đòi hỏi ở họ một nghĩa vụ cao hơn, tức là phải đóng góp một khoản thuế xứng đáng với địa vị kinh tế và thu nhập của họ trong xã hội.

Hơn thế nữa, khi mà việc đóng góp các khoản thuế cho quốc gia đã trở thành nghĩa vụ “bắt khả tránh” thì các chủ thể của nghĩa vụ cũng mong muốn có thể kiểm soát được việc cưỡng chế thi hành nghĩa vụ này từ phía các cơ quan có chức năng thi hành công vụ như cơ quan thuế, kho bạc nhà nước...

Tất cả những điều đó được dẫn chứng và phân tích nêu trên khẳng định vai trò khách quan của pháp luật trong việc điều hòa các lợi ích công và tư, cũng như duy trì và bảo hộ các lợi ích đó trong quá trình thực hiện hoạt động ngân sách nhà nước.

## II. LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG NỀN TÀI CHÍNH CÔNG HIỆN ĐẠI

- **1. Sự hình thành luật tài chính công trên thế giới và luật ngân sách nhà nước ở Việt Nam**
- *1.1. Sự hình thành luật tài chính công trên thế giới*
- *1.2. Sự hình thành luật ngân sách nhà nước ở Việt Nam*

### 2. Luật ngân sách và luật tài chính công – sự tương đồng hay khác biệt

- Như đã đề cập ở trên, thuật ngữ “Luật tài chính công” và thuật ngữ “Luật ngân sách” đã từng được công nhận và sử dụng khá phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, việc khẳng định sự tương đồng hay khác biệt giữa hai khái niệm này vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi và điều đó được thể hiện khá rõ trong pháp luật hiện hành của các nước trên thế giới.
- Thật vậy, nếu ở Nhật Bản, luật tài chính công được quan niệm hầu như đồng nhất với luật về ngân sách nhà nước thì ở Pháp hay ở Hoa Kỳ, khái niệm “Luật tài chính công” lại được quan niệm tương đối rộng hơn so với nội hàm của khái niệm “Luật ngân sách”.

### 2. Luật ngân sách và luật tài chính công – sự tương đồng hay khác biệt

- Vì lẽ đó, có thể khẳng định rằng giữa khái niệm “Luật tài chính công” và khái niệm “Luật ngân sách” tuy có cùng bản chất và là hai khái niệm thống nhất nhưng không hoàn toàn đồng nhất, tùy thuộc vào quan niệm của các nhà làm luật ở từng nước. Tính thống nhất nhưng không hoàn toàn đồng nhất giữa hai khái niệm này được thể hiện trên hai khía cạnh:

## 2. Luật ngân sách và luật tài chính công – sự tương đồng hay khác biệt

- *Một là*, luật tài chính công và luật ngân sách là hai khái niệm có cùng bản chất và đôi khi người ta có thể sử dụng chúng như là hai khái niệm thay thế cho nhau.
- Sự tương đồng về bản chất của hai khái niệm này thể hiện ở chỗ, của luật tài chính công và luật ngân sách đều thuộc về lĩnh vực công pháp và bao gồm những quy phạm pháp luật quy định về việc tạo lập, quản lý và sử dụng các nguồn vốn quỹ tiền tệ của Nhà nước (tiền công).
- Chính sự liên quan đến việc hình thành và quản trị đối với các khoản tiền công – tiền của Nhà nước mà đôi khi hai khái niệm này có thể được người ta quan niệm và được sử dụng như là hai khái niệm đồng nhất.

## 2. Luật ngân sách và luật tài chính công – sự tương đồng hay khác biệt

- *Hai là*, tuy có sự tương đồng về bản chất nhưng trên thực tế, luật tài chính công thường có phạm vi điều chỉnh rộng hơn còn luật ngân sách nhà nước – trên phương diện là một lĩnh vực pháp luật công lại có phạm vi điều chỉnh hẹp hơn.
- Điều này thể hiện ở chỗ, phạm vi điều chỉnh của luật tài chính công bao gồm các quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình tạo lập, quản lý và sử dụng mọi nguồn vốn, quỹ tài sản của Nhà nước, trong đó quan trọng nhất là quỹ ngân sách Nhà nước.
- Trong khi đó, phạm vi điều chỉnh của luật ngân sách lại chỉ bao gồm những quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình tạo lập, quản lý và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước mà thôi.

Ở Việt Nam, trên thực tế không hề tồn tại khái niệm luật tài chính công trong pháp luật thực định cũng như trong nền khoa học pháp lý nước nhà, ngoại trừ một số tài liệu nghiên cứu về tài chính công của một số học giả trước đây ở Việt Nam. Sự khan hiếm các tài liệu nghiên cứu về luật tài chính công ở nước ta trong nhiều năm qua khiến cho những nhận thức khoa học về ranh giới giữa luật tài chính công với luật ngân sách nhà nước trở nên khá mờ hồ.

Tuy vậy, dưới sự ảnh hưởng của quá trình cải cách hành chính mạnh mẽ ở nước ta trong mấy năm gần đây, vấn đề cải cách nền tài chính công đã bắt đầu được nhắc đến trong một số diễn đàn khoa học như chủ đề có tính thời sự. Người ta thừa nhận sự thật là để xây dựng được một nền tài chính công tiên tiến, hiện đại và phù hợp với trào lưu phát triển của thế giới đương đại thì cần thiết phát bắt đầu từ việc làm rõ nội hàm của khái niệm luật tài chính công và trên cơ sở đó cố gắng xác định xem thuật ngữ luật tài chính công và thuật ngữ luật ngân sách chỉ là hai cách gọi khác nhau của cùng một vấn đề hay chúng thực sự là hai vấn đề khác nhau nhưng có cùng bản chất.

Cuộc kiếm tìm ranh giới thật sự giữa luật tài chính công và luật ngân sách vẫn còn đang tiếp tục và chắc sẽ còn nhận được sự tham gia tích cực của những ai mong muốn quan tâm đến sự phát triển của nền luật học nước nhà.

## 3. Phạm vi điều chỉnh của luật ngân sách nhà nước

- Như tên gọi của nó, luật ngân sách nhà nước được ban hành là để chỉ phối các hoạt động liên quan đến việc hình thành, quản lý, sử dụng và định đoạt các khoản “tiền công” – với tính chất là tài sản của Nhà nước, được thể hiện trong quỹ ngân sách nhà nước.
- Do vậy, về nguyên tắc, luật ngân sách nhà nước sẽ có nhiệm vụ điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động ngân sách nhà nước. Các quan hệ xã hội này tuy có nhiều nhưng tổng quát có thể phân loại chúng thành 4 nhóm cơ bản như sau:
- **Nhóm 1:** Lập, chấp hành, quyết toán
- **Nhóm 2:** Phân cấp NS
- **Nhóm 3:** Thu NS
- **Nhóm 4:** Chi NS

## 4. Quan hệ pháp luật ngân sách

- **4.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật NS**
- **Khái niệm:** Xét về phương diện lý thuyết, **quan hệ pháp luật ngân sách là những quan hệ phân phối dưới hình thái giá trị, phát sinh trong quá trình hoạt động ngân sách nhà nước, được các quy phạm pháp luật điều chỉnh mà hậu quả pháp lý là tạo ra những quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các chủ thể thực hiện khi tham gia hoạt động ngân sách.**
- **Về bản chất,** do phát sinh trong một lĩnh vực đặc thù là lĩnh vực tài chính công nên quan hệ pháp luật ngân sách thuộc loại quan hệ có tính chất hành chính và được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật thuộc ngành công pháp. Tính chất hành chính, quyền lực công của quan hệ pháp luật ngân sách được thể hiện ở những đặc trưng cơ bản sau đây:

## 4. Quan hệ pháp luật ngân sách

### Những đặc trưng QHPLNS

a/ về phương diện chủ thể, thành phần chủ thể tham gia quan hệ pháp luật ngân sách có ít nhất một bên là cơ quan công quyền, thậm chí hầu hết các quan hệ pháp luật ngân sách đều có hai bên tham gia là các cơ quan công quyền.

Dấu hiệu này cho phép phân biệt giữa quan hệ pháp luật ngân sách nhà nước – quan hệ pháp luật tài chính công với các quan hệ pháp luật tài chính tư như quan hệ phát hành trái phiếu doanh nghiệp; quan hệ mua bán chứng khoán giữa các tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán; quan hệ vay vốn giữa các doanh nghiệp với nhau hoặc quan hệ vay vốn ngân hàng...

#### 4. Quan hệ pháp luật ngân sách

- **Những đặc trưng QHPLNS**
- *b/* về phương diện khách thể, mục đích của việc xác lập và thực hiện quan hệ pháp luật ngân sách chính là nhằm thỏa mãn nhu cầu thực hiện các chức năng cơ bản của Nhà nước, hay nói khác, chính là vì lợi ích công cộng.
- Đương nhiên, khi tham gia quan hệ pháp luật ngân sách, mỗi bên chủ thể đều hướng tới việc thỏa mãn các lợi ích của mình nhưng các lợi ích đó, dẫu sao cũng không thể nào đi ngược lại với lợi ích chung và nhất thiết phải được đặt dưới lợi ích chung

- **Những đặc trưng QHPLNS**
- *c/* về phương diện nội dung, hầu hết các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật ngân sách đều được thiết lập nhằm hướng tới việc thỏa mãn lợi ích chung.
- Vì mục tiêu bảo đảm lợi ích chung, trong nhiều trường hợp người làm luật đã tìm cách hạn chế bớt quyền tự quyết của các chủ thể pháp luật là tổ chức, cá nhân khi họ đóng vai trò là một “bên” của quan hệ pháp luật ngân sách.
- Khi đó, lợi ích riêng tư của những người nộp thuế (trong quan hệ pháp luật về thu ngân sách) hay của các đơn vị sử dụng ngân sách (trong quan hệ pháp luật về chi ngân sách) phải được đặt dưới lợi ích chung của toàn xã hội mà Nhà nước là người đại diện cho việc bảo đảm lợi ích này.
- Đây chính là một trong những đặc trưng cơ bản, xét về phương diện nội dung của quan hệ pháp luật ngân sách.

#### 4.2. Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách

- **a/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí chủ thể.**
- *Nhóm thứ nhất:* Quan hệ pháp luật ngân sách phát sinh giữa các chủ thể là cơ quan nhà nước với nhau (ví dụ: quan hệ pháp luật ngân sách giữa Quốc hội và Chính phủ trong việc phân cấp quản lý ngân sách, quan hệ pháp luật ngân sách giữa Bộ Tài chính và các bộ chuyên ngành trong việc cấp phát và sử dụng kinh phí ngân sách được cấp);
- *Nhóm thứ hai:* Quan hệ pháp luật ngân sách phát sinh giữa các chủ thể là cơ quan nhà nước với bên kia là các tổ chức, cá nhân (ví dụ: quan hệ pháp luật ngân sách giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu ngân sách với các tổ chức, cá nhân là người nộp thuế hay người đóng góp tiền cho Nhà nước, quan hệ pháp luật ngân sách về phát hành trái phiếu Chính phủ...).

#### 4.2. Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách

- **b/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí địa vị pháp lý của các bên tham gia quan hệ.**
- *Một là,* các quan hệ pháp luật mang tính chất hành chính về ngân sách. Loại quan hệ pháp luật này thể hiện sự bất bình đẳng về quyền, nghĩa vụ (địa vị pháp lý) giữa các bên chủ thể tham gia quan hệ (ví dụ, quan hệ phân cấp quản lý ngân sách giữa các cơ quan nhà nước với nhau, quan hệ cấp phát kinh phí và kiểm soát việc sử dụng kinh phí ngân sách giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các đơn vị sử dụng ngân sách – đơn vị dự toán...).

#### 4.2. Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách

- **b/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí địa vị pháp lý của các bên tham gia quan hệ.**
- *Hai là,* quan hệ pháp luật ngân sách mang tính chất bình đẳng thỏa thuận giữa các bên tham gia quan hệ. Loại quan hệ pháp luật này thể hiện sự bình đẳng, cho dù chỉ là tương đối, giữa các bên là chủ thể tham gia quan hệ pháp luật ngân sách. Chẳng hạn, quan hệ pháp luật về phát hành trái phiếu Chính phủ; quan hệ pháp luật về vay nợ nước ngoài hay nhận viện trợ nước ngoài; quan hệ pháp luật về tặng cho tài sản giữa tổ chức, cá nhân (bên tặng cho) với Nhà nước (bên được tặng cho).

#### 4.2. Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách

*c/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí lĩnh vực phát sinh quan hệ.*

*Nhóm thứ nhất* bao gồm các quan hệ pháp luật về lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Những quan hệ pháp luật này phát sinh trong quá trình kế hoạch hóa ngân sách (hay quá trình ngân sách) mà ở đó các giai đoạn chủ yếu sẽ được tiến hành như soạn thảo và thông qua ngân sách; thi hành ngân sách và quyết toán ngân sách.

Do những quan hệ pháp luật này được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật mang tính hình thức, thủ tục nên còn được gọi là những quan hệ pháp luật ngân sách về hình thức, để phân biệt với những quan hệ pháp luật ngân sách mang tính chất nội dung.

#### 4.2. Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách

c/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí lĩnh vực phát sinh quan hệ.

- *Nhóm thứ hai* bao gồm các quan hệ pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách. Các quan hệ pháp luật này phát sinh trong lĩnh vực quản lý, tổ chức và điều hành hệ thống ngân sách.
- Nội dung chủ yếu của những quan hệ pháp luật này không những thể hiện sự phân định quyền giữa các cơ quan nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân) mà còn thể hiện sự phân chia nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách (NSTW và NSDP) trong hoạt động ngân sách.

c/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí lĩnh vực phát sinh quan hệ.

*Nhóm thứ ba* bao gồm những QHPL về thu nộp ngân sách. Các quan hệ pháp luật thuộc nhóm này phát sinh trong hoạt động thu nộp ngân sách nhằm tạo lập quỹ ngân sách nhà nước. Việc thiết lập và thực hiện những quan hệ pháp luật về thu nộp ngân sách chính là phương thức để Nhà nước sử dụng các nguồn tài nguyên như thuế khóa hay các khoản vay nợ, nhằm tài trợ cho các chương trình chi tiêu của mình trong năm tài chính.

Có thể nói, việc tạo lập quỹ ngân sách và thực hiện dự toán thu ngân sách, thực chất là quá trình xác lập và thực thi các quan hệ pháp luật về thu ngân sách như quan hệ thu thuế, lệ phí, phí; quan hệ vay nợ trong nước và nước ngoài; quan hệ ngoại viện...

c/ Phân loại quan hệ pháp luật ngân sách dựa vào tiêu chí lĩnh vực phát sinh quan hệ.

- *Nhóm thứ tư* bao gồm các QHPL về chi tiêu ngân sách. Những quan hệ pháp luật này phát sinh trong quá trình Nhà nước sử dụng quỹ ngân sách để thực thi các chức năng và nhiệm vụ của mình, theo chương trình, kế hoạch tài chính đã được Quốc hội chấp thuận. Nếu các quan hệ pháp luật về thu nộp ngân sách được xem là phương thức để Nhà nước thể hiện quá trình tạo lập quỹ ngân sách thì trái lại, các quan hệ pháp luật về chi tiêu ngân sách có thể coi là phương thức để Nhà nước sử dụng số tiền hiện có trong công quỹ vì các nhu cầu chi tiêu chung của quốc gia.

#### Ý nghĩa phân loại QHPL NS

- Trước hết, sự phân loại này có ý nghĩa lý luận rất quan trọng, bởi nó giúp chúng ta có được sự nhận thức đầy đủ, chính xác hơn về pháp chế ngân sách nói chung và về quá trình thực thi pháp luật ngân sách nói riêng.
- Xa hơn nữa, sự phân loại này còn tỏ ra hữu ích đối với nhà làm luật bởi nó tạo tiền đề, cơ sở lý luận cho quá trình xây dựng và hoàn thiện cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động tài chính nói chung và hoạt động ngân sách (tài chính công) nói riêng trong bối cảnh nền tài chính công đang có xu hướng ngày càng bành trướng về quy mô và mức độ hoạt động.

#### 4.3. Các căn cứ làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật ngân sách

- Sự kiện pháp lý, theo cách hiểu thông thường chính là những sự kiện khách quan (sự biến pháp lý) hoặc sự kiện mang tính chất chủ quan (hành vi pháp lý) mà khi xảy ra sự kiện đó trong thực tế thì sẽ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một quan hệ pháp luật. Trong lĩnh vực hoạt động ngân sách, các sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật ngân sách chủ yếu thuộc loại hành vi pháp lý.
- Sở dĩ như vậy là bởi vì, các quan hệ pháp luật ngân sách thông thường chỉ phát sinh trong quá trình hoạt động ngân sách mà về bản chất, hoạt động ngân sách vốn dĩ là hoạt động có ý thức của con người, do con người thực hiện một cách có chủ đích nhằm gây ra một hiệu lực pháp lý nhất định (được gọi là hành vi pháp lý). Các hành vi pháp lý trong hoạt động ngân sách tuy rất phong phú và đa dạng nhưng khái quát có thể phân loại chúng thành hai nhóm chủ yếu sau đây:

*Nhóm thứ nhất* bao gồm các hành vi pháp lý do chủ thể là các cơ quan công quyền thực hiện trong khi thi hành công vụ. Có thể dẫn chứng về loại hành vi này như việc soạn thảo ngân sách và tổ chức thi hành ngân sách của các cơ quan hành pháp; việc quyết định ngân sách và phê chuẩn quyết toán ngân sách của các cơ quan luật pháp; việc thông báo thuế hay quyết định truy thu, hoàn thuế của cơ quan thuế; việc chấp nhất cấp phát kinh phí hay xuất tiền ra khỏi tài khoản ngân sách cho đơn vị sử dụng ngân sách của cơ quan tài chính và kho bạc nhà nước...

Điều đáng lưu ý ở đây là khi những hành vi pháp lý này được thực hiện bởi các chủ thể là cơ quan công quyền thì hệ quả pháp lý kéo theo là làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật ngân sách giữa chủ thể đó với các chủ thể pháp luật khác.



**Nhóm thứ hai** bao gồm những hành vi pháp lý do các chủ thể khác không phải là cơ quan công quyền thực hiện. Những hành vi này tuy không được thực hiện bởi các cơ quan công quyền và cũng không gắn với yếu tố quyền lực công nhưng vẫn có thể là căn nguyên dẫn đến việc hình thành, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật ngân sách. Ví dụ: hành vi tự nguyện đóng góp tiền, tài sản của tổ chức, cá nhân cho Chính phủ; hành vi mua trái phiếu do Chính phủ phát hành; hành vi đòi nợ Chính phủ khi trái phiếu do Chính phủ phát hành đã đến hạn thanh toán...

Các hành vi này, khi được thực hiện bởi các chủ thể cũng sẽ gây ra những hệ quả pháp lý nhất định mà bằng chứng điển hình của các hệ quả pháp lý đó chính là làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ PLNS

#### **b. Vai trò ảnh hưởng của QPPL đối với việc hình thành, thay đổi và chấm dứt QHPLNS**

Ngoài yếu tố sự kiện pháp lý, quy phạm pháp luật cũng là một yếu tố chi phối đối với việc hình thành, thay đổi và chấm dứt QHPLNS. Sự ảnh hưởng mang tính quyết định của quy phạm pháp luật đối với QHPLNS được thể hiện ở chỗ, khi Nhà nước ban hành, thay đổi hay bãi bỏ các quy phạm pháp luật thì hậu quả kéo theo là có thể làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ pháp luật ngân sách. Có thể dẫn chứng về mối quan hệ này bằng các ví dụ sau đây:

*Ví dụ thứ nhất:* Việc Nhà nước ban hành Luật ngân sách nhà nước năm 1996 đã đặt nền tảng cơ sở pháp lý cho việc hình thành các quan hệ pháp luật ngân sách mới ở Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi.

*Ví dụ thứ hai:* Khi Nhà nước ban hành Luật ngân sách nhà nước năm 2002 đã làm thay đổi nội dung của các quan hệ pháp luật ngân sách, kể từ thời điểm đạo luật này có hiệu lực.

*Ví dụ thứ ba:* Khi Nhà nước ban hành Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 quy định chi tiết thi hành Luật ngân sách nhà nước, đồng thời bãi bỏ các quy định pháp luật về lập, chấp hành và quyết toán ngân sách trong Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 18/07/1999 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 thì hậu quả pháp lý kéo theo là có thể chấm dứt theo quy định cũ và đồng thời làm phát sinh các quan hệ pháp luật ngân sách theo quy định mới.

Tóm lại, quan hệ pháp luật ngân sách là vấn đề lý luận quan trọng cần được khảo cứu trong lĩnh vực pháp chế về ngân sách. Việc khảo cứu vấn đề này một cách nghiêm túc sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nghiên cứu các chế định cơ bản của Luật ngân sách.

#### **5. Mô hình luật ngân sách nhà nước ở Việt Nam**

Ở các nước trên thế giới, pháp luật về ngân sách nhà nước tuy luôn được xem là một lĩnh vực riêng biệt của công pháp với nhiều quy định rất đặc thù trong lĩnh vực pháp luật này cũng được gọi là “Luật tài chính”, ở Đức gọi là “Luật về các nguyên tắc ngân sách liên bang và ngân sách bang”

Cộng hòa liên bang Nga gọi là “Luật về bộ máy ngân sách và quá trình ngân sách”

Trung Quốc gọi là “Luật ngân sách nhà nước”

Ba Lan gọi là “Luật về thủ tục ngân sách phạt niên 2502 (1959)...

#### **5. Mô hình luật ngân sách nhà nước ở Việt Nam**

Mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau nhưng tựu trung thì mô hình pháp luật về ngân sách công cộng ở tất cả các nước đều có nội dung cơ bản giống nhau, bao gồm các quy định về:

- Định nghĩa ngân sách nhà nước;
- Cấu trúc hệ thống ngân sách nhà nước và cơ cấu các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước;
- Các nguyên tắc tổ chức và vận hành hệ thống ngân sách nhà nước;
- Thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực ngân sách (cơ chế phân quyền giữa cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp);
- Thủ tục lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;
- Hệ thống chế tài sự vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### **5. Mô hình luật ngân sách nhà nước ở Việt Nam**

Tham chiếu các quy định pháp luật hiện hành về ngân sách tại Việt Nam, có thể dễ dàng nhận thấy pháp luật ngân sách Việt Nam cũng có nhiều nét tương đồng với mô hình luật ngân sách hay luật tài chính công ở các nước trên thế giới. Mô hình này bao gồm các chế định cơ bản sau đây:

- - Chế định về lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Chế định này có nhiệm vụ quy định về cách thức soạn thảo và thông qua một bản dự toán ngân sách nhà nước tại Quốc hội; phương thức chấp hành bản dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội thông qua; thủ tục ghi chép sổ kế toán ngân sách và lập bản quyết toán ngân sách để trình Quốc hội phê chuẩn.



## 5. Mô hình luật ngân sách nhà nước ở Việt Nam

- Chế định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Chế định này có nhiệm vụ quy định về phạm vi quyền hạn trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong hoạt động ngân sách; quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể của từng cấp ngân sách. Nói cách khác chế định này xác định sự phân quyền giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động ngân sách, đồng thời xác định sự phân phối thu, chi giữa các cấp ngân sách.
- Chế định về thu nộp ngân sách nhà nước. Chế định này có nhiệm vụ quy định về danh mục các khoản thu; chủ thể có quyền hạn và trách nhiệm thực hiện các khoản thu; mức độ hay tỷ lệ mỗi khoản thu; cách thức thực hiện các khoản thu cũng như dự liệu về hệ thống chế tài sẽ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong quá trình thu ngân sách nhà nước.

- Chế định về chi tiêu ngân sách nhà nước. Chế định này có nhiệm vụ quy định về danh mục các khoản chi; chủ thể cấp pháp kinh phí ngân sách và chủ thể được quyền tiếp nhận, sử dụng các khoản kinh phí ngân sách; mức độ, tỷ trọng và cách thức thực hiện các khoản chi ngân sách cũng như các chế tài sẽ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về chi ngân sách.

## TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

### 1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

#### 1.1 Khái niệm và mô hình tổ chức hệ thống NSNN

- Nói đến hệ thống là nói đến một thể thống nhất được tạo lập bởi các yếu tố cùng loại, cùng chức năng, có liên hệ chặt chẽ với nhau.
- Từ đó có thể hiểu, **hệ thống ngân sách nhà nước là một thể thống nhất được tạo thành bởi các bộ phận cấu thành là một khâu ngân sách độc lập** nhưng giữa chúng có **mối quan hệ qua lại lẫn nhau** trong quá trình **thực hiện các nhiệm vụ thu, chi của mình**
- **Tổ chức hệ thống NSNN là việc xác định, sắp xếp, bố trí các bộ phận cấu thành hệ thống NSNN nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thu, chi của từng cấp NS cũng như toàn bộ hệ thống NSNN**

### 1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

Nhìn chung, ở các nước, Hệ thống ngân sách thường được tổ chức tương ứng với hệ thống chính quyền nhà nước nhưng không nhất thiết mỗi cấp chính quyền là một cấp ngân sách. **Điều kiện cần và đủ** để một cấp chính quyền trở thành **cấp ngân sách**:

-Nhiệm vụ của cấp chính quyền tương đối toàn diện trên các lĩnh vực phát triển về hành chính, xã hội kinh tế ở vùng lãnh thổ mà cấp chính quyền đó quản lý.

-Tổng hợp các nguồn thu trên lãnh thổ mà cấp chính quyền đó quản lý có khả năng giải quyết phần lớn nhu cầu chi tiêu của mình.

+Các nước tổ chức hành chính theo kiểu mô hình nhà nước liên bang thì hệ thống NS cũng được cấu thành bởi các khâu: NS liên bang, NS bang, NS địa phương. Cụ thể như các nước:

- Mỹ, ( mỗi cấp chính quyền đều có nguồn thu riêng của mình, NS bang, NS ĐP còn được trợ cấp từ chính phủ liên bang),
  - Đức ( liên bang,tiểu bang và các xã có NS riêng. Chính phủ liên bang không có quyền can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền cấp dưới)
  - Malaysia: nhà nước liên bang, bang và quận huyện cũng có NS riêng thực hiện thu, chi theo hiến pháp và các luật thuế
- +Các nước tổ chức hành chính theo mô hình kiểu nhà nước đơn nhất như Trung quốc, Nhật bản, hệ thống NS gồm NSTW, NSDP

## 1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

### 1.2 Mô hình tổ chức hệ thống NSNN ở VN

- Cơ cấu của hệ thống NSNN có những thay đổi nhất định theo thời gian
- Giai đoạn từ sau CM tháng 8 cho đến trước năm 1967, nước ta chỉ có 1 NS duy nhất (NSNN), không có sự phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền NN trong quản lý NS; mỗi cấp chính quyền là đơn vị dự toán của NSNN. Mọi hoạt động huy động các nguồn tài chính đều nhằm hình thành quỹ NSNN tập trung và mọi chi tiêu từ quỹ tiền tệ này đều nhằm mục tiêu chung của cả nước là “kháng chiến thắng lợi”

## 1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

- Năm 1967, Nghị định số 118 CP ngày 1/8/1967 đã khai sinh chế độ phân cấp quản lý NS. Đây là khái niệm chỉ mô hình quản lý NSNN trong đó CPTW chỉ phân giao cho CQDP thực hiện một số nghiệp vụ nhất định trong hoạt động NSNN.
- Theo nghị định này hệ thống NSNN gồm 2 cấp: NSTW và NS cấp tỉnh, TP trực thuộc TW. Các cấp chính quyền như quận, huyện và xã phường chỉ là những đơn vị dự toán của NS cấp tỉnh. Tổ chức NSNN theo mô hình này không khuyến khích các cấp chính quyền địa phương phát huy tính chủ động sáng tạo trong việc khai thác huy động nguồn thu trên địa bàn để phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Tạo tư tưởng ỷ lại trong chờ sự trợ giúp của NS cấp trên

Để tăng cường quản lý kinh tế, tăng cường hiệu quả về tài chính, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương các cấp phát huy tính chủ động sáng tạo trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 108/CP ngày 13/5/1978 quy định trách nhiệm, quyền hạn của chính quyền Nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện về quản lý tài chính và quản lý Ngân sách. Đồng thời chỉ ra nhiệm vụ và nội dung công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền mỗi cấp đối với các quỹ tiền tệ không tập trung trong khu vực kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, cá thể cũng như các quỹ tiền tệ tập trung là Ngân sách, bảo hiểm và tín dụng-ngân hàng.

Theo Nghị quyết 108/CP cơ chế hình thành nguồn thu Ngân sách địa phương được mở rộng bao gồm các nguồn thu dành cho Ngân sách địa phương 100% (thu cố định), thu điều tiết về thu quốc doanh, lợi nhuận của xí nghiệp trung ương, xí nghiệp địa phương và thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp... Tỷ lệ điều tiết do Chính phủ quy định được ổn định trong một thời gian nhất định.

Riêng ở miền Nam được xác định mỗi năm một lần theo tiến độ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tập thể và cá thể. Ngoài ra ở một tỉnh nếu thu cố định và thu điều tiết vẫn không đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ chi, thì Ngân sách TW sẽ trợ cấp cho Ngân sách địa phương.

Thực hiện chế độ phân cấp quản lý tài chính - ngân sách đã làm cho số thu Ngân sách địa phương năm 1980 tăng 43,5% so với năm 1976, còn số chi Ngân sách địa phương năm 1980 chỉ tăng 1,5% so với năm 1976, nhưng được quản lý chặt chẽ hơn.

Về Ngân sách xã tuy đã có Nghị định 64/CP ngày 8/4/1972 của

Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ ngân sách xã áp dụng cho miền Bắc. Sau khi có Nghị quyết 108/CP, ngân sách xã đã được áp dụng rộng rãi trong cả nước, tạo điều kiện cho chính quyền cấp xã có phương tiện tài chính để thực thi nhiệm vụ của mình.

## 1.2 Mô hình tổ chức hệ thống NSNN ở VN

- Nhìn chung thực hiện chế độ phân cấp quản lý tài chính và ngân sách giữa Trung ương và địa phương đã có những tác động tích cực thúc đẩy kinh tế địa phương mạnh lên, nguồn thu Ngân sách được phát triển, số thu Ngân sách Nhà nước tại địa phương cũng tăng lên, nhất là nguồn thu gắn với kinh tế và quản lý trực tiếp của địa phương.
- Bên cạnh những ưu điểm trên còn có những nhược điểm, trong quá trình thực hiện chưa đảm bảo tính thống nhất và tập trung của tài chính Nhà nước, đồng thời cũng chưa phát huy đầy đủ tính chủ động sáng tạo của địa phương trong quản lý tài chính và Ngân sách.

## 2. Chế độ pháp lý về tổ chức hệ thống ngân sách

- 1983: hệ thống ngân sách Việt Nam được xây dựng gồm 4 cấp tương đương với 4 cấp chính quyền trong bộ máy nhà nước: Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Điều này đặt ra yêu cầu phải phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể cho từng cấp ngân sách ở địa phương và chính quyền các cấp ở địa phương cần được phân giao quyền hạn, trách nhiệm cụ thể.

## 2. Chế độ pháp lý về tổ chức hệ thống ngân sách

- Trong đó, **ngân sách địa phương sẽ hàm chứa ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã**. Tuy nhiên, cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội chỉ phân giao nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể cho ngân sách trung ương và xác định tổng khối lượng thu-chi cho ngân sách của từng địa phương.
- Trên cơ sở đó, cơ quan **quyền lực cao nhất của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** sẽ được phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc phân phối thu chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương.
- Hiện nay hệ thống ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015 việc phân cấp trong quản lý ngân sách nhà nước đã được đẩy mạnh, tăng tính chủ động, linh hoạt cho từng địa phương.

## 2. Chế độ pháp lý về tổ chức hệ thống ngân sách

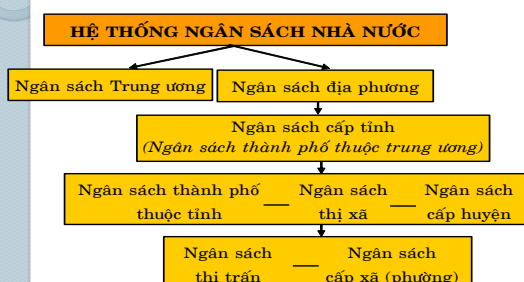
- Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương, trong đó:
  - Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh) bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
  - Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ngân sách huyện) bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách của các xã, phường, thị trấn;
  - Ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã).

## 2. Chế độ pháp lý về tổ chức hệ thống ngân sách

- Ngân sách trung ương và ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể.
- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương theo nguyên tắc quy định tại Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước.

## 2. Chế độ pháp lý về tổ chức hệ thống ngân sách Việt nam

- Cơ cấu hệ thống NSNN mô tả theo sơ đồ sau**



## 2. Các nguyên tắc tổ chức hệ thống NSNN

### 2.1. Nguyên tắc thống nhất trong tổ chức hệ thống NSNN:

Là NSNN mặc dù được tổ chức thành nhiều cấp nhưng các cấp cấu thành hệ thống phải thống nhất và duy nhất, mỗi cấp NS có hoạt động thu chi riêng của mình nhưng những hoạt động đó phải nhất quán, phải cùng dựa trên những chuẩn mực, những định mức và tuân thủ một chính sách, chế độ về thu chi NS.

Đảm bảo tính thống nhất phải thực hiện 3 yêu cầu:

- Phải thể chế hóa thành luật mọi chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, định mức về thu, chi NSNN.
- Đảm bảo tính nhất quán trên phạm vi toàn quốc về hệ thống và chuẩn mực kế toán, về phương thức báo cáo, trình tự lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán NSNN.
- Phải tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mối quan hệ giữa NS cấp trên với cấp dưới trong việc điều chuyển vốn giữa các cấp

- Các cấp ngân sách là những bộ phận cấu thành của một ngân sách duy nhất và thống nhất (ngân sách nhà nước), vì vậy tiền trên tài khoản của từng cấp ngân sách cũng chính là tiền của ngân sách nhà nước. Vì thế, việc điều hoà vốn giữa các cấp ngân sách trong hệ thống là cần thiết nhằm giảm thiểu tình trạng ứ đọng tiền ở cấp ngân sách này và thiếu hụt tiền ở cấp ngân sách khác làm cản trở sự hoạt động trôi chảy của toàn hệ thống ngân sách.
- Thực chất, để thực hiện ba yêu cầu này cần soạn thảo và ban hành các văn bản pháp luật có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc, quy định cụ thể về những vấn đề có liên quan đến tổ chức, điều hành ngân sách nhà nước, đến quá trình ngân sách và đến mối quan hệ giữa các khâu trong

## 2. Các nguyên tắc tổ chức hệ thống NSNN

- 2.2. Nguyên tắc độc lập và tự chủ của các cấp NS:
- Mỗi cấp CQNN đều phải thực hiện chức năng quản lý NN trên địa bàn của mình. Đề chủ động trong thực hiện chức năng QLNN mỗi cấp chính quyền cần phải có nguồn tài chính nhất định. Các cấp chính quyền hay các cấp NS cần có sự độc lập và tự chủ ở một chừng mực nhất định trong quá trình thực hiện chức năng của mình.
- Do vậy cần phải giao các nguồn thu và các nhiệm vụ chi cụ thể cho từng cấp cũng như cho phép mỗi cấp có quyền quyết định NS cấp mình. Việc làm này không dẫn đến hoạt động NSDP nằm ngoài sự chỉ đạo của NNTW và độc lập với NSNN mà chỉ tạo ra sự độc lập cần thiết của mỗi cấp NS. Đây là sự độc lập của các khâu trong một hệ thống NS thống nhất.
- VN pháp luật trao cho QH quyết định nhiệm vụ thu chi cho NSTW và NS cấp tỉnh, TP trực thuộc TW, đồng thời cho phép HĐND cấp tỉnh, TP trực thuộc TW quyết định nhiệm vụ thu, chi của NS cấp huyện, xã với điều kiện quyết định đó phải tuân thủ các nguyên tắc pháp lý và đảm bảo yêu cầu luật pháp đặt ra

### • 2.3. Nguyên tắc tập trung quyền lực trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhà nước trong hoạt động NS

- Tập trung quyền lực thể hiện ở quyền quyết định của Quốc hội và sự điều hành thống nhất của Chính phủ đối với ngân sách nhà nước; thể hiện ở vai trò chủ đạo của chính quyền trung ương trong việc sử dụng ngân sách trung ương để thực hiện những nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia, những chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô và hỗ trợ những địa phương có khó khăn phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo.
- Phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhà nước trong hoạt động ngân sách có nghĩa là xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp chính quyền nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động thu, chi ngân sách.
- Nguyên tắc tập trung quyền lực trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhà nước trong hoạt động ngân sách: quyền quyết định của quốc hội và quyền điều hành thống nhất của chính phủ; vai trò chủ đạo của NSTW, phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhà nước địa phương.

### • 2.3. Mọi quan hệ giữa các cấp NS trong hệ thống NS

- NSTW giữ vai trò chủ đạo bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia và hỗ trợ những địa phương chưa cân đối được thu - chi ngân sách.
- NS các cấp chính quyền địa phương giữ vai trò quan trọng để thực hiện nhiệm vụ CT-KT-XH trên địa bàn được giao.
- NS mỗi cấp được giao nhiệm vụ thu và chi cụ thể.
- Cơ quan QLNN cấp trên ủy quyền cho cơ quan QLNN cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải chuyển kinh phí từ NS cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó.
- Ngoài việc bổ sung nhiệm vụ thu và ủy quyền chi, không dùng NS cấp này để chi cho nhiệm vụ cấp khác

### \* Nguyên tắc quan hệ giữa ngân sách các cấp trong thời kỳ ổn định ngân sách

- Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng và phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu của ngân sách cấp dưới;
- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách không thay đổi trong thời kỳ ổn định ngân sách;
- Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới có thể tăng thêm hàng năm, tùy theo khả năng của ngân sách cấp trên;

### \* Nguyên tắc quan hệ giữa ngân sách các cấp trong thời kỳ ổn định ngân sách

d) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

đ) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này theo quy định như đối với đơn vị trực thuộc của cơ

### \* Nguyên tắc quan hệ giữa ngân sách các cấp trong thời kỳ ổn định ngân sách

- e) Các địa phương được sử dụng số thu ngân sách tăng thêm hàng năm so với dự toán thu ngân sách của địa phương theo phân cấp trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách để tăng chi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách, có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, thì số tăng thu được xử lý theo quy định tại điểm d, khoản 7, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước;

**\*Nguyên tắc quan hệ giữa ngân sách các cấp trong thời kỳ ổn định ngân sách**

g) Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

- Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng của các đơn vị này để phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các thực hiện các hoạt động cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương; hoặc trong trường hợp các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền cấp dưới;

- Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

**3.Phạm vi ngân sách nhà nước**

**1. Thu ngân sách nhà nước bao gồm:**

- Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;
- Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**3.Phạm vi ngân sách nhà nước**

**2. Chi ngân sách nhà nước bao gồm:**

- Chi đầu tư phát triển;
  - Chi dự trữ quốc gia;
  - Chi thường xuyên;
  - Chi trả nợ lãi;
  - Chi viện trợ;
  - Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
3. Bội chi ngân sách nhà nước.
4. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.

**5.Năm ngân sách**

- Năm ngân sách bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**6.Công khai ngân sách nhà nước**

1.Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước được công khai theo quy định sau đây:

**6.Công khai ngân sách nhà nước**

- Nội dung công khai bao gồm: số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia;
- Việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;



### 6. Công khai ngân sách nhà nước

c) Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân.

Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành.

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

### 6. Công khai ngân sách nhà nước

2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước:

- Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan thu, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước;

- Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn giảm, gia hạn, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;

- Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### \* Nội dung công khai ngân sách nhà nước và ngân sách trung ương:

a) Công khai số liệu, thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, dự toán ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội phê chuẩn; gồm:

- Thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực;

- Chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ;

### \* Nội dung công khai ngân sách nhà nước và ngân sách trung ương:

- Bội chi ngân sách nhà nước bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương, chi tiết từng địa phương. Tổng mức vay của ngân sách nhà nước, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.
- Chi ngân sách trung ương theo từng lĩnh vực; tổng số và chi tiết theo từng lĩnh vực chi ngân sách trung ương cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương; chi ngân sách trung ương cho các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia.

### \* Nội dung công khai ngân sách nhà nước và ngân sách trung ương:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- b) Công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước; dự toán chi ngân sách nhà nước.

### \* Nội dung công khai ngân sách các cấp ở địa phương:

a) Công khai số liệu, thuyết minh dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân, dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; quyết toán ngân sách được Hội đồng nhân dân phê chuẩn; gồm:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương; chi ngân sách địa phương.

- Chi ngân sách cấp mình theo từng lĩnh vực; tổng số và chi tiết theo từng lĩnh vực chi ngân sách cấp mình cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình; chi xây dựng cơ bản từ ngân sách cấp mình cho từng dự án, công trình; chi cho các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia và một số mục tiêu, nhiệm vụ khác.



- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng địa phương cấp dưới, chi ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp mình cho ngân sách từng ngân sách cấp dưới.
  - Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho ngân sách từng cấp ngân sách cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.
  - Đối với ngân sách cấp tỉnh phải công khai bội chi ngân sách địa phương, nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Tổng mức vay của ngân sách địa phương, bao gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương và vay để trả nợ gốc của ngân sách ngân sách địa phương.
  - Đối với ngân sách cấp xã còn phải thực hiện công khai chi tiết kế hoạch và kết quả các hoạt động tài chính khác của xã.
- b) Công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu ngân sách địa phương, dự toán chi ngân sách nhà nước.

### \* Nội dung công khai kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước:

- a) Công khai kết quả những nội dung đã được thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;
- b) Công khai báo cáo những nội dung còn chưa thực hiện theo các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và giải trình, thuyết minh lý do chưa thực hiện.

**\*Nội dung công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí, các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

1. Đối với đơn vị dự toán ngân sách:

- a) Dự toán thu, chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền duyệt.
- b) Dự toán thu, chi ngân sách đã giao cho các đơn vị dự toán cấp dưới; công bố công khai quyết toán ngân sách đã duyệt hoặc thẩm định cho các đơn vị dự toán cấp dưới.

**\*Nội dung công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí, các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

- 2. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện và quyết toán thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của tổ chức và cá nhân (nếu có); cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đơn vị.
- 3. Các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện việc công khai theo quy định của Luật Đầu tư công và

### **7. Giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng**

1. Ngân sách nhà nước được giám sát bởi cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức việc giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng. Nội dung giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng gồm:

- a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước;
  - b) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;
  - c) Việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 15 của Luật này.
2. Chính phủ quy định chi tiết về giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng.

### **Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và được quản lý trực tiếp của cơ quan nhà nước.
2. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.
3. Căn cứ khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có thể được hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước khi đáp ứng đủ các điều kiện:
  - a) Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật;
  - b) Có khả năng tài chính độc lập;
  - c) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước

### Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

3. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và cơ quan quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của Nghị định này về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước.
4. Hằng năm, cơ quan quản lý quỹ do Trung ương quản lý thực hiện báo cáo Bộ Tài chính kế hoạch thu chi và quyết toán thu chi quỹ để tổng hợp báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý quỹ do địa phương quản lý thực hiện báo cáo Sở Tài chính kế hoạch thu chi và quyết toán thu chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

### Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

5. Cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để giải trình với Quốc hội khi có yêu cầu; cơ quan quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách ở địa phương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải trình với Hội đồng nhân dân cùng cấp khi có yêu cầu.

## II CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN:

1. Khái niệm
  - Phân cấp NSNN là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn, của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán NS trong việc quản lý NSNN phù hợp với phân cấp quản lý KT-XH
  - Chế độ pháp lý về phân cấp QLNSNN bao gồm các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực NSNN cũng như các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phân giao nguồn thu và nhiệm vụ chi của NS các cấp

## II.CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN

2. Sự cần thiết phải phân cấp
  - Về lý thuyết quản lý và điều hành NS có thể tập trung mọi quyền lực vào chính quyền TW, NN chỉ có một NS duy nhất và do CQTW toàn quyền quyết định sử dụng, phù nhận sự tồn tại độc lập của NSDP.
  - Ưu điểm phương thức quản lý này cho phép tập trung toàn bộ nguồn thu vào TW để bố trí chi tiêu hợp lý công bằng, đồng đều giữa các vùng, miền, ngành nghề chống tính cục bộ địa phương.
  - Hạn chế phương thức quản lý này: tạo ra tư tưởng ỷ lại, thụ động trông chờ vào TW, nguồn lực của XH có hạn dễ bị sử dụng lãng phí, không đáp ứng đúng, kịp thời nhu cầu của người dân

## II CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN

2. Sự cần thiết phải phân cấp
  - Trên thực tế, các nhà nước đều thực hiện phân cấp quản lý NS ở mức độ nhất định cho chính quyền địa phương. Việc phân cấp xem như phương thức để tăng tính chủ động, linh hoạt, hiệu quả và trách nhiệm của các cấp chính quyền trong cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng.
  - Nhà nước thay mặt cộng đồng cung cấp những hàng hóa và dịch vụ công cộng mà người dân mong muốn. Để đảm bảo việc cung ứng HHDVCC có hiệu quả phải xuất phát từ nhu cầu của người dân.
  - Những HHDVCC gắn với đặc thù của từng địa phương, chỉ có chính quyền địa phương hiểu rõ nhất họ cần HHDVCC gì?
  - Việc gắn với người hưởng lợi đã tạo động lực để chính quyền và người dân phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc phát huy nội lực, tăng cường kiểm tra, giám sát trong quản lý thu, chi. Người dân cũng sẵn sàng, tự giác trong việc chi trả cho các dịch vụ họ đã lựa chọn
  - Những hạn chế trong phân cấp NS : mất công bằng, tham nhũng tùy tiện, không đảm bảo kỷ luật tài khóa tổng thể hay chính sách chiến lược quốc gia cũng cần tính đến và có biện pháp khắc phục khi cần thiết

## II.CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN

3. Những nguyên tắc phân cấp NSNN.
  - Phù hợp với phân cấp quản lý KT-XH, quốc phòng, an ninh của nhà nước và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn
  - Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể:
  - Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia như : các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tác động đến cả nước hoặc nhiều địa phương, các chương trình, dự án quốc gia, các chính sách xã hội quan trọng, điều phối hoạt động kinh tế vĩ mô của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hỗ trợ những địa phương chưa cân đối được thu, chi ngân sách;
  - Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi quản lý;

### III CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN

#### 3. Những nguyên tắc phân cấp NSNN

-Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, thời gian thực hiện phân cấp này phải phù hợp với thời kỳ ổn định ngân sách ở địa phương; cấp xã được tăng cường nguồn thu, phương tiện và cán bộ quản lý tài chính - ngân sách để quản lý tốt, có hiệu quả các nguồn lực tài chính trên địa bàn được phân cấp;

-Kết thúc mỗi kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp, theo thẩm quyền Quốc hội, Hội đồng nhân dân điều chỉnh mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp.

#### 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách (Điều 9 Luật NSNN 2015)

1. Ngân sách trung ương, ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.
2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật NSNN 2015.
3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

4. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

5. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

6. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương.

#### 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách (Điều 9 Luật NSNN 2015)

7. Trong thời kỳ ổn định ngân sách:
  - a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách;
  - b) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định;
  - c) Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới;

d) Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN 2015.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 của Luật NSNN 2015 để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền

đ) Trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật NSNN 2015.

#### 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách

8. Sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương phải tăng khả năng tự cân đối, phát triển ngân sách địa phương, thực hiện giảm dần tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách địa phương hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) nộp về ngân sách cấp trên đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách để tăng nguồn lực cho ngân sách cấp trên thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia và phát triển đồng đều giữa các địa phương.

9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

- Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;
- Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;
- Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

#### 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách

- 10. Trường hợp thực hiện điều ước quốc tế dẫn đến giảm nguồn thu của ngân sách trung ương, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

#### II. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NSNN

5. Nội dung pháp lý về phân cấp quản lý NSNN

5.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức cá nhân về NSNN

\* Quốc hội: Đ19 Luật NSNN 2015

\* Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đ20 Luật NSNN 2015

\* Ủy ban Tài chính và ngân sách của Quốc hội: Đ 21. Luật NSNN 2015

\* Hội đồng dân tộc và các ủy ban khác của Quốc hội: Đ 22 luật NSNN 2015

\* Kiểm Toán nhà nước: Đ 23 luật NSNN 2015

\* Chủ tịch nước: Đ 24 luật NSNN 2015

\* Chính phủ: Đ 25 luật NSNN 2015

\* Bộ Tài Chính Đ 26 luật NSNN 2015

\* Bộ Kế hoạch & Đầu tư, NH NN Đ 27, 28 luật NSNN 2015

\* Bộ cơ quan ngang bộ Đ 29 luật NSNN 2015

Hội đồng nhân dân các cấp Đ 30 luật NSNN 2015

Ủy ban nhân dân các cấp Đ 31 luật NSNN 2015

Các đơn vị dự toán ngân sách Đ 32 luật NSNN 2015

Chủ đầu tư Đ 33 luật NSNN 2015

Cơ quan tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan Đ 34 luật NSNN 2015

#### 5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

*Quan hệ giữa các cấp chính quyền về chính sách, chế độ*

Về cơ bản Nhà nước trung ương vẫn giữ vai trò quyết định các loại thu như thuế, phí, lệ phí, vay nợ và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước. Ngoài các chế độ tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chế độ chi ngân sách, phù hợp với đặc điểm thực tế ở địa phương. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính việc ban hành các chế độ chi ngân sách ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định một số chế độ thu phí gắn với quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên, gắn với chức năng quản lý hành chính Nhà nước của chính quyền địa phương và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

#### *Quan hệ các cấp về nguồn thu, nhiệm vụ chi*

Ngân sách trung ương hưởng các khoản thu tập trung quan trọng không gắn trực tiếp với công tác quản lý của địa phương như: thuế xuất, thuế nhập khẩu, thu từ dầu thô... hoặc không đủ căn cứ chính xác để phân chia như: thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.

Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu để đảm bảo chủ động thực hiện những nhiệm vụ được giao, gắn trực tiếp với công tác quản lý tại địa phương như: thuế nhà, đất, thuế môn bài, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao... Ngân sách cấp trên thực hiện nhiệm vụ bổ sung ngân sách cho ngân sách cấp dưới dưới hai hình thức: Bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu.

#### *Quan hệ giữa các cấp về quản lý chu trình ngân sách nhà nước*

Ngoài các quyền có tính truyền thống như:

- Quyết định dự toán ngân sách địa phương;
- Phân bổ ngân sách địa phương; phân bổ dự toán chi ngân sách cho sở, ban, ngành theo từng lĩnh vực cụ thể, quyết định số bổ sung từ ngân sách cấp mình cho từng ngân sách cấp dưới;
- Trực tiếp phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương HĐND cấp tỉnh còn có nhiệm vụ:

Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương.

Quyết định tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần trăm ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và các khoản thu có phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương

### 6. Phân chia tỷ lệ điều tiết NSNN

- Việc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phần ngân sách địa phương được hướng thực hiện theo công thức sau. Gọi:
- Tổng số chi ngân sách địa phương (sau khi trừ đi các khoản sau: chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, chi đầu tư từ nguồn huy động theo Khoản 2 Điều 7 của Luật NSNN 2015, chi từ nguồn đóng góp tự nguyện, chi từ nguồn viện trợ, chi từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước, chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau) là A.
- Tổng số các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% (sau khi trừ đi các khoản thu sau: thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu kết dư, thu huy động theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, thu từ đóng góp tự nguyện, thu viện trợ, thu vay nợ, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước) là B.
- Tổng số các khoản thu được phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương là C.

- Nếu  $A = B + C$  : tự giải quyết cân đối
- Nếu  $A - B < C$  thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia được tính theo công thức:

Tỷ lệ phần trăm (%)	=	$\frac{A - B}{C}$	×	100%
---------------------	---	-------------------	---	------

Nếu  $A - B \geq C$  thì tỷ lệ phần trăm (%) xác định bằng 100% và phần chênh lệch sẽ được ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương.

### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương theo nguyên tắc sau:
- a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng địa phương;
- b) Ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất;

### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- c) Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- d) Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác

### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- 2. Căn cứ nguồn thu ngân sách địa phương hưởng 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) do Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp ở địa phương.
- Đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, khi phân chia lại cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu không được vượt quá tỷ lệ do Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- a) Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng và phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu của ngân sách cấp dưới;
- b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách không thay đổi trong thời kỳ ổn định ngân sách;
- c) Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới có thể tăng thêm hằng năm, tùy theo khả năng của ngân sách cấp trên;



### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- c) Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới có thể tăng thêm hằng năm, tùy theo khả năng của ngân sách cấp trên;
- d) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- d) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này theo quy định như đối với đơn vị trực thuộc của cơ quan ủy quyền;
- e) Các địa phương được sử dụng số thu ngân sách tăng thêm hằng năm so với dự toán thu ngân sách của địa phương theo phân cấp trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách để tăng chi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách, có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, thì số tăng thu được xử lý theo quy định

### Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

- g) Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:
- Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng của các đơn vị này để phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các thực hiện các hoạt động cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương; hoặc trong trường hợp các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền cấp dưới;
  - Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

## 7. Dự Phòng NSNN

- *Khái niệm*
- *Dự phòng ngân sách nhà nước là một khoản mục trong dự toán chi ngân sách chưa phân bổ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định ở từng cấp ngân sách.*

### Dự phòng ngân sách nhà nước

-Nguồn hình thành dự phòng NSNN

Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp.

-Nội dung sử dụng Dự phòng ngân sách nhà nước để:

- Chỉ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán;
- Chỉ hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;
- Chỉ hỗ trợ các địa phương khác ( Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng )

### Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương:

- Theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức chi trên 03 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mức chi không quá 03 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định chi để thực hiện những chính sách, chế độ đã được cấp có thẩm quyền quyết định, trừ các khoản chi quy định tại điểm a khoản này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.



- 4. Thẩm quyền quyết định dự phòng ngân sách các cấp ở địa phương, cơ quan tài chính ở địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.
- 5. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương hàng quý, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân việc sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình hàng quý, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

## 8. Quỹ dự trữ tài chính

+ *Khái niệm*

*Quỹ dự trữ tài chính* là quỹ của Nhà nước, hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

## 8. Quỹ dự trữ tài chính

1. Quỹ dự trữ tài chính là quỹ của Nhà nước được thành lập ở Trung ương và cấp tỉnh.
2. Quỹ dự trữ tài chính được hình thành từ các nguồn:
  - a) Bộ trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm;
  - b) Kết dư ngân sách theo quy định
  - c) Tăng thu ngân sách theo quy định
  - d) Lãi tiền gửi quỹ dự trữ tài chính;
  - đ) Các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.
3. Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp đó.

## 8. Quỹ dự trữ tài chính

4. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng trong các trường hợp sau:
  - a) Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách;
  - b) Trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định và thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ.

## 8. Quỹ dự trữ tài chính

5. Thẩm quyền quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính:
  - a) Đối với quỹ dự trữ tài chính Trung ương:
    - Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính của Trung ương để tạm ứng trong các trường hợp quy định tại điểm a nêu trên;
    - Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính để chi cho các trường hợp quy định tại điểm b nêu trên;
  - b) Đối với quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính của tỉnh trong các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b nêu trên

## 8. Quỹ dự trữ tài chính

6. Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm chủ tài khoản. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho giám đốc Sở Tài chính làm chủ tài khoản.
7. Việc sử dụng quỹ dự trữ tài chính trong các trường hợp quy định tại điểm b nêu trên này được thực hiện theo phương thức chuyển từ quỹ dự trữ tài chính vào thu ngân sách nhà nước và thực hiện theo nhiệm vụ chi đã được quyết định.
8. Quỹ dự trữ tài chính được gửi tại Kho bạc nhà nước và được Kho bạc nhà nước trả lãi tiền gửi theo mức lãi suất tiền gửi Ngân hàng nhà nước trả cho Kho bạc nhà nước.
9. Ngân sách cấp tỉnh được tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của Trung ương, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã được tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của Tỉnh và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách.

## **CHU TRÌNH NGÂN SÁCH LẬP DỰ TOÁN - PHÊ CHUẨN DỰ TOÁN - QUYẾT TOÁN NSNN**

### **I. Khái niệm**

- Chu trình ngân sách hay còn gọi là quy trình ngân sách dùng để chỉ toàn bộ hoạt động của một ngân sách kể từ khi bắt đầu hình thành cho đến khi kết thúc chuyển sang ngân sách mới. Một chu trình ngân sách bao gồm 3 khâu nối tiếp nhau, đó là: lập ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách.

Chu trình NSNN thường bắt đầu từ năm trước năm NS và kết thúc sau năm NS

- Trong năm NS diễn ra đồng thời cả 3 khâu của chu trình NS:
- Chấp hành NS của chu trình NS hiện tại.
- Quyết toán NS của chu trình NS trước đó
- Lập NS cho chu trình tiếp theo

### **Khái niệm lập dự toán ngân sách nhà nước**

Lập dự toán ngân sách nhà nước là quá trình xây dựng và quyết định dự toán thu, chi ngân sách của Nhà nước trong thời hạn một năm.

Có thể khẳng định rằng **lập dự toán ngân sách nhà nước là khâu quan trọng** của quá trình ngân sách bởi lẽ, khâu này tạo tiền đề, cơ sở cho các khâu tiếp theo của quá trình ngân sách nhà nước

Nếu việc lập dự toán ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở có đầy đủ căn cứ khoa học và phù hợp với thực tiễn, bảo đảm đúng tiến độ, thời gian quy định thì việc tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước sẽ có chất lượng và hiệu quả hơn.

### **Khái niệm lập dự toán ngân sách nhà nước**

- Ngược lại, nếu quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước không được thực hiện tốt thì không những việc thực hiện ngân sách nhà nước sẽ thiếu tính minh bạch, kém hiệu quả mà còn làm cho quá trình quyết toán ngân sách nhà nước gặp phải nhiều khó khăn, phức tạp.
- Chính vì vậy, việc nghiên cứu và áp dụng pháp luật trong hoạt động lập dự toán ngân sách nhà nước thiết phải được đặt trong mối quan hệ thống nhất, biện chứng với các giai đoạn sau của toàn bộ quá trình ngân sách.

## **2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN**

- **2.1.1. Mục tiêu của lập dự toán NSNN**
- **2.1.2. Yêu cầu của dự toán NSNN**
- Yêu cầu CỤ THỂ lập dự toán NSNN hằng năm
- 2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách
- Kế hoạch tài chính 05 năm
- Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm
- 2.4. Phương pháp lập dự toán
- 2.5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm
- 2.6. Quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước

## **2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN**

- 2.7. Lập và thảo luận dự toán NSNN
- 2.7.1. Lập dự toán ngân sách địa phương
- 2.7.2. Lập dự toán ngân sách nhà nước và NSTW
- 2.7.3. Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ
- 2.7.4. Lập dự toán ngân sách tại các tổ chức kinh tế và các cơ quan thu ngân sách

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- **2.1.1. Mục tiêu của lập dự toán NSNN**
- Nguồn lực trong xã hội có thể huy động và sử dụng của NN là hữu hạn, nên cần đảm bảo rằng NS phải đáp ứng được việc thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội của NN
- Phân bổ nguồn lực phù hợp với thứ tự chính sách ưu tiên của NN trong từng thời kỳ
- Tạo thuận lợi quản lý thu, chi trong quá trình tổ chức thực hiện, giúp cho việc nhận xét đánh giá, quyết toán NS được hiệu quả

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- **2.1.2. Yêu cầu của dự toán NSNN**
- Lập dự toán NS phải trên cơ sở các quan điểm chính sách tài chính quốc gia trong từng thời kỳ NSNN là một trong những nội dung cơ bản của CSTCQG. Do đó lập NS phải trên cơ sở quan điểm này để xây dựng kế hoạch NS phù hợp như:
  - Mức độ trật tự và cơ cấu động viên các nguồn nội lực và ngoại lực;
  - Thứ tự và cơ cấu bố trí các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư, chi trả nợ;

### Yêu cầu CỤ THỂ lập dự toán NSNN hằng năm

1. Dự toán ngân sách nhà nước phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu

- + Thu thuế, phí lệ phí
- + Các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động kinh tế của Nhà nước
- + Thu vay nợ, viện trợ
- + Thu khác
- + Chi đầu tư phát triển,
- + Chi thường xuyên,
- + Chi dự trữ quốc gia,
- + Chi trả nợ và viện trợ,
- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách.

### Yêu cầu CỤ THỂ lập dự toán NSNN hằng năm

2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:

- a) Dự toán thu ngân sách được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách;
- b) Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

### Yêu cầu cụ thể lập dự toán NSNN hằng năm

- c) Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ;
- d) Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật có liên quan;

### Yêu cầu CỤ THỂ lập dự toán NSNN hằng năm

- d) Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được lập căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành phần đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia;
- e) Dự toán chi trả nợ được lập trên cơ sở bảo đảm trả các khoản nợ đến hạn của năm dự toán ngân sách;
- g) Dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào cân đối ngân sách nhà nước, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo nghị quyết của Quốc hội.

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- Lập dự toán NS phải tuân thủ những quy định của luật NSNN
- Dự toán NS của đơn vị dự toán các cấp phải lập theo đúng yêu cầu, nội dung, biểu mẫu và thời hạn quy định và phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán
- Dự toán thu, chi NS phải căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế và các quy định của pháp luật về thu chi NS như chính sách thu thuế phí, lệ phí, vay nợ..., chế độ tiêu chuẩn định mức chi
- Dự toán ngân sách các cấp phải bảo đảm cân đối theo nguyên tắc sau

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- + Đối với dự toán NSNN: tổng số thu thuế, phí và lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và các khoản chi trả nợ; bội chi phải nhỏ hơn chi đầu tư phát triển
- + Lập dự toán vay bù đắp thiếu hụt NSTW, NSDP cấp tỉnh phải căn cứ vào cân đối NS, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và mức không chế bội chi NS theo NQ của QH

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- **2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách**
- Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh; đối ngoại, bình đẳng giới.
- Chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của năm kế hoạch và những chỉ tiêu phản ánh quy mô nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động, điều kiện kinh tế - xã hội và tự nhiên của từng vùng như: dân số theo vùng lãnh thổ, các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội do cơ quan có thẩm quyền thông báo đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, từng địa phương và đơn vị;
- Nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

### 2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách

- Số kiểm tra về dự toán ngân sách do cơ quan có thẩm quyền thông báo.
- Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách các năm trước đặc biệt là năm báo cáo.
- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung cân đối ngân sách của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.
- Văn bản pháp luật của các cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- Chính sách chế độ thuế, phí, lệ phí và chế độ thu NS; định mức chi bộ (chế độ chi) của đơn vị dự toán ngân sách
- Những quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp quản lý ngân sách
- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách; Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách; thông tư hướng dẫn của Bộ KH&ĐT về xây dựng KH phát triển KT-XH, kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc NSNN và văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lập dự toán ngân sách ở các cấp địa phương
- Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước (Đ 43 Luật NSNN 2015)

### 2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách Kế hoạch tài chính 05 năm

- Kế hoạch tài chính 05 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm.
- Kế hoạch tài chính 05 năm xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước; các định hướng lớn về tài chính, ngân sách nhà nước; số thu và cơ cấu thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên; định hướng về bội chi ngân sách; giới hạn nợ nước ngoài của quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch.

**2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách****Kế hoạch tài chính 05 năm**

2. Kế hoạch tài chính 05 năm được sử dụng để:
- Thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương; cân đối, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính công và ngân sách nhà nước trong trung hạn; thúc đẩy việc công khai, minh bạch ngân sách nhà nước;
  - Làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước;
  - Định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

**2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách  
Kế hoạch tài chính 05 năm**

- Kế hoạch tài chính 05 năm gồm kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia và kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia trình Chính phủ báo cáo Quốc hội; Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương mình trình Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định cùng với thời điểm trình dự toán ngân sách năm đầu kỳ kế hoạch.
- Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm.

**2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách****Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.

**2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách****Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

- Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm gồm kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  
Nội dung gồm: dự báo về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, những chính sách ngân sách quan trọng; dự báo về số thu, chi và cơ cấu thu, chi; dự báo về số bội chi ngân sách; xác định các nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước và thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực ngân sách, trần chi tiêu cho các lĩnh vực, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên; dự báo về nghĩa vụ nợ dự phòng và các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch trong thời hạn 03 năm.

**2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách  
Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, nội dung gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chủ yếu của ngành, cơ quan, đơn vị;  
Dự báo các nguồn lực tài chính, trong đó dự báo về số thu được giao quản lý, yêu cầu về chi ngân sách để thực hiện; thể hiện nguyên tắc và cách thức xác định, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách và dự kiến phân bổ kinh phí trong tổng mức trần chi tiêu được cơ quan có thẩm quyền xác định trước; các giải pháp chủ yếu để cân đối giữa nhu cầu chi ngân sách và trần chi tiêu trong thời hạn 03 năm.

**2.3. Căn cứ lập dự toán ngân sách  
Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm**

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm



## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

### 2.4. Phương pháp lập dự toán

- Cách tiếp cận từ trên xuống:

Xác định tổng nguồn lực sẵn có cho chi tiêu công cộng trong khuôn khổ kinh tế vĩ mô

Xây dựng văn bản hướng dẫn lập NS. Lập số kiểm tra về dự toán thu, chi cho các Bộ, địa phương, đơn vị phù hợp với chính sách ưu tiên của Nhà nước..

Thông báo số kiểm tra cho các bộ, địa phương, đơn vị

- Cách tiếp cận từ dưới lên

### Trao đổi đàm phán thương lượng và quyết định DT NSNN và phân bổ DT NSNN

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương tổ chức thảo luận với các cơ quan, đơn vị trực thuộc.
- \*Cơ quan tài chính các cấp chủ trì tổ chức:
  - a) Thảo luận về dự toán ngân sách hằng năm với các cơ quan, đơn vị cùng cấp;
  - b) Thảo luận về dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và ngân sách cấp dưới, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách các năm sau;
  - c) Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách, cơ quan tài chính tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Ủy ban nhân dân cấp đó đề nghị.

### Trao đổi đàm phán thương lượng và quyết định DT NSNN và phân bổ DT NSNN

\* Trong quá trình thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ ngân sách, trường hợp có những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng quy định của pháp luật, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thì cơ quan tài chính yêu cầu điều chỉnh lại.

Nếu còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới thì cơ quan tài chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

### Trao đổi đàm phán thương lượng và quyết định DT NSNN và phân bổ DT NSNN

\* Thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương:

- a) Chính phủ thảo luận, cho ý kiến vào dự thảo các báo cáo của Chính phủ do Bộ Tài chính trình trước khi trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- b) Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội chủ trì thẩm tra các báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội;
- c) Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội và ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoàn chỉnh các báo cáo trình Quốc hội;
- d) Quốc hội thảo luận, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau. Trong quá trình thảo luận, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, trường hợp quyết định điều chỉnh thu, chi ngân sách, Quốc hội quyết định các giải pháp để bảo đảm cân đối ngân sách.

### Trao đổi đàm phán thương lượng và quyết định DT NSNN và phân bổ DT NSNN

- \* Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.
- \*Việc xem xét, quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ.

### 2.5 Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm

1. Cơ quan thu các cấp ở địa phương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gửi cơ quan thu cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan thu ở trung ương xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực được giao phụ trách, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.



### 2.5 Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm

3. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các chỉ tiêu quy định nhiệm vụ quyền hạn HĐND các cấp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.
4. Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan theo quy định để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ; đồng thời gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để giám sát

### 2.5 Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc lập dự toán ngân sách hằng năm

5. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.
6. Bộ Tài chính xem xét dự toán ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo các nội dung quy định thảo luận và quyết định dự toán NSNN và phân bổ dự toán NS hằng năm

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

### 2.6 Thời gian lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- Trước ngày 31 tháng 5, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau.
- Trước ngày 1 tháng 6 năm trước, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về yêu cầu, nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách
- ( nội dung : Tổng mức và từng lĩnh vực thu, chi ngân sách đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương. Tổng số thu, chi và một số lĩnh vực chi quan trọng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

## 2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

### 2.6 Thời gian lập và phê chuẩn dự toán NSNN

- Trước ngày 01 tháng 6, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:
- a) Ban hành thông tư hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển năm sau;
  - b) Thông báo số kiểm tra dự toán vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm sau đến từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
  - c) Thông báo số kiểm tra dự toán vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

### 2.6 Thời gian lập và phê chuẩn dự toán NSNN

Trước ngày 15 tháng 6:

- a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau trong phạm vi được giao quản lý; thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- b) Các bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia: Hướng dẫn xây dựng dự toán chi ngân sách năm sau của chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý; thông báo số kiểm tra dự toán chi ngân sách năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia đến từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, từng tỉnh thành phố trực thuộc trung ương;
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau ở địa phương; thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm sau đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã

### 2.6 Thời gian lập và phê chuẩn dự toán NSNN

Trước ngày 20 tháng 7:

- a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách, phương án phân bổ ngân sách năm sau chi tiết theo từng lĩnh vực và chi tiết tới từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (phần chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu);
- b) Các bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chủ trì lập dự toán chi và phương án phân bổ năm sau của chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương năm sau gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu)

**2.6 Thời gian lập và phê chuẩn dự toán NSNN**

- Trước ngày 15 tháng 8, Bộ Tài chính trình Thường trực Chính phủ cho ý kiến về báo cáo đánh giá thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành và cân đối ngân sách nhà nước năm sau.
- Trước ngày 30 tháng 8, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi phương án phân bổ chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương năm sau tới Bộ Tài chính để tổng hợp.
- Trước ngày 5 tháng 9, Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau trình Chính phủ.
- Trước ngày 10 tháng 9, Chính phủ thảo luận, cho ý kiến về dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau do Bộ Tài chính trình.
- Trước ngày 20 tháng 9, Chính phủ trình các báo cáo theo quy định các tài liệu trình dự toán NSNN và phân bổ NSNN gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội để cho ý kiến

**2.6 Thời gian lập và phê chuẩn dự toán NSNN**

- Trước ngày 15 tháng 11, Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau.
- 13. Trước ngày 20 tháng 11, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- 14. Trước ngày 10 tháng 12, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.

-Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

-Trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

**2. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN**

- 2.7.Lập và thảo luận dự toán NSNN
- 2.7.1Lập dự toán ngân sách địa phương
- Cơ quan TC chủ trì phối hợp với cơ quan KH&ĐT xem xét dự toánSN của các đơn vị thuộc tỉnh,
- Dự toán thu do cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập (nếu có),
- Dự toán thu, chi ngân sách của các huyện; lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách tỉnh (gồm dự toán ngân sách huyện, xã và dự toán ngân sách cấp tỉnh),
- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia,
- Báo cáo UBND tỉnh để trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét trước khi báo cáo các cơ quan Trung ương chậm nhất vào ngày 25 tháng 7 năm trước.

**2.7.2Lập dự toán ngân sách nhà nước vàNSTW**

- Bộ TC chủ trì phối hợp với Bộ KHĐT và các bộ, cơ quan liên quan, xem xét dự toán thu, chi NS do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo, dự toán chi ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ), chỉ chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo, nhu cầu trả nợ và khả năng vay; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, lập phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ.
- BTC thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, báo cáo và giải trình với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định tại Quy chế lập thẩm tra trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách TW và phê chuẩn quyết toán NSNN

**2.7.3Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ**

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.
2. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền cho thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, thì phải lập riêng phần kinh phí này cho từng nhiệm vụ, dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Việc lập dự toán cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải căn cứ yêu cầu về kết quả, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian hoàn thành cụ thể cho từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm; định mức kỹ thuật kinh tế, chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương, cùng loại.

### 2.7.3.Lập dự toán ngân sách tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ

3. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc gửi đơn vị dự toán cấp I.
4. Các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.
5. Các đơn vị dự toán cấp I lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị cấp dưới trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp
6. Dự toán thu, chi ngân sách được lập phải đáp ứng đúng yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước quy định yêu cầu lập dự toán hàng năm

### 2.7.4.Lập dự toán ngân sách tại các tổ chức kinh tế và các cơ quan thu ngân sách

1. Các doanh nghiệp căn cứ vào kế hoạch sản xuất - kinh doanh của mình, quy định của các luật thuế và chế độ thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, dự kiến số thuế và các khoản phải nộp ngân sách năm sau, số thu được miễn, giảm, gia hạn, hoàn theo chế độ đăng ký với cơ quan thu ngân sách quản lý trực tiếp.
2. Cục Hải quan lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý và theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Tổng cục Hải quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

### 2.7.4.Lập dự toán ngân sách tại các tổ chức kinh tế và các cơ quan thu ngân sách

Cục Thuế các địa phương:

- a) Lập dự toán thu nội địa trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, số thuế giá trị gia tăng dự kiến phải hoàn theo chế độ thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Thuế và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- b) Hướng dẫn cơ quan Thuế trực thuộc lập dự toán thu nội địa trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan Tài chính và cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của địa phương.
4. Các cơ quan, đơn vị được giao thu các khoản phí, lệ phí phải lập dự toán thu các khoản thu phí, lệ phí được giao gửi cơ quan thuế và cơ quan tài chính cùng cấp

### 2.8.Lập lại dự toán ngân sách nhà nước

- Trong trường hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương chưa được Quốc hội quyết định, Chính phủ lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.
- Trường hợp dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình chưa được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân lập lại dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình, trình Hội đồng nhân dân vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn thời hạn Chính phủ quy định.

### 2.8.Lập lại dự toán ngân sách nhà nước

- Trường hợp phải lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương theo quy định thì trình tự, thủ tục lập thực hiện theo quy trình lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định dự toán ngân sách hằng năm.
- Thời gian lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương do Quốc hội quyết định. Thời gian lập lại dự toán ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn ngày 10 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh, ngày 20 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp huyện và ngày 30 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp xã.

### 2.9.Biểu quyết ngân sách nhà nước

- - Dự toán ngân sách phải được UB Ngân sách Quốc hội xem xét, đánh giá và Ủy ban này sẽ có những ý kiến cụ thể báo cáo trước Quốc hội.
- Các báo cáo có liên quan đến dự toán NS phải được gửi đến đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày trước ngày họp Quốc hội. Quốc hội sẽ thảo luận dự toán ngân sách. Sau khi thảo luận, Quốc hội sẽ biểu quyết ngân sách nhà nước. Nếu quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết thông qua thì Quốc hội sẽ ra Nghị quyết về việc phê chuẩn dự toán NSNN. Như vậy Dự toán NSNN được Quốc hội phê chuẩn trở thành

### 2.10. Quyết định phân bổ ngân sách trung ương, giao dự toán ngân sách nhà nước

- Sau khi dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Bộ Tài chính có trách nhiệm:
- - Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, trình Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương, đối với các

### Quyết định, phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước

1. Căn cứ vào các nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, nghị quyết về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; mức bội chi ngân sách và nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, hạn mức vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của từng địa phương,
2. Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; nhiệm vụ thu, chi, bội chi và tổng mức vay, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và mức bổ sung cân đối, mức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

### 2.10. Quyết định, phân bổ, giao dự toán NSDP

Trên cơ sở quyết định giao nhiệm vụ thu, chi, bội chi ngân sách của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới trước ngày 10 tháng 12 năm trước; báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách tỉnh và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; nhiệm vụ thu, chi ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc tỉnh.

### 2.11. Quyết định, phân bổ, giao dự toán NS Huyện. Quận. TX, TP thuộc Tỉnh, xã phường, thị trấn

Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

Sau khi dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

## 3. Chấp hành NSNN

3.1 Khái niệm Chấp hành NSNN là quá trình sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, tài chính và hành chính nhằm biến các chỉ tiêu thu chi trong dự toán NSNN được phê chuẩn trở thành hiện thực

### 3.2. Mục tiêu của việc chấp hành NSNN

- Biến các chỉ tiêu thu, chi ghi trong kế hoạch ngân sách năm từ khả năng, dự kiến thành hiện thực. Từ đó, góp phần thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước.
- Kiểm tra việc thực hiện các chính sách chế độ, tiêu chuẩn về kinh tế và tài chính. Thông qua chấp hành NSNN mà tiến hành đánh giá sự phù hợp của chính sách với thực tiễn
- Đối với quản lý NSNN, chấp hành NSNN là khâu trọng tâm có ý nghĩa quyết định đến một chu trình ngân sách.

### 3.3. Yêu cầu về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

Việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm:

- a) Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao;
- b) Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi;
- c) Phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết;
- d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.



### 3.3. Yêu cầu về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước

#### Thời hạn phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước:

-Đối với dự toán ngân sách được giao theo quy định Trước ngày 20 tháng 11, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương., **các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước theo quy định ;**

-Trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao dự toán bổ sung, đơn vị dự toán cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định.

### 3.4. Nội dung chấp hành NSNN

• Chấp hành ngân sách bao gồm chấp hành thu ngân sách, chấp hành chi ngân sách và hoạt động điều chỉnh dự toán NS

#### \*Tổ chức thu NSNN

• Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu lập DTNS quý chi tiết theo khu vực kinh tế, địa bàn và đối tượng thu chủ yếu, gửi cơ quan tài chính cuối quý trước. Cơ quan thu bao gồm: khoản thu có tính chất nội địa Cơ quan Thuế thu như thuế, phí lệ phí, Hải quan thu thuế XNK, Tài chính và các cơ quan thu khác được Nhà nước giao nhiệm vụ ngân sách.

• Các tổ chức cá nhân có nghĩa vụ nộp đầy đủ đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NS theo quy định pháp luật

• Về nguyên tắc, toàn bộ các khoản thu của NSNN phải nộp trực tiếp vào KBNN, trừ một số khoản cơ quan thu có thể thu trực tiếp song phải định kỳ nộp vào KBNN theo quy định.

#### \*Tổ chức chi NSNN.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, UBND giao dự toán ngân sách, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng NS trực thuộc

Dự toán chi thường xuyên giao cho đơn vị sử dụng ngân sách được phân bổ theo từng loại của Mục lục NSNN, theo các nhóm mục:

- Chi thanh toán cá nhân.
- Chi nghiệp vụ chuyên môn.
- Chi mua sắm, sửa chữa.
- Các khoản chi khác.

Đối với các nhiệm vụ chi về chương trình mục tiêu quốc gia; chi mua sắm, sửa chữa lớn; chi sự nghiệp kinh tế, dự toán năm giao cho đơn vị sử dụng còn được phân theo tiến độ thực hiện từng quý.

Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ chi tiết theo từng loại và các mục của Mục lục ngân sách nhà nước và phân theo tiến độ thực hiện từng quý

#### • - Cơ chế kiểm soát NSNN trong quá trình chấp hành ngân sách.

• Về Thu ngân sách

• Luật NSNN quy định chi có cơ quan thu thuế và các cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ mới được phép thu NSNN. Toàn bộ các khoản thu NSNN phải nộp vào kho bạc, hạn chế mức thấp nhất qua người trung gian.

• Về kiểm soát chi NS

• Các đơn vị dự toán NS và các tổ chức được hỗ trợ thường xuyên NS phải mở TK tại kho bạc, chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan tài chính – kho bạc trong quá trình thanh toán sử dụng kinh phí, các khoản thanh toán về cơ bản theo nguyên tắc chi trả qua kho bạc

• Luật NSNN quy định chi chi thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

- Đã có trong dự toán NSNN được giao;
- Đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định
- Được thủ trưởng đơn vị sử dụng NS hay người được ủy quyền quyết định chi.
- Trường hợp sử dụng vốn, kinh phí NSNN để đầu tư XD CB, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và các công việc khác phải qua đấu thầu hoặc thẩm định giá thì phải tổ chức đấu thầu hoặc thẩm định giá theo quy định

### 3.5. Điều chỉnh dự toán NSNN

• Trong quá trình chấp hành ngân sách, dự toán NSNN sẽ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

• Trường hợp có biến động lớn về ngân sách nhà nước so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, Chính phủ lập dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất

• Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, song không làm biến động lớn đến tổng thể và cơ cấu ngân sách, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.



### 3.5.Điều chỉnh dự toán NSNN

- Trường hợp có biến động lớn về ngân sách địa phương so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương
- Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số cơ quan trực thuộc hoặc của ngân sách cấp dưới, nhưng không làm biến động lớn đến tổng thể ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương

### 3.5.Điều chỉnh dự toán NSNN

Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

### 3.5.Điều chỉnh dự toán NSNN

- Trong quá trình chấp hành NS, nếu có sự thay đổi về nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện như sau: số tăng thu và số tiết kiệm chi so với dự toán được giao, được sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, tăng chi đầu tư phát triển, bổ sung quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng NS
- Nếu giảm thu so với dự toán được duyệt thì phải bố trí lại các khoản chi để giảm một số khoản chi tương ứng

### 3.5.Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

+ Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

- a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;
- b) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng

+Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

- Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;
  - Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.
4. Chính phủ yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Quốc hội.
5. Ủy ban nhân dân yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh dự toán ngân sách nếu việc bố trí ngân sách địa phương không phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp trên.

### 3.6.Tạm cấp ngân sách

1. Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách cho các nhiệm vụ chi không thể trì hoãn được cho đến khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;
- Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;
- Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới;
- Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;
- Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

### 3.6. Tạm cấp ngân sách

- 2. Mức tạm cấp hàng tháng tối đa cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này không quá mức chi bình quân 01 tháng của năm trước.
- 3. Chi đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ chưa được dự toán hoặc vượt so với dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

### 3.7. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

1. Cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi theo dự toán. Trường hợp do nguồn thu và các khoản vay tập trung chậm hoặc **có nhiều nhu cầu phải chi trong cùng thời điểm dẫn đến mất cân đối tạm thời quỹ ngân sách nhà nước thì xử lý như sau:**
  - a) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương: Bộ Tài chính quyết định phát hành tín phiếu Kho bạc, tạm ứng quỹ dự trữ tài chính của trung ương và các nguồn tài chính hợp pháp khác và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp đã xử lý như trên mà vẫn còn thiếu nguồn, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng vốn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Việc tạm ứng vốn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải được hoàn trả trong năm ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định;

### 3.7. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

- b) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp đã xử lý như trên mà vẫn không đủ để chi trả các nhu cầu chi cấp thiết không thể trì hoãn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính đề nghị tăng tiến độ chi bổ sung cân đối ngân sách địa phương, tạm ứng ngân sách trung ương hoặc tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của trung ương và phải hoàn trả trong năm ngân sách;

### 3.7. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

- c) Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp huyện, xã: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh, các nguồn tài chính hợp pháp khác và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Việc xét tạm ứng cho ngân sách cấp xã, ngoài đề nghị của ủy ban nhân dân cấp huyện, còn căn cứ đề nghị của ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh không đáp ứng được thì Ủy ban nhân dân cấp dưới đề nghị cơ quan tài chính cấp trên tăng tiến độ bổ sung cân đối ngân sách hoặc tạm ứng ngân sách cấp trên và phải hoàn trả trong năm ngân sách.

### 3.7. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

- 2. Trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm một số khoản chi và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh giảm một số khoản chi và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước.

### Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- 1. Trường hợp dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định

### Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- 2. Số tăng thu, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:
  - a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
  - b) Bổ sung quỹ dự trữ tài chính;
  - c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
  - d) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
  - đ) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
  - e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

### Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- Chính phủ lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định

### Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- 3. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định tại khoản 1 nêu trên và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

### Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- 4. Thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:
  - a) Trường hợp ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% của số tăng thu thường cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.
  - b) Căn cứ vào mức thường do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thường vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thường cho ngân sách cấp dưới;
  - c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương.

### Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách Địa Phương

Số tăng thu, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
- b) Bổ sung quỹ dự trữ tài chính;
- c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
- d) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
- đ) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
- e) Thực hiện nhiệm vụ quy định sau đây:

### + Thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp NS

- a) Trường hợp ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% của số tăng thu thường cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

Căn cứ vào mức thường do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thường vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thường cho ngân sách cấp dưới;

- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương

Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

+Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định:

Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Quốc hội quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;

Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

+ Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau: Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi;

Sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- Chính phủ lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
- Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.
- Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 của Luật này:

Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- d) Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy
2. Số tăng thu, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:
- a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
  - b) Bổ sung quỹ dự trữ tài chính;
  - c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
  - d) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
  - d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
  - e) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

Chính phủ lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Ủy ban nhân dân lập phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp mình, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định

Xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước

- Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Chính phủ trình Quốc hội,
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 của Luật này để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

### Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

3. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

- Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;
- Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên, phân giao cho cấp dưới thực hiện;
- Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới; đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.

- d) Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi

## 4. Quyết toán NSNN

### 4.1 Khái niệm

Quyết toán NSNN là phản ánh, đánh giá và kiểm tra lại quá trình lập và chấp hành NSNN. Quyết toán NSNN được thực hiện tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc nhìn nhận lại quá trình chấp hành ngân sách qua một năm, rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực bổ sung cho công tác lập ngân sách cũng như chấp hành ngân sách ở những chu trình tiếp theo

## 4. Quyết toán NSNN

### 4.2. Nguyên tắc quyết toán NS

+ Về số liệu: Số liệu báo cáo quyết toán phải chính xác, trung thực, đầy đủ.

- Số quyết toán thu NSNN là số thu đã thực nộp hoặc hạch toán thu NSNN qua kho bạc
- Số quyết toán chi NSNN là số chi đã thực thanh toán hoặc đã được phép hạch toán chi theo quy định

### 4.3. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước

- Số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phải chính xác, trung thực, đầy đủ.
- Số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định.
- Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.
- Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước.

### 4.3. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước

- Báo cáo quyết toán của ngân sách cấp huyện, cấp xã không được quyết toán chi ngân sách lớn hơn thu ngân sách.
- Báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.
- Báo cáo quyết toán của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ.
- Những khoản thu ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu ngân sách nhà nước nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ cho ngân sách; những khoản chi ngân sách nhà nước không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.



#### 4.3. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước

+Về nội dung

- Báo cáo quyết toán ngân sách phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được giao và theo Mục lục NSNN
- Báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán và của các cấp chính quyền địa phương không được quyết toán chi lớn hơn thu.
- Cấp dưới không quyết toán các khoản kinh phí uỷ quyền của ngân sách cấp trên vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình.
- Báo cáo quyết toán năm phải có báo cáo thuyết minh nguyên nhân tăng, giảm các chỉ tiêu thu, chi NS so với dự toán

+Về trách nhiệm

- Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ; chịu trách nhiệm về những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán ngân sách sai chế độ.
- Kho bạc nhà nước các cấp có trách nhiệm tổng hợp số liệu quyết toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp để cơ quan tài chính lập báo cáo quyết toán.
- Kho bạc nhà nước xác nhận số liệu thu chi ngân sách trên báo cáo quyết toán Ns các cấp, đơn vị sử dụng NS

#### 4.4. Trình tự lập, thẩm định, phê chuẩn và gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của ngân sách

- Đơn vị dự toán cấp dưới lập báo cáo quyết toán ngân sách năm theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên.
- Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc. Các đơn vị dự toán cấp trên là đơn vị dự toán cấp I, phải tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm của đơn vị mình và báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp.

#### 4.4. Trình tự lập, thẩm định, phê chuẩn và gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của ngân sách

- Cơ quan Tài chính cùng cấp thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm trong quyết toán của đơn vị dự toán cấp I, ra thông báo thẩm định quyết toán gửi đơn vị dự toán cấp I. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan Tài chính duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp I.

#### 4.4. Trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của ngân sách các cấp được thực hiện như sau

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao và quyết toán thu, chi ngân sách xã trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã để thẩm tra, đồng gửi Phòng Tài chính cấp huyện. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét phê chuẩn. Trong phạm vi 5 ngày, sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo quyết toán ngân sách xã cho Ủy ban nhân dân cấp huyện;

#### 4.4. Trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của ngân sách các cấp được thực hiện như sau

- b) Cơ quan tài chính cấp huyện thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện được giao và quyết toán thu, chi ngân sách huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, gửi Ban có chức năng thẩm tra của Hội đồng nhân dân cấp huyện, đồng gửi Sở Tài chính. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện để cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, phê chuẩn. Trong phạm vi 5 ngày, sau khi được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

#### 4.4. Trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của ngân sách các cấp được thực hiện như sau

Sở Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn; thẩm định, duyệt quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi Ban có chức năng thẩm tra của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để cho ý kiến.

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn. Trong phạm vi 5 ngày, sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách cho Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước;

#### 4.4. Trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của ngân sách các cấp được thực hiện như sau

- Cơ quan thu có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ nộp NSNN lập các chứng từ thu NSNN theo đúng mẫu quy định và đúng MLNS nhà nước; lập, báo cáo thu NSNN tháng, quý và báo cáo quyết toán thu NSNN năm theo chế độ quy định.
- Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước theo Mục lục NSNN bảo đảm các khoản thu, chi NSNN phát sinh được hạch toán chính xác, trung thực, kịp thời và đầy đủ. Định kỳ tháng, quý, năm lập báo cáo việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách cho cơ quan tài chính và các cơ quan hữu quan theo quy định của Bộ Tài chính.

#### 4.5. Thời hạn xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách năm quy định như sau

- Thời hạn xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán các cấp II và cấp III do đơn vị dự toán cấp I quy định, nhưng phải bảo đảm thời hạn xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp I theo quy định; thời hạn xét duyệt quyết toán đối với đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương hoàn thành trước ngày 01 tháng 10 năm sau; thời hạn đối với đơn vị dự toán cấp I của ngân sách các cấp ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.
- Việc thẩm định quyết toán năm của cơ quan Tài chính cùng cấp cho đơn vị dự toán cấp I trực thuộc phải hoàn thành đúng thời gian quy định; đối với đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm sau.

#### Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương

1. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả xét duyệt, thẩm định đối với quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình và báo cáo quyết toán ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, cơ quan tài chính ở địa phương tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.
2. Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra; đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.
3. Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân.
4. Báo cáo quyết toán ngân sách của Ủy ban nhân dân và báo cáo thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân được gửi đến các đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

#### Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương

5. Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, lập quyết toán ngân sách huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm sau.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và quy định cụ thể thời hạn Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các cơ quan quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

#### Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách địa phương

- Trong trường hợp quyết toán các cấp ngân sách ở địa phương chưa được Hội đồng nhân dân phê chuẩn thì Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán ngân sách cấp đó phải tiếp tục làm rõ những nội dung Hội đồng nhân dân yêu cầu và trình lại vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn 30 ngày so với thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này.

**Thời hạn và trình tự quyết toán ngân sách nhà nước**

1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 01 tháng 10 năm sau.
3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước.
4. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

4. Trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, kết quả thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.
5. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 16 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách để cho ý kiến trước khi trình Quốc hội.
6. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước của Chính phủ được gửi đến các đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Quốc hội.
7. Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

**Xử lý kết dư ngân sách nhà nước**

- 1. Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hàng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau.
- 2. Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

**PHÁP LUẬT VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****1. Khái niệm thu ngân sách Nhà nước**

1. Thu NSNN là việc nhà nước dùng quyền lực của mình để tập trung 1 phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ NSNN nhằm bảo đảm thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước.

**1. Khái niệm thu NSNN**

- Về bản chất, thu NSNN phản ánh các quan hệ phân phối của cải xã hội giữa Nhà nước với các chủ thể khác trong xã hội.
- Đó là việc nhà nước dùng quyền lực chính trị của mình để tham gia vào việc phân chia của cải xã hội được các chủ thể khác nhau trong xã hội tạo ra.
- Đối tượng của hoạt động thu ngân sách Nhà nước là của cải xã hội biểu hiện dưới hình thức giá trị.

## 1. Khái niệm thu NSNN

- Nội dung vật chất của thu NSNN thể hiện ở việc nhà nước tập trung vào trong tay mình những nguồn vốn tiền tệ để hình thành nên quỹ NSNN.
- Đây là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của nhà nước nhằm đảm bảo chức năng và nhiệm vụ của bộ máy nhà nước là phục vụ lợi ích công cộng và duy trì sự tồn tại của nhà nước.
- Do đó, thu NSNN là hoạt động có vai trò quan trọng của nhà nước, góp phần tạo ra thu nhập tài chính để đáp ứng nhu cầu công cộng và nhu cầu chi tiêu của bộ máy nhà nước.

## 2. Đặc điểm thu NSNN

- Thu ngân sách nhà nước gắn liền với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- Các khoản thu ngân sách nhà nước bắt nguồn và gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và sự vận động của các phạm trù giá trị như giá cả, lãi suất, thu nhập... Sự vận động của các phạm trù đó vừa tác động đến tăng giảm mức thu, vừa đặt ra yêu cầu nắn cao tác dụng điều tiết của các công cụ thu NSNN

## 3. Phân loại thu NSNN

### • Theo nội dung kinh tế

- Nhóm thu thường xuyên có tính bắt buộc gồm thuế, phí, lệ phí có tính chất thuế
- Nhóm thu không thường xuyên ( thu không mang tính chất thuế
- Lợi tức của Nhà nước thu được từ hoạt động góp vốn tại các tổ chức kinh tế.
- Tiền bán và cho thuê tài sản của Nhà nước; tiền thu hồi vốn của nhà nước từ các cơ sở kinh tế.
- Viện trợ không hoàn lại và vay của các tổ chức Chính phủ, phi chính phủ ở nước ngoài.
- Thu khác ( thu từ hoạt động sự nghiệp có thu, các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân để xây dựng các công trình kết cấu cơ sở hạ tầng, các khoản đi sản nhà nước được hưởng...)

## 3. Phân loại thu NSNN

### Theo yêu cầu động viên nguồn thu vào NSNN

- Thu trong cân đối bao gồm thu thường xuyên và thu không thường xuyên
- Thu bù đắp thiếu hụt NSNN: khi số thu không đáp ứng yêu cầu chi tiêu và nhà nước phải đi vay, bao gồm vay trong nước, vay từ nước ngoài
- Theo tính pháp lý để phân loại, các khoản thu của ngân sách Nhà nước được chia thành các nhóm sau:
  - Các khoản thu mang tính bắt buộc: bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí.
  - Các khoản thu mang tính chất tự nguyện: bao gồm các khoản thu tự viện trợ, vay nợ, tặng, cho...

### • Những nhân tố ảnh hưởng đến thu NSNN

- - Thu nhập GDP bình quân đầu người.
- - Tỷ suất lợi nhuận trong nền kinh tế.
- - Tiềm năng của đất về tài nguyên thiên nhiên
- Hoạt động đối ngoại của nhà nước.
- - Phạm vi chi phí của nhà nước
- - Tổ chức bộ máy thu nộp.

## PHÁP LUẬT THU NSNN

- **Khái niệm:**
- Pháp luật về thu NSNN là một hệ thống các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ thu NSNN và các quan hệ xã hội phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động thu NSNN trong quá trình Nhà nước thực hiện các hoạt động thu NSNN
- Căn cứ vào nội dung của các quy phạm pháp luật, pháp luật về thu NSNN bao gồm các bộ phận sau:
  - - Pháp luật về thu NSNN từ thuế.
  - - Pháp luật về thu ngân sách Nhà nước từ phí, lệ phí.
  - - Pháp luật về các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước như vay nợ, tiền viện trợ....

### **. Thu ngân sách nhà nước**

- ❖ Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của các luật thuế.
- ❖ Lệ phí do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật.
- ❖ Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.
- ❖ Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phân được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

### **. Thu ngân sách nhà nước**

- ❖ Các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, gồm:
  - a) Lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
  - b) Các khoản thu hồi vốn của Nhà nước đầu tư tại các tổ chức kinh tế;
  - c) Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước;
  - d) Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước;
  - đ) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  - e) Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (bao gồm cả gốc và lãi), trừ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

### **Thu ngân sách nhà nước**

- ❖ Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
- ❖ Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý.
- ❖ Tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; tiền sử dụng khu vực biển; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- ❖ Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- ❖ Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật.
- ❖ Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

### **Thu ngân sách nhà nước**

- ❖ Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước ở địa phương.
- ❖ Thu từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 11 Luật ngân sách nhà nước.
- ❖ Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

### **Nội dung pháp lý các khoản thu ngân sách Nhà nước**

- **2.1 Các khoản thu từ thuế, lệ phí, phí.**
- **2.1.1 Các khoản thu từ thuế:**
- Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế.
- Thuế là nguồn thu quan trọng của ngân sách nhà nước. Các quốc gia đều mong muốn thuế trở thành nguồn thu chính của ngân sách nhà nước vì nguồn thu từ thuế phản ánh được tình hình phát triển kinh tế của quốc gia và thu nhập của người dân. Thông thường, các quốc gia chỉ đặt chỉ tiêu thu thuế bằng tỉ lệ tương ứng với tổng sản phẩm quốc dân (GDP).

### **Các khoản thu từ thuế**

Hệ thống pháp luật thuế của Nhà nước ta hiện nay bao gồm các loại: (nghiên cứu chi tiết trong môn **Pháp luật Thuế**)

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
- Thuế tài nguyên.
- Thu tiền sử dụng đất
- Thu tiền thuê đất, mặt nước
- Lệ phí môn bài.
- Các loại phí và lệ phí
- Thuế giá trị gia tăng.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Thuế bảo vệ môi trường
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân



## 2. Các khoản thu từ phí, lệ phí

- \* **Khái niệm lệ phí:**
- Lệ phí là khoản thu của NSNN, *vừa mang tính chất phục vụ* cho người nộp lệ phí và việc thực hiện một số thủ tục hành chính, *vừa mang tính chất động viên đóng góp cho NSNN*,
- Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí như: Lệ phí trước bạ, lệ phí chứng thực, lệ phí dự thi, lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp, lệ phí công chứng,...

- \* **Khái niệm phí:**

- Phí là một khoản thu mang tính chất bù đắp hay là một khoản nộp có *tính chất bắt buộc* đối với các thể nhân và pháp nhân do được hưởng một lợi ích hoặc được sử dụng một dịch vụ (công cộng) nào đó do nhà nước cung cấp. *Nó có tính hoàn trả trực tiếp*. Phí mang tính quyền lực của Nhà nước và do các cơ quan ban hành, hoặc do tập quán có tính chất truyền thống quy ước của địa phương, chẳng hạn như: phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; phí thuộc lĩnh vực công nghiệp xây dựng; phí thuộc lĩnh vực giao thông,....

## 2. Các khoản thu từ phí, lệ phí

- 2.1.2.1 *Khái niệm phí*
- **Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí.**
- - Phí thuộc NSNN: Là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được tổ chức của nhà nước cung cấp dịch vụ không mang tính kinh doanh được quy định trong danh mục phí, lệ phí. *Hiểu cách khác thì phí thuộc NSNN là khoản thu do nhà nước quy định nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí của ngân sách nhà nước về đầu tư, quản lý hoạt động dịch vụ thu phí, không mang tính kinh doanh.*

## 2. Các khoản thu từ phí, lệ phí

- - Phí dịch vụ (không thuộc NSNN): Là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ mang tính kinh doanh được quy định trong danh mục phí
- *Hiểu cách khác thì phí dịch vụ (giá dịch vụ) là doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ được quy định trong Danh mục phí. Chi phí phục vụ hoạt động dịch vụ này do các tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư và quản lý hoặc do nhà nước đầu tư nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân quản lý theo quyết định giao vốn, tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh.*

## 2.2 Vai trò của phí, lệ phí

- .1. **Phí và lệ phí làm tăng thu cho NSNN.**
- Trong tổng số thu về thuế, phí và lệ phí của NSNN, khoản thu về phí và lệ phí trong NSNN chiếm tỷ trọng đối lớn, tuy nhiên, đây vẫn là những khoản thu đáng kể và quan trọng của NSNN. Phí và lệ phí đảm bảo hỗ trợ một phần chi phí về sản xuất hàng hoá, dịch vụ công cộng của Nhà nước, góp phần giảm bớt gánh nặng cho NSNN. Cùng với xu thế phát triển của nền kinh tế - xã hội, nhu cầu tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ công ngày càng tăng lên sẽ kéo theo số thu phí và lệ phí cũng ngày càng gia tăng. Sự tăng lên của các khoản thu từ phí và lệ phí cho phép Nhà nước tăng chi đầu tư cho nền kinh tế quốc dân, gia tăng các phúc lợi công cộng, phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân.

- .2. **Phí và lệ phí góp phần thực hiện công bằng xã hội trong việc hưởng thụ các hàng hoá, dịch vụ công cộng, nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng của các tầng lớp dân cư.**

- Việc thu phí và lệ phí là dựa trên cơ sở những lợi ích được thụ hưởng của các thể nhân và pháp nhân do việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ công cộng của Nhà nước. Với nguyên tắc: "Ai được hưởng lợi ích thì phải trả chi phí" là thể hiện sự công bằng về mặt kinh tế trong phân phối thu nhập thông qua phí và lệ phí.
- Mặt khác việc thu phí, lệ phí còn giúp cho người dân có ý thức tôn trọng các giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng, của xã hội, khuyến khích họ có trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn, sử dụng và thụ hưởng các hàng hoá, dịch vụ công cộng.

- 3. Thông qua thu phí và lệ phí, Nhà nước thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát có hiệu quả các hoạt động kinh tế - xã hội của các thể nhân và pháp nhân, theo khuôn khổ pháp luật.
- Do lệ phí luôn gắn liền với các dịch vụ công cộng hành chính pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước nên thông qua thu phí, lệ phí, Nhà nước có điều kiện kiểm tra giám sát các tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ luật pháp, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

#### 2.4. THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ PHÍ VÀ LỆ PHÍ

- Thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội
- ❖ Giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.
  - ❖ Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ PHÍ VÀ LỆ PHÍ

- **Thẩm quyền và trách nhiệm của Chính phủ**
- Thống nhất quản lý nhà nước về phí, lệ phí.
- Giữa hai kỳ họp Quốc hội, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí.
- Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.
- Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.
- Hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí.

#### THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ PHÍ VÀ LỆ PHÍ

- **Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Tài chính**
- Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về phí, lệ phí.
- Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí.
- Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.
- Tổ chức và hướng dẫn thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí.
- Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

#### THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ PHÍ VÀ LỆ PHÍ

- **Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**
- Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.
- Xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất với Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

- **Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**
- Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.
- Tổ chức thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện thu phí, lệ phí ở địa phương với cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.
- Báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi đề xuất với Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

**Miễn, giảm phí, lệ phí**

Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm án phí và lệ phí tòa án.

Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

**Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

2. Số tiền phí được khấu trừ và được để lại quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau:

a) Số tiền phí được để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng loại phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mức để lại cho tổ chức thu phí;

b) Số tiền phí để lại được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hằng năm phải quyết toán thu, chi. Số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước; việc quản lý và sử dụng phí thu được theo quy định của pháp luật.

**2. Các khoản thu từ phí, lệ phí**

- 2. 5 Nguyên tắc xác định mức thu phí, lệ phí
- Việc xác định mức thu đối với từng loại phí, lệ phí cụ thể được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- 1 Nguyên tắc xác định mức thu phí
- Mức thu phí phải bảo đảm thu hồi vốn, cụ thể là thu hồi các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ thu phí trong thời gian hợp lý, phù hợp với khả năng đóng góp của người nộp. Ngoài ra, mức thu phí đối với các dịch vụ do nhà nước đầu tư còn phải bảo đảm thi hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, nhà nước trong từng thời kỳ và phù hợp với tình hình thực tế. Tuỳ theo loại phí cụ thể mà mức thu phí có thể được xác định bằng số tiền nhất định hoặc bằng tỷ lệ (%) do cơ quan có thẩm quyền quy định.

**2. Các khoản thu từ phí, lệ phí**

- a) Các khoản chi phí để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, phục vụ cho việc xác định mức thu phí bao gồm:
  - - Chi phí xây dựng, mua sắm, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc... hoặc chi phí thuê ngoài thực phải trả cho những tài sản trực tiếp phục vụ thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí. Chi phí này được phân bổ theo mức độ hao mòn của những tài sản trực tiếp phục vụ thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.
  - - Chi phí vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng trong quá trình thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;
  - - Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí);
  - - Chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành

**2. Các khoản thu từ phí, lệ phí**

- b) Thời gian hợp lý để thu hồi vốn, cụ thể là thu hồi các chi phí cần thiết thực hiện việc thu phí tùy thuộc vào khả năng nguồn thu, nhu cầu thu hồi vốn nhanh hay chậm, phù hợp với khả năng đóng góp của người nộp trong từng thời kỳ cụ thể.
- c) Mức thu phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành, ngoài việc phải thực hiện theo các nguyên tắc trên, còn phải căn cứ vào khung mức thu phí của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính ban hành.

**2. Các khoản thu từ phí, lệ phí**

- Căn cứ vào quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân được thu phí có trách nhiệm xây dựng mức thu kèm theo đề án thu phí (gồm: phương thức đầu tư, thời gian đầu tư hoàn thành, thời gian đưa dự án đầu tư vào sử dụng, thời gian dự kiến bắt đầu thu phí, dự kiến mức thu và căn cứ xây dựng mức thu, đánh giá khả năng đóng góp của đối tượng nộp phí, hiệu quả thu phí và khả năng thu hồi vốn) để trình cơ quan có thẩm quyền quy định về phí (Chính phủ, Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định

## 2. Các khoản thu từ phí, lệ phí

- Mức thu phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung cần có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp, trừ trường hợp cơ quan xây dựng mức thu là cơ quan tài chính.
- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính phải được gửi kèm trong hồ sơ và là một căn cứ pháp lý để cơ quan có thẩm quyền quy định về phí xem xét, quyết định.
- Việc quy định mức thu phí phải căn cứ vào chủ trương chính sách của Nhà nước; tình hình kinh tế – chính trị – xã hội và đặc điểm của các vùng trong từng thời kỳ; tính chất, đặc điểm của từng dịch vụ thu phí, có tham khảo mức thu loại phí tương ứng ở các nước trong khu vực và thế giới (nếu có).

## 2. Các khoản thu từ phí, lệ phí

- Đối với lệ phí**
- Mức thu lệ phí được ấn định trước bằng một số tiền nhất định đối với từng công việc quản lý nhà nước được thu lệ phí, không nhằm mục đích bù đắp chi phí để thực hiện công việc thu lệ phí. Riêng đối với lệ phí trước bạ, mức thu được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị tài sản trước bạ theo quy định của Chính phủ
- Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định mức thu đối với những lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định, để bảo đảm việc thi hành thống nhất trong cả nước.

### 2 Các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí.

- 2.6 Các khoản thu từ bán tài sản của nhà nước và thu từ lợi tức cổ phần của nhà nước
- Để quản lý và điều tiết các hoạt động kinh tế xã hội, Chính phủ tham gia vào các hoạt động kinh tế ở những mức độ nhất định như đầu tư, tài trợ, góp vốn... Việc nhà nước tham gia vào các hoạt động đó có thể phát sinh các khoản thu từ lợi tức cổ phần, thu hồi vốn của nhà nước đầu tư vào các cơ sở kinh tế. Ngoài ra, nhà nước có thể cho thuê hoặc bán các tài sản của nhà nước.

### 2 Các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí

#### Chế độ thu ngân sách Nhà nước về vay nợ

- Vay trong nước. Các khoản vay trong nước đều được thực hiện thông qua việc Chính phủ phát hành các loại giấy tờ có giá như trái phiếu, công trái, trái phiếu kho bạc, tín phiếu kho bạc. Toàn bộ nguồn vốn thu được từ việc phát hành các loại giấy tờ có giá đều phải được tập trung vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho các nhu cầu chi đầu tư phát triển kinh tế theo kế hoạch và mục tiêu đã được Chính phủ đề ra.
- Vay nước ngoài. Đó là các khoản vay do Chính phủ vay và cam kết thực hiện nghĩa vụ với nước ngoài. Đó cũng có thể là những khoản vay do Chính phủ ủy quyền cho các doanh nghiệp vay được Bộ Tài chính hoặc Ngân hàng nhà nước Việt Nam đứng ra bảo lãnh. Toàn bộ vốn vay nước ngoài của Chính phủ đều phải được cân đối vào ghi vào ngân sách.

### 2 Các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí

#### Vay nợ chính phủ

Vay nợ để bù đắp thiếu hụt NSNN và đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, điều hòa vốn của nhà nước

Vay nợ chính phủ được thực hiện với nhiều kỳ hạn khác nhau, tùy theo nhu cầu của các cấp NSNN. Bao gồm:

- Vay trong nước: Tín phiếu, trái phiếu, trái phiếu công trình, trái phiếu chính quyền địa phương....
- Vay nước ngoài :
  - ODA song phương
  - ODA đa phương
  - Phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường tài chính quốc tế

### 2 Các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí

#### Các khoản viện trợ:

- Viện trợ là nguồn vốn thuộc chương trình hợp tác của chính phủ các nước, các tổ chức nước ngoài dành cho 1 quốc gia. Viện trợ nước ngoài là nguồn quan trọng để bổ sung cho ngân sách nhà nước, góp phần hỗ trợ nhà nước thực hiện các khoản chi phát triển, cải cách kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống của người dân.
- Viện trợ có thể là song phương hoặc đa phương. Viện trợ có thể dưới hình thức có hoàn lại hoặc không hoàn lại. Thông thường, các khoản viện trợ có hoàn lại sẽ được thể hiện dưới dạng cho vay ưu đãi, lãi suất thấp, thời hạn hoàn trả gốc dài và có thể được ân hạn
- Ngoài ra, thu ngân sách nhà nước còn có thể bao gồm các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

## 2 Các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí

### Viện trợ quốc tế không hoàn lại

Là nguồn phát triển của các chính phủ các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức quốc tế cấp cho một nước nhằm thực hiện các chương trình hợp tác phát triển kinh tế xã hội.

- Từ các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế:
  - ODA không hoàn lại song phương
  - ODA không hoàn lại từ các tổ chức tài chính quốc tế như: WB, ADB.
- Từ các tổ chức thuộc liên hiệp quốc
  - UNDP
  - UNICEF
  - UNFPA
  - PAM
  - OMS...

## 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS

### Nguồn thu của ngân sách trung ương

#### 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước;
- d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, lãi được chia nước chủ nhà, các loại phí, tiền thuê mặt nước, các khoản thuế, phí và thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

### Nguồn thu của ngân sách trung ương

#### 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;
- g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoản chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập trung ương và doanh nghiệp nhà nước trung ương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;
- h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu; không kể lệ phí môn bài quy định tại điểm g và lệ phí trước bạ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 15 của Nghị định này;
- i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

### Nguồn thu của ngân sách trung ương

#### 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của trung ương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc trung ương quản lý;
- l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

### Nguồn thu của ngân sách trung ương

#### 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu;
- n) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phân ngân sách trung ương được hưởng theo quy định của pháp luật;
- o) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của trung ương;
- p) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

### Nguồn thu của ngân sách trung ương

#### 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;
- r) Thu kết dư ngân sách trung ương;
- s) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;
- t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.



## 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

- a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế giá trị gia tăng THU TỪ HH NHẬP KHẨU, Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế thu nhập doanh nghiệp TỪ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ
- c) Thuế thu nhập cá nhân;

## 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

- d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước
- đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu. Đối với thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu sản xuất trong nước, việc xác định số thu phát sinh căn cứ vào sản lượng do doanh nghiệp đầu mỗi bán ra trên thị trường và tỷ trọng tổng sản lượng xăng dầu sản xuất trong nước và tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.

## 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS Nguồn thu của ngân sách địa phương

- 1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:
  - a) Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
  - b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
  - c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
  - d) Tiền sử dụng đất;
  - đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
  - e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

## 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS Nguồn thu của ngân sách địa phương

- g) Lệ phí môn bài;
- h) Lệ phí trước bạ;
- i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu;

## 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS Nguồn thu của ngân sách địa phương

- l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của NSDP tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;
- m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;
- n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và DNNN địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật;

## 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS Nguồn thu của ngân sách địa phương

- o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;
- p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;
- q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;
- r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;
- s) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;

### 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS

#### Nguồn thu của ngân sách địa phương

- t) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- u) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- v) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- x) Thu kết dư ngân sách địa phương;
- y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

### 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

- a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế giá trị gia tăng THU TỪ HH NHẬP KHẨU, Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế thu nhập doanh nghiệp TỪ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ
- c) Thuế thu nhập cá nhân;

### 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

- d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước
- đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu. Đối với thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu sản xuất trong nước, việc xác định số thu phát sinh căn cứ vào sản lượng do doanh nghiệp đầu mối bán ra trên thị trường và tỷ trọng tổng sản lượng xăng dầu sản xuất trong nước và tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.

### 3. PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NS

#### Nguồn thu của ngân sách địa phương

- 3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.
- 4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

### 4. Nguyên tắc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới:

- 1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định nhằm bảo đảm nguồn thu cho ngân sách địa phương cân đối với nhu cầu chi theo nhiệm vụ được giao.
- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi đã được chia lại 100% các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, mà nhiệm vụ chi theo quy định vẫn lớn hơn nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng, thì ngân sách trung ương sẽ thực hiện bổ sung cân đối cho ngân sách địa phương tương ứng với số chênh lệch thiếu giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi.

### 4. Nguyên tắc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

- 2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương được xác định nhằm bảo đảm nguồn thu cân đối với nhu cầu chi theo nhiệm vụ được giao. Căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể vừa phân cấp nguồn thu phân chia, vừa thực hiện bổ sung cân đối cho các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- 3. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối được xác định trên cơ sở tính toán các nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách từng cấp theo các tiêu chí về dân số, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng; chú ý tới vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và vùng có khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; vùng có diện tích đất trồng lúa nước lớn; vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; vùng kinh tế trọng điểm.

#### 4. Nguyên tắc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

- 4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể.

#### 5. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

- 1. Chính phủ trình Quốc hội quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định số bổ sung từ ngân sách cấp mình cho ngân sách cấp dưới trực tiếp.
- 2. Bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới gồm:
  - a) Bổ sung cân đối nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối nguồn ngân sách để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;

#### 5. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho NS cấp dưới

- b) Bổ sung có mục tiêu nhằm hỗ trợ ngân sách cấp dưới:
- Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành, nhưng chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu chi theo chế độ, chính sách và khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;
  - Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên, phân giao cho cấp dưới thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;
  - Khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng ngân sách, Quỹ dự trữ tài chính theo quy định nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

#### 5. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

- - Thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của cấp dưới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân quyết định. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.
- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp quyết định hằng năm và phải được sử dụng theo đúng mục tiêu quy định.

## CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CHI NSNN

### I. KHÁI NIỆM ĐẶC ĐIỂM CHI NSNN

- I.1 khái niệm
- Chi NSNN là hoạt động phân phối và sử dụng quỹ NSNN theo dự toán NSNN đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định nhằm thực hiện các chức năng của nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.
- Thực hiện các khoản chi ngân sách nhà nước luôn gắn liền với các quan hệ tiền tệ trong phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước là quỹ ngân sách nhà nước

- Chi NSNN là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã tập trung vào NSNN và chuyển chúng đến mục đích sử dụng
- Chi NSNN là là những việc cụ thể không dừng lại ở định hướng mà tiến hành phân bổ cho từng mục tiêu, từng hoạt động và từng công việc thuộc chức năng của NN
- Quá trình phân phối là quá trình cấp phát kinh phí từ NSNN để hình thành các quỹ trước khi sử dụng
- Quá trình sử dụng là quá trình trực tiếp chi tiêu khoản tiền cấp phát từ NSNN ví dụ chi quỹ NSNN cho đầu tư XD CB, các chương trình kinh tế có mục tiêu...

- Về phương diện vật chất, các khoản chi ngân sách nhà nước bao gồm toàn bộ số tiền từ ngân quỹ mà nhà nước sử dụng để đảm bảo cho chức năng, nhiệm vụ của mình
- Về phương diện kinh tế, chi ngân sách nhà nước là tổng thể các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối, sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ kinh tế xã hội mà nhà nước phải thực hiện

### I.2 Đặc điểm chi NSNN

- - Chi NSNN gắn với quyền lực nhà nước. (QH, CP)
- - Chi NSNN gắn với bộ máy nhà nước và những nhiệm vụ KT-CT-XH của nhà nước trong từng thời kỳ.
- - Chi NSNN là những khoản chi không hoàn trả trực tiếp
- - Hiệu quả chi NSNN được xem xét trên tầm vĩ mô và là hiệu quả kinh tế, xã hội an ninh quốc phòng...trên cơ sở hoàn thành các mục tiêu KT-XH, an ninh, quốc phòng ... Mà các khoản chi NSNN đảm nhận. Tuy nhiên các khoản vay nợ để đầu tư phải chú ý đến hiệu quả kinh tế

- - Chi NSNN có quy mô lớn, có tác động mạnh đến môi trường tài chính vĩ mô, đến tổng cung tổng cầu về vốn tiền tệ. Nếu thu chi NSNN cân đối, về cơ bản tổng cung, tổng cầu hàng hóa, dịch vụ của xã hội sẽ ổn định
- Chi NSNN là một bộ phận cấu thành lưu chuyển tiền tệ, nó gắn liền với sự vận động của phạm trù giá cả, tiền lương, tín dụng, tỷ giá hối đoái, thuế...

## 2. Chế độ pháp lý về chi NSNN

- **2.1. Khái niệm:**
- Pháp luật về chi ngân sách Nhà nước là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước phân phối và sử dụng quỹ ngân sách Nhà nước
- **2.2 Các nguyên tắc, điều kiện, phương thức chi ngân sách nhà nước**
- **2.2.1. Các nguyên tắc và điều kiện chi ngân sách Nhà nước:**

### 2.2 Các nguyên tắc, điều kiện, phương thức chi ngân sách nhà nước

- **2.2.1.1. Các nguyên tắc chi ngân sách Nhà nước:**
- - Nguyên tắc cân bằng thu, chi.
- - Nguyên tắc chi theo kế hoạch và đúng mục đích.
- - Nguyên tắc tăng cường thu và tiết kiệm chi

### - Nguyên tắc cân bằng thu, chi

- Theo nguyên tắc này, các khoản thu, chi thể hiện trong dự toán ngân sách nhà nước phải đảm bảo tính cân đối.
- Các khoản chi chỉ được xây dựng trên cơ sở nguồn thu đã được xác định.
- Ngược lại, các nguồn thu cho ngân sách nhà nước sẽ nhằm đáp ứng cho nhu cầu chi tiêu đã được hoạch định. NSNN được cân bằng theo cách xác định tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên từ NS và góp phần tích lũy ngày càng cao để phục vụ cho nhu cầu chi đầu tư phát triển.

- Trường hợp ngân sách nhà nước bội chi, số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tạo điều kiện tiến đến cân bằng ngân sách nhà nước. Trên thực tế, đôi khi khả năng nguồn thu bị hạn chế và tăng chậm trong khi các khoản chi lại tăng nhanh hơn nên tình trạng bội chi ngân sách luôn có thể xảy ra.
- Để xử lý bội chi ngân sách nhà nước, một trong những giải pháp là đi vay trong hoặc ngoài nước.
- Trong trường hợp này, việc sử dụng nguồn vay để bù đắp bội chi chỉ nhằm mục đích đầu tư phát triển nhằm đảm bảo khả năng chi trả nợ của nhà nước, mà tuyệt đối không được sử dụng các khoản vay để thực hiện những khoản chi mang tính chất tiêu dùng.

### Nguyên tắc chi theo kế hoạch và đúng mục đích

- Tính kế hoạch của ngân sách Nhà nước đòi hỏi hoạt động thu, chi ngân sách Nhà nước đều phải dựa trên cơ sở kế hoạch. Sự thiếu ăn khớp giữa thu, chi ngân sách Nhà nước đều tạo ra những khó khăn cho hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước và hạn chế hiệu quả trong thực tế. Do đó, để bảo đảm sự ăn khớp giữa thu và chi ngân sách Nhà nước đòi hỏi chúng phải được thực hiện theo kế hoạch.
- Nguyên tắc này đòi hỏi các khoản chi ngân sách Nhà nước chỉ được thực hiện với điều kiện khoản chi đó đã được ghi trong dự toán ngân sách được duyệt, trừ các trường hợp đặc biệt do pháp luật quy định.
- Mặc khác việc cấp phát và sử dụng vốn ngân sách Nhà nước phải đúng với đối tượng thụ hưởng, và đúng nội dung, mục đích của khoản chi được xác định trong dự toán ngân sách được duyệt.

### Nguyên tắc tiết kiệm chi và tăng cường thu:

Trong cơ chế thị trường, việc nhà nước cắt bỏ một vài khoản chi tiêu không đồng nghĩa với việc gánh nặng chi tiêu của ngân sách nhà nước sẽ được giảm bớt.

Trong điều kiện nền kinh tế của nước ta nguồn thu ngân sách Nhà nước hạn hẹp, nhu cầu chi tiêu rất lớn, chi có tiết kiệm chi thì mới có thể đủ nguồn tài chính trang trải được các nhu cầu cấp bách. Quá trình hoạch định chính sách, hình thành và thực hiện ngân sách Nhà nước cũng không thể dự liệu trước được từ đầu năm.

Thêm vào đó, các thông tin để xây dựng kế hoạch ngân sách không đủ mức chính xác cần thiết, nên mặc dù trong các dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm, người ta đã luôn bố trí một khoản dự phòng khoảng 2–5% tổng số dự toán chi NSNN, nhưng số dự phòng trên cũng không thể bảo đảm cho quá trình điều hành ngân sách Nhà nước. Vì vậy, tiết kiệm chi và đẩy mạnh thu là một trong 3 nguyên tắc phải được quán triệt ngay từ đầu khi bắt đầu một chu trình ngân sách.



Tiết kiệm chi không phải là đơn thuần cắt bỏ các khoản chi ngân sách Nhà nước một cách tùy tiện, mà là chi tiêu đúng theo các định mức, đúng tiêu chuẩn và đúng chế độ mà Nhà nước đã quy định cho từ đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan có lập dự toán thu chi.

Tăng cường thu không chỉ đơn thuần tìm các giải pháp để thu ngay vào quỹ ngân sách càng nhiều càng tốt, chống thất thu, mà ngay cả trong bố trí chi ngân sách Nhà nước cũng phải thể hiện được việc nuôi dưỡng chăm sóc nguồn thu.

## 2.2 Các nguyên tắc, điều kiện, phương thức chi ngân sách nhà nước

- **2.1.2. Điều kiện thực hiện chi ngân sách Nhà nước**
- **Thứ nhất**, khoản chi đã được xác định trong dự toán ngân sách được duyệt. Điều kiện này không áp dụng trong trường hợp vào đầu năm ngân sách dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định cơ quan tài chính các cấp được phép cấp kinh phí cho các nhu cầu chi không thể trì hoãn được cho tới khi dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách được quyết định.
- Điều kiện này cũng không được áp dụng trong trường hợp có sự thay đổi về thu, chi mà sự thay đổi đó được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận và quyết định

### • 2.1.2. Điều kiện thực hiện chi ngân sách Nhà nước

- **Thứ hai**: Khoản chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.
- **Thứ ba**: Khoản chi đã được cơ quan tài chính hoặc thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền chuẩn chi.
- **Thứ tư**: khoản chi được thực hiện trên cơ sở có đầy đủ các chứng từ có liên quan.

### 2.1.2. Điều kiện thực hiện chi ngân sách Nhà nước

- a) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;
- b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ;
- c) Đối với chi dự trữ quốc gia phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

### 2.1.2. Điều kiện thực hiện chi ngân sách Nhà nước

- d) Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- đ) Đối với những khoản chi cho công việc thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch phải theo quy định về giá hoặc phí và lệ phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

## 2.3 Phương thức cấp phát ngân sách từ NSNN

- Phương thức cấp phát tài chính từ ngân sách Nhà nước là cách thức thực hiện phân phối vốn ngân sách Nhà nước cho các đơn vị thụ hưởng theo quy định của pháp luật.
- Trên cơ sở nguồn kinh phí đã được phân bổ, kế hoạch sử dụng ngân sách đã được xây dựng và thông qua theo trình tự, thủ tục luật định, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước ra quyết định chi, yêu cầu cơ quan kho bạc nhà nước chuyển giao kinh phí
- **Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí:**
- **Phương thức cấp phát theo lệnh chi tiền:**

### 2.2.1 Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí

- Đây là phương thức để cấp phát kinh phí thường xuyên cho các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước là những đối tượng thường xuyên sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được giao. Các đối tượng này bao gồm:
  - Cơ quan hành chính nhà nước,
  - Đơn vị sự nghiệp hoạt động dưới hình thức thu đủ, chi đủ hoặc gán thu bù chi,
  - Cơ quan Đảng,
  - Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được nhà nước đảm bảo kinh phí
  - Các tổng Cty nhà nước được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định pháp luật

### 2.2.1 Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí

- Cấp phát theo dự toán kinh phí là phương thức áp dụng đối với các khoản chi mà cơ quan tài chính không trực tiếp cấp phát.
- Trong đó, dự toán kinh phí được hiểu là khả năng tối đa mà đơn vị thụ hưởng có thể nhận từ ngân sách nhà nước để đáp ứng nhu cầu chi tiêu thường xuyên của mình. Kinh phí sử dụng thực tế của những đối tượng thụ hưởng không được phép vượt quá giới hạn đã được phân bổ chi tiết theo từng hạng, mục, tháng, quý được gọi là hạn mức cấp phát.
- Theo phương thức này, định kỳ hàng tháng, hàng quý, cơ quan tài chính cấp hạn mức kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước.
- Nếu phát sinh nhu cầu cần thiết, cấp bách, đơn vị sử dụng ngân sách có thể yêu cầu kinh phí vượt hơn dự toán kinh phí quý cho đơn vị nhưng không được vượt quá dự toán tổng thể.

### 2.2.1 Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí

- Quyết định chi của đơn vị sử dụng ngân sách có hình thức là “Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước”.
- Khi có nhu cầu thực tế, căn cứ vào hạn mức của từng hạn, mục chi, hạn mức chi định kỳ từng tháng, quý, đại diện hợp pháp của đơn vị sử dụng ngân sách phát hành “Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước” cùng các chứng từ hợp pháp yêu cầu kho bạc quản lý tài khoản thanh toán.
- Kho bạc sẽ thực hiện chi trả theo đúng mục chi thực tế sau khi đã kiểm tra điều kiện theo quy định

### 2.2.1 Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí

- Phương thức này được áp dụng rộng rãi cho các đơn vị dự toán NSNN sử dụng kinh phí từ NS để đáp ứng các yêu cầu thường xuyên của đơn vị mình.
- Phương thức này cũng tạo điều kiện cho kho bạc nhà nước chủ động kiểm soát chi ngân sách nhà nước, chủ động sử dụng nguồn kinh phí với hiệu suất cao.
- Kho bạc nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra kiểm soát khi thực hiện cấp phát kinh phí theo dự toán.
- Cơ quan tài chính chỉ có trách nhiệm đơn đốc, thông báo chính thức dự toán kinh phí trong kỳ áp dụng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

### 2.2.1 Phương thức cấp phát theo dự toán kinh phí

- Các đơn vị sử dụng kinh phí theo phương thức cấp phát theo dự toán sẽ bị chi phối về tính chủ động trong quá trình sử dụng kinh phí.
- Những đơn vị sử dụng kinh phí có thể phát sinh hành vi tiêu cực như tận hưởng tối đa dự toán đã được phân bổ, không tuân thủ nguyên tắc tăng cường thu, tiết kiệm chi.

### 2.2.2 Phương thức cấp phát theo lệnh chi tiền

- Đây là phương thức được áp dụng đối với những khoản chi do cơ quan tài chính cấp phát trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách.
- Phương thức này chỉ được áp dụng đối với những chủ thể không có quan hệ thường xuyên với NS chẳng hạn như các DN, các tổ chức kinh tế xã hội...
- Ngoài ra những khoản chi mang tính chất đặc thù phát sinh từng lần chẳng hạn như các khoản giao dịch của Chính phủ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong mối quan hệ vay nợ, viện trợ, các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới cũng được cấp phát theo phương thức thông qua lệnh chi tiền
- Chi bổ sung NS cấp trên cho NS cấp dưới và một số khoản chi khác theo quyết định của thủ trưởng cơ quan tài chính

### 2.2.2 Phương thức cấp phát theo lệnh chi tiền

- Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp tiền, cơ quan tài chính kiểm tra nội dung chi, tính chất từng khoản chi. Cơ quan tài chính phát hành Lệnh chi tiền đến kho bạc nhà nước yêu cầu kho bạc chi trả, thanh toán một số tiền cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng nội dung của lệnh chi.
- Nhận được lệnh chi tiền hợp lệ, căn cứ vào yêu cầu của cơ quan tài chính thể hiện trong lệnh chi tiền, kho bạc sẽ tiến hành xuất quỹ thanh toán cho đơn vị sử dụng ngân sách bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hình thức: cấp tạm ứng hoặc cấp thanh toán.
- Khi nhận được kinh phí, cho dù dưới hình thức tạm ứng hay thanh toán, đơn vị thụ hưởng ngân sách có toàn quyền sử dụng nguồn kinh phí đã được chuyển giao một cách chủ động.

### 2.2.3 Phương thức chi mang tính đặc thù

- -Hình thức cấp phát ghi thu, ghi chi: Đây là phương thức thu, chi tại chỗ, tại một thời điểm nhất định và giao cho đơn vị trực tiếp thực hiện, sau đó sẽ có báo cáo quyết toán với NSNN
- -Hình thức cấp phát kinh phí ủy quyền: hình thức này áp dụng chủ yếu khi cơ quan quản lý cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý cấp dưới thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng của mình. Do vậy, kinh phí phải được chuyển từ ngân sách cấp trên xuống cho NS cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ chi thay cho NS cấp trên. Sau khi thực hiện xong, NS cấp dưới có trách nhiệm quyết toán lại với NS cấp trên.
- -Hình thức gán thu bù chi: hình thức này được áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu nhằm khuyến khích cơ chế hạch toán kinh tế, giảm bớt gánh nặng cho NSNN. Các đơn vị phải tự tạo nguồn thu để đảm bảo chi tiêu, NSNN chỉ cấp phần chênh lệch thiếu. Nếu chênh lệch thừa, đơn vị phải nộp phần này vào NS

### Chi ngân sách nhà nước

1. Chi đầu tư phát triển gồm:

- a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;
  - b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.
2. Chi dự trữ quốc gia.

### Chi ngân sách nhà nước

3. Chi thường xuyên cho các lĩnh vực:

- a) Quốc phòng;
- b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;
- c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
- d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- e) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- f) Sự nghiệp văn hóa thông tin;
- g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;
- h) Sự nghiệp thể dục thể thao;
- i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- k) Các hoạt động kinh tế;

### Chi ngân sách nhà nước

Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

### 3. Chế độ pháp lý chi NSNN



### 3.1. Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển

#### • 3.1.1. Khái niệm.

- Chế độ chi NSNN cho đầu tư xây dựng là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ phân phối và sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, phát triển sản xuất, dự trữ vật tư hàng hóa theo kế hoạch của Nhà nước, nhằm thực hiện mục tiêu Ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội

Một trong các chức năng quan trọng của nhà nước là chức năng tổ chức kinh tế. Chức năng này trong cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay được thể hiện bằng vai trò của nhà nước trong quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Ngân sách nhà nước với các vai trò của nó được coi là một công cụ quan trọng trong việc thực hiện chức năng nói trên của nhà nước.

Chi đầu tư phát triển là những khoản chi mang tính chất tích lũy phục vụ cho quá trình tái sản xuất mở rộng gắn với việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm tạo ra môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc bỏ vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào các lĩnh vực cần thiết, phù hợp với mục tiêu của nền kinh tế. Nói khác đi, việc chi cho đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước nhằm mục đích tạo ra một sự khởi động ban đầu, kích thích quá trình vận động các nguồn vốn trong xã hội để hướng tới sự tăng trưởng.

Chi đầu tư phát triển được cấp phát chủ yếu từ ngân sách trung ương và một bộ phận đáng kể của ngân sách địa phương và bao gồm các khoản chi cơ bản sau đây:

#### 3.1.2 Nội dung chế độ chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển

**Chi đầu tư xây dựng cơ bản:** là khoản chi tài chính nhà nước được đầu tư cho các công trình thuộc kết cấu hạ tầng (cầu cống, bến cảng, sân bay, hệ thống thủy lợi, năng lượng, viễn thông...) các công trình kinh tế có tính chất chiến lược, các công trình và dự án phát triển văn hóa xã hội trọng điểm, phúc lợi công cộng nhằm hình thành thể căn cốt cho nền kinh tế, tạo ra tiền đề kích thích quá trình vận động vốn của doanh nghiệp và tư nhân nhằm mục đích tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản có tầm quan trọng trong việc tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế và xã hội, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý theo định hướng của nhà nước, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao năng suất lao động xã hội.

#### 3.1.2 Nội dung chế độ chi ngân sách Nhà nước cho

##### • 3.1.2.1. Đầu tư phát triển chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển:

- Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính NN
- Góp vốn cổ phần liên doanh và các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Chi cho quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ hỗ trợ phát triển đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án phát triển kinh tế.
- Chi cho dự trữ nhà nước.

**Chi dự trữ nhà nước:** Dự trữ quốc gia cho phép duy trì sự cân đối và ổn định trong phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của nền kinh tế và trong những trường hợp nhất định cho phép ngăn chặn, bù đắp các tổn thất bất ngờ xảy ra đối với nền kinh tế, xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động của các quy luật kinh tế có thể dẫn đến những biến động phức tạp không có lợi cho nền kinh tế hoặc xảy ra thiên tai đòi hỏi phải có một khoản dự trữ giúp nhà nước điều tiết thị trường, khắc phục hậu quả. Khoản dự trữ này được hình thành bằng nguồn tài chính được cấp phát từ ngân sách nhà nước hàng năm. Dự trữ quốc gia được sử dụng cho hai mục đích:

- Điều chỉnh hoạt động của thị trường, điều hòa cung cầu về tiền, ngoại tệ và một số mặt hàng thiết yếu: gạo, xăng dầu ... trên cơ sở đó bảo đảm ổn định cho nền kinh tế.
- Giải quyết hậu quả các trường hợp rủi ro bất ngờ xảy ra làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

#### Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhà nước:

là khoản chi gắn liền với sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực kinh tế. Với khoản chi này một mặt nhà nước bảo đảm đầu tư vào một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội, mặt khác nhằm hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý.

Trong nền kinh tế thị trường, các tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước được hình thành và tồn tại trong các ngành, các lĩnh vực then chốt như: khai thác tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, các ngành công nghiệp cơ bản, an ninh quốc phòng, các ngành phục vụ lợi ích công cộng... Với sự hoạt động của loại hình doanh nghiệp nhà nước đòi hỏi ngân sách nhà nước phải cấp vốn đầu tư ban đầu và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhà nước, khoản chi này hình thành nên vốn cố định và vốn lưu động của doanh nghiệp nhà nước.



**Chi góp vốn cổ phần, vốn liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của nhà nước:** trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam các công ty cổ phần được hình thành thông qua quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp quốc doanh hoặc thành lập mới. Các doanh nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở liên doanh kết giữa các tổ chức kinh tế với nhau. Các doanh nghiệp này tham gia vào nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế kể cả ở những lĩnh vực có vị trí trọng yếu ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế.

Trong điều kiện đó đòi hỏi nhà nước với vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế phải tham gia vào các lĩnh vực thiết yếu đó bằng việc mua cổ phần của các công ty hoặc góp vốn liên doanh theo một tỷ lệ nhất định, tùy theo tính chất quan trọng của từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh đối với nền kinh tế, nhằm thực hiện hướng dẫn, kiểm soát hoặc không chế hoạt động của các doanh nghiệp này đi theo hướng phát triển có lợi cho nền kinh tế.

Chi cho NH Phát triển (các quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ hỗ trợ phát triển): Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ hỗ trợ phát triển quốc gia là những tổ chức tài chính có tư cách pháp nhân, thực hiện chức năng huy động vốn và tiếp nhận các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để cho vay đối với các chương trình, dự án phát triển các ngành nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng khó khăn theo quy định của chính phủ (chương trình đánh bắt xa bờ, chương trình phát triển kinh tế biển, phát triển rừng...). Trong quá trình hình thành và hoạt động của các quỹ này được ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ ban đầu và bổ sung vốn hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- 3.1.2.2. Đặc điểm chi ĐTPTr
- Chi ĐTPTr là khoản chi lớn của NSNN nhưng không có tính ổn định
- Theo mục đích kinh tế xã hội và thời gian tác động thì chi ĐTPTr mang tính chất chi cho tích lũy
- Phạm vi mức độ chi ĐTPTr của NSNN luôn gắn liền với việc thực hiện mục tiêu kế hoạch phát triển KT-XH của nhà nước trong từng thời kỳ

*Trình tự chuyển giao vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước:*

- Đối với các đối tượng được ngân sách Nhà nước cấp phát vốn.
- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch Nhà nước đã được duyệt. Bộ tài chính sẽ thông báo cho các bộ, ngành, địa phương và hệ thống về việc cấp vốn, cơ quan quản lý ngân sách Nhà nước sẽ chuyển tiền theo kế hoạch để thực hiện việc cấp vốn cụ thể.
- Để nhận được vốn cấp phát, các chủ đầu tư phải mở tài khoản tại các Kho bạc nơi giao dịch và xuất trình các văn bản cần thiết theo quy định của pháp luật.

*Trình tự chuyển giao vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước*

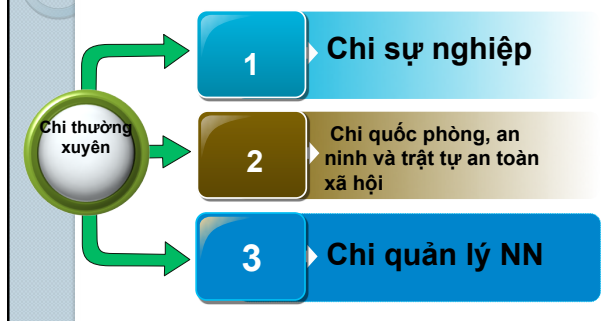
- Nói chung, nguyên tắc cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách Nhà nước là cấp phát để thanh toán khối lượng hoàn thành theo giá trị khối lượng được nghiệm thu hàng tháng. Nghĩa là đơn vị xây lắp phải tự vay, bỏ vốn ra xây dựng theo hợp đồng với chủ đầu tư, sau đó được chủ đầu tư thanh toán lại trên cơ sở khối lượng nghiệm thu. Đối với các gói thầu tổ chức đấu thầu xây lắp được thực hiện tạm ứng vốn từ 10 – 20% kế hoạch vốn cả năm tùy theo quy mô và điều kiện cụ thể của từng gói thầu.
- Đối với việc mua sắm thiết bị, sẽ được tạm ứng vốn theo chế độ quy định và trên cơ sở các điều kiện của hợp đồng giữa chủ đầu tư và tổ chức cung ứng vật tư thiết bị, nhưng tối đa không vượt kế hoạch năm được duyệt.

*Trình tự chuyển giao vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước*

- Đối với các công trình, dự án được sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi:
- Căn cứ vào kế hoạch vốn tín dụng ưu đãi hàng năm, hàng quý được duyệt, cơ quan quản lý NSNN sẽ chuyển tiền sang NH phát triển để làm nguồn vốn cho vay. Căn cứ kế hoạch vốn hàng quý được Bộ Tài chính duyệt. NH phát triển sẽ thông báo cho cơ quan cấp trên của chủ đầu tư để lập hạn mức vốn cho vay theo từng dự án gửi NH phát triển. Căn cứ số vốn do NSNN Trung ương chuyển, NH phát triển sẽ ra thông báo hạn mức vốn được phép vay cho đối tượng được vay.
- Các chủ đầu tư để rút được tiền phải ký hợp đồng tín dụng Nhà nước với cơ quan cho vay vốn. Căn cứ hợp đồng tín dụng Nhà nước đã ký, kế hoạch đầu tư cả năm được duyệt và hạn mức cho vay vốn được thông báo, cơ quan cho vay theo chế độ tín dụng ưu đãi sẽ làm thủ tục để cho chủ đầu tư rút vốn vay.



## 3.2 Chi thường xuyên ngân sách NN



### 3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc chi thường xuyên

- 1. Khái niệm:
- Chi thường xuyên NSNN là quá trình phân phối sử dụng vốn NSNN để đáp ứng cho các nhu cầu chi gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước về lập pháp hành pháp tư pháp và một số dịch vụ công khác mà nhà nước phải cung ứng

### 3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, nguyên

#### • 2. Đặc điểm chi thường xuyên

- Các khoản chi thường xuyên thường mang tính Ổn định vì:
  - Chức năng của nhà nước: bạo lực trấn áp, tổ chức quản lý xã hội, quản lý kinh tế đòi hỏi phải thực thi, để đảm bảo cho thực thi đòi hỏi cung cấp nguồn vốn từ NSNN. Tính Ổn định trong từng hoạt động cụ thể và từng bộ phận cụ thể bộ máy của nhà nước phải thực hiện
- - Các khoản chi thường xuyên của NSNN có hiệu lực tác động trong thời gian ngắn và mang tính chất tiêu dùng xã hội, chi thường xuyên đáp ứng nhu cầu chi để thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước và quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong năm NS hiện tại
- - Phạm vi, mức độ chi thường xuyên của NSNN gắn chặt với cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và sự lựa chọn của nhà nước trong việc cung ứng các hàng hóa công cộng

### 3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc chi thường xuyên

#### • 3. Nguyên tắc chi thường xuyên

- + Nguyên tắc quản lý chi theo dự toán
- Cơ cấu thu chi NSNN căn cứ vào phê chuẩn của cơ quan quyền lực nhà nước; luôn chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước. Do đó, tất cả khoản chi từ NS chỉ trở thành hiện thực khi các khoản chi đó được ghi trong dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua
- Phạm vi chi NS đa dạng liên quan đến nhiều loại hình đơn vị thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Mức chi cho mỗi loại hoạt động xác định theo đối tượng riêng, định mức riêng, giữa các cơ quan trong cùng lĩnh vực hoạt động nhưng điều kiện trang bị cơ sở vật chất khác nhau sẽ dẫn đến các mức chi NS khác nhau
- Quản lý theo dự toán: đảm bảo yêu cầu cân đối NS, tạo thuận lợi cho việc điều hành NS, hạn chế được sự tùy tiện trong quản lý và sử dụng kinh phí ở các đơn vị thụ hưởng từ

### 3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc chi thường xuyên

#### • 3. Nguyên tắc chi thường xuyên

- Nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả
- Nguồn lực bao giờ cũng có giới hạn nhưng nhu cầu thường là vô hạn. Do đó, trong phân bổ và sử dụng nguồn lực có giới hạn phải tính toán với chi phí thấp nhất nhưng vẫn đạt hiệu quả cao nhất
- Hoạt động NS diễn ra trên diện rộng, đa dạng; nhu cầu chi từ NS luôn gia tăng trong khi khả năng huy động nguồn thu có hạn. Cho nên phải tôn trọng nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả trong chi thường xuyên của NSNN.

#### • 3. Nguyên tắc chi thường xuyên

- Nguyên tắc chi trực tiếp qua KBNN
- Chức năng quan trọng của KBNN là quản lý quỹ NSNN. KBNN vừa có quyền và trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ tất cả khoản chi NSNN, đặc biệt là khoản chi thường xuyên. Để thực hiện tốt nguyên tắc này cần giải quyết tốt những vấn đề sau:
  - Các khoản chi NSNN phải được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ trong cấp phát, thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán được duyệt và được thủ trưởng đơn vị sử dụng kinh phí NSNN chuẩn chi
  - Các cơ quan, đơn vị, các chủ dự án... sử dụng kinh phí NS phải mở tài khoản tại KBNN; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan TC-KB trong quá trình lập dự toán, phân bổ dự toán, cấp phát thanh toán, hạch toán và quyết toán NSNN

### 3. Nguyên tắc chi thường xuyên

- Cơ quan tài chính có trách nhiệm xem xét dự toán NS của các cơ quan đơn vị, kiểm tra phương án phân bổ và giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp trên cho các đơn vị dự toán cấp dưới. Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp I trực thuộc, cơ quan tài chính có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp vào quyết toán chi NSNN
- KBNN có trách nhiệm kiểm soát các hồ sơ, chứng từ, điều kiện chi và thực hiện cấp phát thanh toán kịp thời các khoản chi NS theo đúng quy định; tham gia cơ quan TC cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra tình hình sử dụng NSNN và xác nhận số chi thực chi NSNN qua KBNN của đơn vị
- Lựa chọn phương thức cấp phát thanh toán đối với từng khoản chi thường xuyên cho phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, xã hội

### 3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc chi thường xuyên

- Để đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả, chi thường xuyên phải thực hiện tốt những nội dung sau:

Xây dựng các định mức tiêu chuẩn chi tiêu phù hợp với từng đối tượng từng công việc và có tính thực tiễn

Xây dựng các hình thức cấp phát đa dạng và lựa chọn hình thức cấp phát áp dụng cho mỗi loại hình đơn vị, hay yêu cầu quản lý của từng nhóm mục chi một cách phù hợp

Chọn lựa thứ tự ưu tiên cho các loại hoạt động hoặc theo các nhóm mục chi sao cho với tổng số chi có hạn nhưng khối lượng công việc vẫn hoàn thành và đạt chất lượng cao

Khi đánh giá hiệu quả chi thường xuyên từ NS phải có quan điểm toàn diện. Phải xem xét mức độ ảnh hưởng của mỗi khoản chi thường xuyên tới các mối quan hệ KT-CT-XH khác và phải tính đến thời gian phát huy hiệu quả của nó. Khi nói đến hiệu quả chi thường xuyên từ NS ta hiểu đó là những lợi ích KT-XH mà xã hội được hưởng

### 3.2.2. Chi sự nghiệp

- Kinh tế
- Văn hóa xã hội
- Công nghệ
- Giáo dục- đào tạo
- Y tế
- Văn hóa, nghệ thuật, thể thao
- Chi sự nghiệp xã hội

### 3.2.2.1 Chế độ chi NSNN cho sự nghiệp kinh tế

- **1. Khái niệm.**
- Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp kinh tế là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ sử dụng vốn ngân sách Nhà nước chi dùng cho các hoạt động nhằm phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế và xã hội được tiến hành thuận lợi.
- Đặc điểm chung của chế độ chi ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp kinh tế là không nhằm mục đích trực tiếp kinh doanh lấy lãi.

### 2. Nội dung chế độ chi NSNN cho sự nghiệp kinh tế.

- Nguyên tắc chung của việc chi NSNN cho sự nghiệp kinh tế là theo công việc, nhiệm vụ đã được bố trí trong kế hoạch. Đối với chi cho duy trì bộ máy quản lý hành chính của đơn vị thực hiện hoạt động sự nghiệp kinh tế tính được chủ yếu trong nguồn chi về quản lý hành chính của NSNN.
- Do có nhiều loại hình đơn vị như có loại vừa thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính vừa thực hiện luôn các nghiệp vụ chuyên môn, có loại đơn vị để thực hiện nhiệm vụ được giao phải đi thuê các đơn vị chuyên môn hạch toán riêng thực hiện công việc... Nên việc cấp phát vốn sự nghiệp kinh tế trong NSNN thường căn cứ vào loại hình đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này.

### 2. Nội dung chế độ chi NSNN cho sự nghiệp kinh tế

- Hiện nay, có hai loại chủ yếu là:
- Thứ nhất: Loại hình đơn vị được cấp phát vốn ngân sách Nhà nước theo phương thức gán thu bù chi.
- Thứ hai: Loại hình đơn vị được cấp vốn ngân sách Nhà nước theo công việc.
- Hiện nay theo chế độ phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước thì nguồn vốn cấp cho các hoạt động sự nghiệp kinh tế được phân làm hai loại:  
Nguồn vốn của ngân sách Trung ương và nguồn vốn ngân sách của địa phương.

### Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;
- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; công tác khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Điều tra cơ bản;
- Đo đạc địa giới hành chính;
- Đo vẽ bản đồ;
- Đo đạc biên giới, cắm mốc biên giới;
- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;
- Định canh, định cư và kinh tế mới;
- Các hoạt động sự nghiệp môi trường;
- Các sự nghiệp kinh tế khác;

### Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do địa phương quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;
- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;
- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;
- Điều tra cơ bản;
- Các hoạt động sự nghiệp về môi trường;
- Các sự nghiệp kinh tế khác;

### Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa – xã hội.

- Chi cho các sự nghiệp văn hóa – xã hội là khoản chi lớn của ngân sách Nhà nước trong tổng số chi tiêu dùng hàng năm của ngân sách Nhà nước, bao gồm hai nội dung:
- Nội dung thứ nhất: là chi bảo đảm các hoạt động sự nghiệp.
- Nội dung thứ hai: là chi trợ cấp cho các đối tượng theo những chính sách xã hội của Nhà nước ban hành và trợ cấp quỹ bảo hiểm xã hội, chi thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng mà Nhà nước ưu đãi.
- Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa – xã hội bao gồm các khoản chi chủ yếu sau đây:

### Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa – xã hội.

- Chi thường xuyên về:
- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý:
- - Các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- - Đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;
- - Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động sự nghiệp y tế khác;
- - Các cơ sở thương binh, người có công với cách mạng, trại xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

### Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa – xã hội.

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác;
- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Các sự nghiệp khác;

### Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa – xã hội.

- Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan địa phương quản lý:
- - Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác;
- - Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;
- - Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;
- - Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

### Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa – xã hội.

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác;
- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;
- Các sự nghiệp khác do địa phương quản lý;

### 3.2.3. Chế độ chi về an ninh, quốc phòng

- 
- Chi ngân sách Nhà nước cho an ninh, quốc phòng là một khoản chi có tính chất tuyệt mật kể cả nội dung chi và số chi.
- Theo nguyên tắc chung, chi cho quốc phòng và an ninh bao gồm các khoản chi về lương, tiền ăn của sĩ quan và chiến sĩ thuộc bộ máy thường trực, chi về trang thiết bị và các hoạt động của bộ máy đó để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, chi về xây dựng cơ sở vật chất như trụ sở, doanh trại...
- Ngoài ra còn bao gồm các khoản chi để thực hiện các chính sách đối với các quân nhân như: Quỹ lập mồ mã của các liệt sĩ, chi thực hiện chế độ xuất ngũ, chuyển ngành, tuyển quân...

### 3.2.3. Chế độ chi về an ninh, quốc phòng

- Riêng chi về các hoạt động dân quân du kích trong ngân sách Nhà nước được tách riêng và do ngân sách của các địa phương đảm nhiệm.
- Do điều kiện riêng của nước ta, để đảm bảo thêm nhu cầu chi tiêu của mình, hệ thống quân đội và công an còn có các đơn vị chuyên làm nhiệm vụ kinh tế, tự sản xuất và kinh doanh nhằm tự trang trải thêm các nhu cầu chi của ngành, đồng thời luôn đảm bảo quân số chi cần thiết. NSNN chỉ cấp vốn ban đầu để họ đủ khả năng hoạt động SXKD

### 3.2.4. Chế độ chi hoạt động quản lý Nhà nước

- Chế độ chi ngân sách Nhà nước cho hoạt động quản lý Nhà nước là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ sử dụng vốn ngân sách Nhà nước chỉ dùng cho các hoạt động của bộ máy Nhà nước, không bao gồm chi về xây dựng cơ bản
- Nội dung cơ bản của khoản chi này, cũng như các khoản chi sự nghiệp khác, bao gồm chi về lương và các khoản có tính chất lương, chi phí để thực hiện công việc quản lý hành chính, chi mua sắm tài sản cố định và trang thiết bị để phục vụ công tác quản lý hành chính (coi như tài sản cố định), chi sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên trụ sở cơ quan, ô tô, trang thiết bị, chi hội nghị, chi các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài...

### Chế độ chi hoạt động quản lý Nhà nước

- Trong một nội dung chi của ngân sách Nhà nước về quản lý Nhà nước của nước ta hiện nay, ngoài các đối tượng là cơ quan chức năng quản lý Nhà nước còn có các khoản chi khác.
- Theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Kinh phí hoạt động của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm, ngân sách Nhà nước chỉ tài trợ trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của Chính phủ. Các khoản chi này cũng được coi là chi ngân sách Nhà nước về quản lý Nhà nước.

### Chế độ chi hoạt động quản lý Nhà nước TW

- Hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân;
- Hoạt động của cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Hoạt động của các cơ quan trung ương của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Lao động Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc Trung ương

#### Chế độ chi hoạt động quản lý Nhà nước TW

- Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhà nước do các cơ quan trung ương thực hiện;
- Thực hiện chế độ đối với người về hưu, mất sức theo quy định của Bộ Luật lao động cho các đối tượng thuộc ngân sách trung ương bảo đảm; hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;
- Thực hiện các chính sách đối với thương binh, bệnh binh, liệt sỹ, thân nhân liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội khác;

#### Chế độ chi hoạt động quản lý Nhà nước Địa phương

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở địa phương;
- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
- Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương

#### Nội dung pháp lý các khoản chi khác của NSNN

- **Chi ngân sách Nhà nước để trả nợ nước ngoài.**
- Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý về vay và trả nợ phần vay của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm quản lý về vay và trả nợ nước ngoài phần vay của các doanh nghiệp.
- Các doanh nghiệp đi vay vốn nước ngoài phải được Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các điều kiện vay, trả, trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới được tiến hành đi vay.
- Chi ngân sách Nhà nước để trả nợ nước ngoài được thực hiện dưới hai hình thức: trả tiền hoặc trả bằng hiện vật, trong đó trả bằng hiện vật được ưu tiên nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong nước

#### Nội dung pháp lý các khoản chi khác của NSNN

- **Chi trả nợ, lãi công trái, trái phiếu, tín phiếu kho bạc Nhà nước.**
- Hiện nay trong ngân sách Nhà nước có hai khoản tiền chi trả về tiền vay trong nước là trả nợ công trái quốc gia phát hành những năm trước đây và chi trả lãi tiền vay bằng tín phiếu kho bạc Nhà nước và trái phiếu. Việc tiến hành các nghiệp vụ chi trả cụ thể hiện nay do kho bạc Nhà nước thực hiện.
- Đối với trả nợ tín phiếu, nguyên tắc chi trả là trước mắt, ngân sách Nhà nước chỉ tạm thời bố trí chi trả nợ tiền vay, còn nợ gốc sẽ dùng hình thức vay mới trả cũ, động viên nhân dân yêu cầu vẫn phải bố trí trả kịp thời. Sau này khi nguồn thu của ngân sách Nhà nước khá hơn, sẽ bố trí trả dần tiền gốc vay.

#### Nội dung pháp lý các khoản chi khác của NSNN

- **Chế độ chi trợ giá.**
- Trong chế độ chi ngân sách Nhà nước có khoản chi trợ giá cho một số mặt hàng thiết yếu mà còn việc sản xuất, tiêu dùng gắn với việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.
- Hàng hóa được ngân sách Nhà nước trợ cấp giá bao gồm:
- Các mặt hàng thiết yếu cho miền núi, vùng cao, vùng sâu có khó khăn như muối i ốt, dầu thấp sáng, giấy viết, thuốc chữa bệnh;
- Các mặt hàng thuộc diện chính sách giữ giống gốc quốc gia, sách báo chính trị phục vụ công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Nhà nước trợ giá cước vận chuyển các mặt hàng thiết yếu cho miền núi, hải đảo.

#### Nội dung pháp lý các khoản chi khác của NSNN

- Chi viện trợ cho các Chính phủ và tổ chức nước ngoài;
- Chi cho vay theo quy định của pháp luật;
- Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của trung ương;
- Bổ sung cho ngân sách địa phương;
- Chi chuyển nguồn từ ngân sách trung ương năm trước sang ngân sách trung ương năm sau.



### Nội dung pháp lý các khoản chi khác của NSNN

- Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;
- Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;
- Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;
- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;
- Chi trả gốc, lãi tiền huy động cho đầu tư;
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh;
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới;
- Chi chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau;

### Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ƯƠNG

- I. Chi đầu tư phát triển:
  - a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung Ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 của Điều này;
  - b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung Ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

### Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ƯƠNG

- 2. Chi dự trữ quốc gia.
- 3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung Ương được phân cấp trong các lĩnh vực:
  - a) Quốc phòng;
  - b) An ninh và trật tự an toàn xã hội;
  - c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
  - d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;
  - đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
  - e) Sự nghiệp văn hoá thông tin;
  - g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;
  - h) Sự nghiệp thể dục thể thao;
  - i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; phân giới cắm mốc biên giới; quy hoạch thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do nhà nước thực hiện; các hoạt động kinh tế khác;

### Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ƯƠNG

- aa) Các hoạt động kinh tế
  - - Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do Nhà nước thực hiện;
  - - Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do Nhà nước thực hiện;
  - - Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo do Nhà nước thực hiện;
  - - Hoạt động phân giới cắm mốc biên giới; điều tra cơ bản; quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước thực hiện;
  - - Các sự nghiệp kinh tế khác

## Nhiệm vụ chi của ngân sách trung Ương

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở trung ương theo quy định của pháp luật;

n) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định

## Kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- 1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.
- 2. Các tổ chức quy định tại khoản 1 của Điều này được ngân sách nhà nước cấp chênh lệch giữa dự toán chi được xác định theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định với các nguồn thu của các tổ chức nêu trên theo Điều lệ của tổ chức.

## Kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

3. Kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cân đối hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được bố trí trong dự toán của từng cấp ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định.

4. Việc lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách của các tổ chức quy định tại khoản 1 của Điều này được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

## Nhiệm vụ chi của ngân sách trung Ương

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của Chính phủ.

5. Chi viện trợ.

6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.

8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.

9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

## Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

1. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự đảm bảo. Trường hợp các tổ chức tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Nhà nước giao nhiệm vụ thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện.

2. Số kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách của từng cấp ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định. Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao mức hỗ trợ cụ thể cho từng tổ chức.

## Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

3. Việc lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể việc hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với các tổ chức nêu tại khoản 1 của Điều này.

### Nhiệm vụ chi của ngân sách trung Ương

- 4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của Chính phủ.
- 5. Chi viện trợ.
- 6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.
- 7. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính Trung Ương.
- 8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung Ương sang năm sau.
- 9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

### Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

- I. Chi đầu tư phát triển:
  - a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại điểm 2 dưới đây;
  - b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật;
  - c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

### Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

- 2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực:
  - a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
  - b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;
  - c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao cho địa phương quản lý;
  - d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
  - d) Sự nghiệp văn hoá thông tin;
  - g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;
  - h) Sự nghiệp thể dục thể thao;
  - i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

### Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

- 1) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác;
- k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam ở địa phương;
- l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật;
- m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;
- n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

- 3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.
- 4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.
- 5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.
- 6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

- Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- d) Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.



### **Khái niệm cân đối ngân sách nhà nước**

- Xét về **bản chất**, cân đối ngân sách nhà nước là cân đối giữa các nguồn thu mà Nhà nước huy động được tập trung vào ngân sách nhà nước trong một năm và sự phân phối, sử dụng nguồn thu đó thỏa mãn nhu cầu chi tiêu của Nhà nước trong năm đó
- Xét về **góc độ tổng thể**, cân đối ngân sách nhà nước phản ánh mối tương quan giữa thu và chi trong một tài khóa. Nó không chỉ là sự tương quan giữa tổng thu và tổng chi mà còn thể hiện sự phân bổ hợp lý giữa cơ cấu các khoản thu và cơ cấu các khoản chi của ngân sách nhà nước

- Xét trên **phương diện phân cấp quản lý nhà nước**, cân đối ngân sách nhà nước là cân đối về phân bổ và chuyên giao nguồn thu giữa các cấp ngân sách, giữa trung ương và địa phương và giữa các địa phương với nhau để thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.
- Cân đối ngân sách nhà nước không chỉ đơn thuần là sự cân bằng về số lượng biểu hiện qua các con số giữa tổng thu và tổng chi, mà nó còn biểu hiện qua các khía cạnh khác nhau.
- Tựu trung lại ta có thể hiểu: **Cân đối ngân sách nhà nước là một bộ phận quan trọng của chính sách tài khóa, phản ánh sự điều chỉnh mối quan hệ tương tác giữa thu và chi ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội mà Nhà nước đã đề ra trong từng lĩnh vực và địa bàn cụ thể.**

### **Khái niệm bội chi ngân sách nhà nước**

*“Bội chi ngân sách nhà nước là tình trạng chi ngân sách nhà nước vượt quá thu ngân sách nhà nước trong một năm, là hiện tượng ngân sách nhà nước không cân đối thể hiện trong sự so sánh giữa cung và cầu về nguồn lực tài chính của nhà nước”.*

### **Khái niệm bội chi ngân sách nhà nước**

- **Bội chi ngân sách nhà nước** bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh. Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương.
- **Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh** là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.

- \* Đặc điểm cân đối NSNN
- Cân đối NSNN phản ánh mối quan hệ tương tác giữa thu và chi NSNN nhằm đạt được các mục tiêu của chính sách tài khóa, nó vừa là công cụ thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước, vừa bị ảnh hưởng bởi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.
- Về nội dung, cân đối NSNN bao gồm cân đối giữa tổng thu và tổng chi, cân đối giữa các khoản thu và các khoản chi NSNN, đồng thời phải kiểm soát được tình trạng NSNN để qua đó thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô trong từng lĩnh vực, địa bàn.
- Cân đối NSNN mang tính định lượng và tính tiên liệu

- **Vai trò của cân đối NSNN**
- Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.
- Góp phần điều chỉnh chu kỳ kinh tế.
- Góp phần phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính có hiệu quả.

- - Tổng số thu từ thuế, phí và lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao vào chi đầu tư phát triển; trường hợp còn bội chi, thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi NS
- - Sự tăng thu và tiết kiệm chi so với dự toán được giao được sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, tăng chi đầu tư phát triển, bổ sung quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng NS .

### Nguyên tắc cân đối NSNN tại VN

- 1. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể.
- Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện. Việc ban hành chính sách thu ngân sách phải bảo đảm nguyên tắc cân đối ngân sách trong trung hạn, dài hạn và thực hiện các cam kết về hội nhập quốc tế

### Nguyên tắc cân đối NSNN tại VN

- 2. Ngân sách nhà nước được cân đối theo nguyên tắc tổng số thu từ thuế, phí, lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao để chi đầu tư phát triển; trường hợp còn bội chi thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư phát triển, tiến tới cân bằng thu, chi ngân sách; trường hợp đặc biệt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.
- Trường hợp bội thu ngân sách thì được sử dụng để trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước.

### Nguyên nhân bội chi ngân sách nhà nước

- + Nguyên nhân khách quan:
- Do nền kinh tế suy thoái và khủng hoảng làm cho nguồn thu vào ngân sách nhà nước bị giảm sút, nhưng nhu cầu chi tiêu lại gia tăng để giải quyết những vấn đề khó khăn mới về kinh tế- xã hội như: trợ cấp xã hội, các khoản chi để phục hồi nền kinh tế,... Điều đó dẫn đến tình trạng thu không đủ chi và ngân sách nhà nước bị thâm hụt.
- Ngược lại, khi kinh tế ở giai đoạn phồn thịnh, thu vào ngân sách nhà nước liên tục tăng lên mà không phải chi các khoản chi bất thường thì ngân sách nhà nước tăng lên và đảm bảo thực hiện tốt những dự toán đã được đề ra.
- Qua đó, ta thấy suy thoái và khủng hoảng kinh tế là một trong những nguyên nhân gây ra bội chi ngân sách nhà nước.
- Bên cạnh đó, thiên tai và tình trạng bất ổn về an ninh chính trị của quốc gia, thế giới cũng ảnh hưởng rất lớn đến ngân sách nhà nước. Do nhu cầu chi tiêu cho quốc phòng và an ninh trật tự xã hội tăng lên và phải chi nhiều để khắc phục hậu quả thiên tai.



- + Nguyên nhân chủ quan: Do quản lý, điều hành ngân sách nhà nước bất hợp lý. Biểu hiện qua những vấn đề sau: Tác động từ chính sách cơ cấu thu chi của nhà nước, việc khai thác và đánh giá nguồn thu chưa tốt, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước còn nhiều bất cập, gây thất thoát và lãng phí nguồn lực tài chính của nhà nước, vấn đề phân cấp quản lý ngân sách nhà nước chưa khuyến khích địa phương nỗ lực trong khai thác nguồn thu và phân bổ chi tiêu hiệu quả.
- Điều đó đã làm nguồn thu vào ngân sách nhà nước bị thất thoát, hoạt động thu không hiệu quả và không đủ cho hoạt động chi của nhà nước.
- Ngoài ra do nhà nước chủ động sử dụng bội chi ngân sách nhà nước như là một công cụ để thực hiện chính sách đẩy mạnh đầu tư, kích thích tiêu dùng tạo sự tăng trưởng cho nền kinh tế, khắc phục tình trạng suy thoái của nền kinh tế.

### Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- Tăng các khoản thu, chủ yếu là tăng thuế:** Biện pháp này có khả năng bù đắp và giảm bội chi ngân sách nhà nước. Có hai cách để tăng thuế: Một là, tăng thuế suất. Hai là, mở rộng, nuôi dưỡng nguồn thu và chống thất thu thuế.
- Tuy nhiên đây không phải là những giải pháp cơ bản để xử lý bội chi ngân sách nhà nước, bởi lẽ nếu tăng thuế không hợp lý sẽ dẫn đến giá cả hàng hóa tăng, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất của người dân, nghiêm trọng hơn sẽ làm mất động lực kinh doanh của các doanh nghiệp, làm mất đi khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta đối với các nước.
- Tăng thuế về mặt lý thuyết có thể tăng thu ngay, nhưng trên thực tế vấn đề này có đảm bảo tính khả thi hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý thu, hiệu suất của từng sắc thuế như thế nào, khả năng kinh tế của quốc gia,... Nếu thuế tăng cao sẽ dẫn đến trốn thuế, không kích thích kinh tế phát triển. Vì vậy biện pháp này tương đối khó thực hiện và phải triển khai trong thời gian dài, có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp các ngành để đảm bảo sự công bằng về nghĩa vụ đóng góp của mỗi người dân.

- Thiết lập chính sách chi hiệu quả và cắt giảm chi ngân sách nhà nước:** Bên cạnh biện pháp tăng thuế một cách hợp lý, chính phủ cần phải thiết lập một chính sách chi ngân sách nhà nước hiệu quả và tiến tới cắt giảm chi ngân sách nhà nước và tăng cường tiết kiệm. Đây là giải pháp mang tính tình thế nhưng vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia khi xảy ra bội chi ngân sách nhà nước.
- Việc cắt giảm bội chi ngân sách nhà nước chỉ phát huy tác dụng khi nhà nước cắt giảm những khoản chi tiêu lãng phí, bất hợp lý, các khoản chi bao cấp cho xã hội và doanh nghiệp nhà nước.
- Nhà nước cần triệt để tiết kiệm các khoản đầu tư và chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, tức là chi đầu tư vào những dự án mang tính chủ đạo, hiệu quả nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội đã đề ra, còn những dự án chưa và không có hiệu quả thì phải cắt giảm và thậm chí không đầu tư.
- Đồng thời cũng phải tiến hành cắt giảm những khoản chi thường xuyên của các cơ quan nhà nước nếu những khoản chi này không hiệu quả và chưa cần thiết.

### Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- Phát hành tiền:** Xử lý bội chi ngân sách nhà nước thông qua phát hành tiền và đưa ra lưu thông sẽ giúp cho chính phủ duy động nhanh nguồn vốn để cân đối ngân sách nhà nước.
- Tuy nhiên, giải pháp này có thể gây ra lạm phát nếu nhà nước phát hành quá nhiều tiền để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, sẽ gây ra những vấn đề khó khăn cho nền kinh tế sau này như: Kinh tế tăng trưởng nóng, không cân đối với khả năng tài chính hiện tại của đất nước,...
- Nhưng nếu phát hành tiền ở mức hợp lý, phù hợp với diễn biến của nền kinh tế và sử dụng tiền đó có hiệu quả thì sẽ không làm tăng lạm phát, không gây tác động xấu đến nền kinh tế mà sẽ góp phần khắc phục tình trạng bội chi ngân sách nhà nước, thúc đẩy kinh tế phát triển và đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước.

### Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- Việc bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.
- Vay nợ:** Nhà nước tiến hành vay nợ theo hai cách để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước, bao gồm:
  - + **Vay nợ trong nước:** Chính phủ phát hành trái phiếu trên thị trường tài chính trong nước để tiến hành vay nợ. Biện pháp này dễ triển khai thực hiện và giúp chính phủ tránh được những ảnh hưởng từ bên ngoài. Tuy nhiên nguồn vay mang lại cho ngân sách nhà nước là không lớn vì chi tiết kiệm trong khu vực tư.
  - + **Vay nợ nước ngoài:** Bao gồm nguồn vốn do chính phủ phát hành trái phiếu trên thị trường tài chính quốc tế và nguồn vốn ODA. Nhà nước sẽ phụ thuộc nhiều vào đối tác cho vay, chịu sự ràng buộc áp đặt bởi nhiều điều kiện từ phía chủ thể này và nếu vay trong thời hạn dài sẽ tăng các khoản nợ nước ngoài đặt gánh nặng cho vấn đề tài chính ở nước ta.

### Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- Bội chi ngân sách trung ương được bù đắp từ các nguồn sau:
  - Vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính phủ, công trái xây dựng Tổ quốc và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;
  - Vay ngoài nước từ các khoản vay của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường quốc tế, không bao gồm các khoản vay về cho vay lại.

## Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

### Bội chi ngân sách địa phương:

- a) Chi ngân sách địa phương cấp tỉnh được bội chi; bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;
- b) Bội chi ngân sách địa phương được bù đắp bằng các nguồn vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;
- c) Bội chi ngân sách địa phương được tổng hợp vào bội chi ngân sách nhà nước và do Quốc hội quyết định. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện được phép bội chi ngân sách địa phương để bảo đảm phù hợp với khả năng trả nợ của địa phương và tổng mức bội chi chung của ngân sách nhà nước.

## Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương:
- a) Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp;
- b) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp;
- c) Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn hoặc bằng chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 20% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.

## Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- Do vậy, vay trong nước hay vay nước ngoài đều phải trả nợ gốc và cả lãi, càng vay thì gánh nặng về nợ sẽ càng tăng. Nếu về lâu dài sử dụng biện pháp vay nợ để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước thì sẽ gây nhiều áp lực cho chính phủ về nợ và ảnh hưởng nghiêm trọng đến vấn đề cân đối ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước khó đạt mức cân bằng.
- Qua đó ta thấy **bội chi ngân sách nhà nước có mối quan hệ mật thiết với vấn đề cân đối ngân sách nhà nước**. Nếu bội chi ngân sách nhà nước xảy ra, tức là chi lớn hơn thu ngân sách nhà nước làm cho ngân sách bị thiếu hụt, mất cân đối và nhà nước tìm cách khắc phục bội chi ngân sách nhà nước cũng chính là tìm cách đưa ngân sách nhà nước về trạng thái cân đối giữa nguồn thu và nguồn chi.
- Bội chi ngân sách nhà nước được xử lý tốt và được đảm bảo ở mức hợp lý sẽ góp phần quan trọng vào cân đối ngân sách nhà nước và thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội phát triển đất nước.

- Trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước, nếu có sự thay đổi về thu, chi thì thực hiện như sau:

1. **Số tăng thu và tiết kiệm chi so với dự toán được giao được sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, tăng chi đầu tư phát triển, bổ sung quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng ngân sách.** Chính phủ dự kiến phương án sử dụng đối với từng nhiệm vụ chi, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện; Ủy ban nhân dân dự kiến phương án sử dụng đối với từng nhiệm vụ chi, thống nhất ý kiến với Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi thực hiện; đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân thống nhất ý kiến với Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân trước khi thực hiện;
2. **Trường hợp số thu không đạt dự toán được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định**, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân điều chỉnh giảm một số khoản chi tương ứng;

## Các biện pháp xử lý bội chi NSNN

- 3. Trường hợp có nhu cầu chi đột xuất ngoài dự toán nhưng không thể trì hoãn được mà dự phòng ngân sách không đủ đáp ứng, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải sắp xếp lại các khoản chi trong dự toán được giao hoặc sử dụng các nguồn dự trữ để đáp ứng nhu cầu chi đột xuất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật NSNN;
- 4. Trường hợp số thu, chi có biến động lớn so với dự toán đã được quyết định, cần phải điều chỉnh tổng thể thì Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật NSNN;

### 3. Giới hạn bội chi ngân sách nhà nước

Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước cần phải tổ chức điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, can thiệp hợp lý và đúng cách vào nền kinh tế theo hướng kích thích kinh tế tăng trưởng, khắc phục những khiếm khuyết của cơ chế thị trường, đảm bảo các yêu cầu phát triển bền vững, bảo đảm sự công bằng và bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển.

Muốn vậy, nhà nước cần sử dụng tổng hợp các công cụ kinh tế tài chính vĩ mô, trong đó ngân sách nhà nước (đặc biệt là chi ngân sách nhà nước) là một công cụ quan trọng. Trong trường hợp này, chi ngân sách nhà nước không thể chi bỏ hẹp trong phạm vi tổng thu trong cân đối được. Ngược lại, tùy bối cảnh cụ thể, nhà nước có thể chấp nhận có bội chi ngân sách nhà nước.

Chi ngân sách nhà nước được mở rộng trong giới hạn có thể kiểm soát được và sử dụng bội chi một cách hợp lý, hiệu quả sẽ góp phần kích thích kinh tế tăng trưởng, tạo công ăn việc làm, vừa tạo sự an toàn tài chính.

Chấp nhận bội chi để tác động vào tổng cầu trên thực tế đã được nhiều quốc gia áp dụng<sup>[1]</sup>, mặc dầu mức độ thành công của mỗi nước khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể và khả năng vận dụng của từng nước. Sự xuất hiện của bội chi trong trường hợp này là cần thiết, khách quan và chủ động.

Theo số liệu thống kê và kinh nghiệm điều hành ngân sách nhà nước ở nhiều quốc gia, mức thâm hụt ngân sách nhà nước không nên vượt quá 5% GDP. Con số này được đưa ra dựa trên cơ sở sau:

Từ công thức:  $(S - I) + (T - G) = (X - M)$ , chia cả hai vế cho GDP, chúng ta có phương trình như sau:

$$\frac{(S-I)}{GDP} + \frac{(T-G)}{GDP} = \frac{(X-M)}{GDP}$$

Kinh nghiệm quản lý ở các nước Mỹ Latin những năm 80, ở các nước Châu Á những năm 90 cho thấy: nếu tỷ lệ thâm hụt cán cân ngoại thương (vế phải của đẳng thức trên) > 5% GDP thì sẽ dễ đưa quốc gia rơi vào tình trạng khủng hoảng nợ và khủng hoảng cán cân thanh toán quốc tế. Bên vế trái của đẳng thức trên thì  $(S-I)$  là chênh lệch giữa tiết kiệm và đầu tư của khu vực tư nhân nên nhà nước không thể kiểm soát được *một cách trực tiếp*, nhà nước chỉ có thể kiểm soát trực tiếp được  $(T - G)$ . Do vậy, để tạo sự chủ động và thận trọng nhằm kiểm soát được cán cân ngoại thương, thâm hụt ngân sách nhà nước không được vượt quá 5% GDP. Tuy nhiên trên thực tế, tùy tình hình cụ thể của mỗi quốc gia về khả năng kiểm soát tiết kiệm và đầu tư của khu vực tư thì 5% GDP thâm hụt cán cân ngoại thương cũng như thâm hụt ngân sách nhà nước không phải là giới hạn quá "cứng".

Để kiểm soát tỷ lệ thâm hụt/GDP thì mức thâm hụt dự kiến phải tạo ra được mức gia tăng nhu cầu tiêu dùng hoặc đầu tư trực tiếp để kích thích và làm tăng năng lực sản xuất kinh doanh, qua đó thúc đẩy kinh tế tăng trưởng mạnh và bền vững. Muốn vậy, bội chi ngân sách nhà nước nên được sử dụng vào những công việc khởi đầu của một loạt chu kỳ sản xuất kinh doanh liên tiếp. Lúc này thâm hụt có tác dụng đưa nền kinh tế vào một vòng xoáy tích cực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều công ăn việc làm mới, gia tăng quy mô GDP. Nói cách khác, bội chi ngân sách nên được sử dụng cho chi đầu tư phát triển.

## QUẢN LÝ QUỸ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản lý quỹ NSNN

#### 1.1 khái niệm:

Quản lý quỹ ngân sách Nhà nước là việc xây dựng kế hoạch tạo lập, sử dụng ngân sách Nhà nước tập trung các khoản thu, tổ chức và điều hòa vốn tiền mặt đảm bảo thực hiện chi trả tiền ngân sách Nhà nước.

#### 1.2. Đặc điểm quản lý quỹ NSNN

- Là hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện
- Thực hiện trong quá trình tổ chức thu, cấp phát, thanh toán các khoản chi và kiểm soát các khoản chi
- Mục đích của quản lý NSNN là nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả và sử dụng có hiệu quả NS

## 1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản lý quỹ NSNN

### • 1.3 Nguyên tắc quản lý quỹ NSNN

- Tất cả các khoản thu NSNN đều được tập trung vào KBNN và tất cả các khoản chi của NSNN qua hệ thống KBNN được cấp qua KBNN được cấp phát, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng
- KBNN tiếp nhận, tập trung các khoản thu cho NSNN theo lệnh của người chuẩn thu và thực hiện chi trả theo lệnh của cơ quan tài chính hoặc thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền chuẩn chi dưới hai hình thức lệnh chi tiền và cấp phát hạn mức kinh phí
- KBNN quản lý quỹ NS cấp nào thì khi sử dụng quỹ NS phải thực hiện lệnh của cơ quan tài chính cấp đó

**Việc quản lý quỹ ngân sách Nhà nước phải đảm bảo tính thống nhất, tính đầy đủ và tính phân cấp.**

Tính thống nhất thể hiện trong các chế độ, chính sách, phương thức quản lý và sự **thống nhất khi sử dụng đơn vị tiền tệ để hạch toán**, Luật Ngân sách nhà nước quy định mọi khoản thu, chi ngân sách Nhà nước đều phải được **hạch toán bằng đồng Việt Nam**).

Tính toán đầy đủ yêu cầu tất cả các khoản thu chi của ngân sách phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách Nhà nước.

Các khoản thu do **cơ quan thu trực tiếp thu phải nộp tiền vào kho bạc** và phải báo cáo với cơ quan tài chính, kho bạc để hạch toán và làm các thủ tục cấp phát, thanh toán.

**Tính phân cấp đòi hỏi nguồn thu của ngân sách cấp nào phải tập trung vào ngân sách cấp đó**, không được sử dụng quỹ của ngân sách cấp này để chi cho ngân sách cấp khác.

## Hoạt động quản lý quỹ ngân sách Nhà nước bao gồm các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch tạo lập và sử dụng quỹ Ngân sách Nhà nước, lập và cụ thể hóa thu chi ngân sách Nhà nước cả năm và theo định kỳ kế hoạch.
- Tập trung các nguồn thu là việc sử dụng hệ thống pháp luật thu hiện hành, các nghiệp vụ và kế hoạch thu được phân bổ để tạo lập quỹ ngân sách Nhà nước, kể cả việc thực hiện các nghiệp vụ vay.
- Tổ chức điều tiết nguồn thu cho từng cấp ngân sách Nhà nước trên cơ sở kế hoạch đã được phân bổ, bảo đảm nguồn kinh phí kịp thời cho các cấp ngân sách Nhà nước.
- Thực hiện chi trả, cấp phát cho các đối tượng, kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo chế độ chi tiêu của Nhà nước.

## Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là việc lập, phân bổ, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước trên cơ sở xác định rõ kinh phí ngân sách gắn với nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm cần hoàn thành với khối lượng, số lượng và chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.
2. Đối tượng thực hiện quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ là các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đáp ứng đủ điều kiện sau:
  - a) Xác định được khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành;
  - b) Có cơ sở, căn cứ tính toán để lập và giao dự toán kinh phí theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật kinh tế, định mức chi tiêu hoặc giá trị của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm tương đương cùng loại được cung ứng trong điều kiện tương tự (bao gồm cả các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp theo quy định của pháp luật);
  - c) Phải có tiêu chí, cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện;
  - d) Có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan nhận nhiệm vụ về việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Phạm vi áp dụng là các nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm có thể xác định được rõ yêu cầu về khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm hoàn thành và nhu cầu kinh phí ngân sách cần bảo đảm trên cơ sở định mức kỹ thuật kinh tế, tiêu chí, định mức chi ngân sách được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

4. Nguyên tắc áp dụng:

- a) Tăng thẩm quyền, đi đôi với tăng trách nhiệm cá nhân, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của thủ trưởng đơn vị;
- b) Đơn giản hóa quy trình quản lý ngân sách nhà nước trong khâu kiểm soát chi, quyết toán chi ngân sách nhà nước;
- c) Khối lượng, số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, thời gian cung cấp, dự toán chi phí của nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm phải bảo đảm tối thiểu bằng hoặc tốt hơn so với phương thức quản lý ngân sách nhà nước theo các yếu tố đầu vào;
- d) Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn việc quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

## 2. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý Nhà nước trong quản lý quỹ ngân sách Nhà nước

### • 2.1. Hệ thống cơ quan tài chính nhà nước và nhiệm vụ quản lý Quỹ NSNN

**+ Bộ Tài chính cùng với các cơ quan tài chính địa phương là hệ thống cơ quan quản lý chuyên môn tổng hợp**, có chức năng quản lý ngân sách Nhà nước, bảo đảm điều kiện vật chất để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước một cách có hiệu quả và tiết kiệm.

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng thu của các cơ quan thu, cơ quan tài chính có trách nhiệm lập kế hoạch thu và chi ngân sách toàn bộ hệ thống, đồng thời tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động có liên quan tới quỹ ngân sách Nhà nước.

### 2.1. Hệ thống cơ quan tài chính nhà nước và nhiệm vụ quản lý Quỹ NSNN

- **Cơ quan thuế và hải quan** là một bộ phận trong hệ thống cơ quan tài chính có chức năng xác định khả năng thu những khoản nộp bắt buộc để tạo nguồn cho ngân sách. Hoạt động này của cơ quan thuế-HQ có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì các khoản thu về thuế đóng vai trò quyết định cho việc hình thành quỹ ngân sách Nhà nước, cơ quan thuế các cấp phải có những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, nâng cao ý thức chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính.
- Cơ quan thuế và hải quan được tổ chức thành hệ thống thống nhất từ Trung ương đến các địa phương, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn hoạt động.

### 2.1. Hệ thống cơ quan tài chính nhà nước và nhiệm vụ quản lý Quỹ NSNN

- **Kho bạc Nhà nước** là một tổ chức trong hệ thống cơ quan tài chính, có chức năng quản lý quỹ ngân sách Nhà nước.
- Nhiệm vụ chủ yếu của kho bạc là **tập trung và phân ánh các khoản thu ngân sách Nhà nước, thực hiện điều tiểu số thu ngân sách Nhà nước cho các cấp ngân sách Nhà nước và thực hiện chi trả, kiểm soát chi ngân sách Nhà nước theo từng đối tượng thụ hưởng theo dự toán được duyệt.**
- Kho Bạc Nhà nước được tổ chức theo hệ thống dọc, thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo 3 cấp.

### 2.2. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý tài chính Nhà nước trong quản lý quỹ ngân sách Nhà nước:

- **2.2.1. Hoạt động xây dựng kế hoạch ngân sách Nhà nước:**
- **Cơ quan tài chính** có trách nhiệm cùng các đơn vị Trung ương và địa phương xây dựng dự án ngân sách Nhà nước và dự án phân bổ ngân sách Nhà nước Trung ương đề trình Chính phủ, đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách Nhà nước.
- **Cơ quan thuế** có trách nhiệm đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu trong năm kế hoạch dựa trên những dự báo tình hình phát triển kinh tế xã hội để dự kiến số thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác.
- **Cơ quan Hải quan** các cấp lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các khoản thu khác liên quan đến xuất nhập khẩu cấp mình quản lý gửi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

### 2.2.2. Tập trung các nguồn thu ngân sách:

- Theo Luật Ngân sách Nhà nước, chỉ có cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các cơ quan khác được Bộ Tài chính giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước (gọi chung là các cơ quan thu) mới được tổ chức thu ngân sách Nhà nước.

### Cơ quan thuế- Hải Quan:

- **Lập kế hoạch thu:** căn cứ nhiệm vụ thu cả năm được giao, nhiệm vụ thu hàng quý do cơ quan thu cấp trên thông báo, số kê khai thuế và dự kiến các khoản phải nộp NSNN, cơ quan thu (nơi trực tiếp quản lý người nộp thuế) **lập kế hoạch thu thuộc phạm vi quản lý, chi tiết theo từng địa bàn, loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh...**, thời hạn nộp, phân loại theo hình thức nộp tại cơ quan thu hoặc nộp trực tiếp vào KBNN (hoặc qua ngân hàng).
- Định kỳ hàng quý, cơ quan thu lập kế hoạch thu quý (có chia ra tháng), gửi KBNN đồng cấp để lập kế hoạch phối hợp tổ chức thu ngân sách. Thời gian gửi kế hoạch thu hàng quý do các cơ quan thu và KBNN thống nhất quy định tùy theo điều kiện cụ thể tại từng địa bàn;

### - Tổ chức thu, nộp:

- **Căn cứ vào tờ khai thuế do người nộp thuế lập**, cơ quan thu kiểm tra, xác định số thuế phải nộp NSNN chi tiết theo các yếu tố: tên người nộp, mã số thuế, số nợ thuế của kỳ trước, số tiền thuế phải truy thu, số thuế phát sinh phải nộp trong kỳ, số tiền phạt (nếu có); tổng số thuế phải nộp, hạn nộp, địa điểm nộp (điểm giao dịch, trụ sở KBNN hoặc cơ quan thu) và mã mục lục NSNN;
- **Theo dõi, quản lý, đôn đốc** người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN. Hướng dẫn việc lập giấy nộp tiền vào NSNN cho người nộp thuế;
- **Phối hợp với KBNN, ngân hàng** đã ký kết thoả thuận về thu ngân sách, thống nhất phân định người nộp thuế đến nộp thuế tại cơ quan thu hoặc nộp thuế trực tiếp vào KBNN (hoặc ngân hàng); bố trí và thông báo lịch thu tại các điểm thu hợp lý, tránh tập trung quá lớn vào một số ngày trong tháng, gây khó khăn trong việc tổ chức thu;



- - **Tổ chức thu, nộp:**

- + Trực tiếp tổ chức thu ngân sách đối với những đối tượng được phân công và nộp đầy đủ, kịp thời vào KBNN theo qui định hiện hành;
- + Quyết định các trường hợp tạm thu, gửi KBNN làm căn cứ hạch toán kế toán; quyết định xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ theo chế độ quy định;
- + Tổ chức kế toán thu, kiểm tra, đối chiếu số liệu thu ngân sách với KBNN. Phối hợp với KBNN và người nộp thuế xác định đúng mục lục NSNN trong trường hợp người nộp ghi sai mục lục NSNN;
- + Kiểm tra và giải quyết các khiếu nại về thu nộp NSNN; quyết định xử phạt các hành vi vi phạm chế độ thu nộp NSNN theo quy định của pháp luật;

- - Tổ chức việc nhận chứng từ thu tại KBNN thường xuyên hàng ngày
- - Kiểm tra hồ sơ đề nghị hoàn trả thuế của người nộp thuế, làm thủ tục hoàn trả các khoản thu cho người được hoàn trả kịp thời theo quy định;
- - Quản trị và đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục phục vụ cho việc trao đổi thông tin. Cập nhật kịp thời thông tin thu NSNN do đơn vị mình quản lý vào cơ sở dữ liệu thu NSNN, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng hệ thống truyền dữ liệu, khai thác, bảo mật thông tin;
- - Cơ quan thu gửi bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký cho KBNN nơi thực hiện hoàn trả để đối chiếu trong lần đầu ra quyết định hoàn thuế tại KBNN đó, trường hợp có thay đổi mẫu dấu, chữ ký thì gửi bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký mới.

- **Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN:**

- - Khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp NSNN theo đúng chế độ; thực hiện đúng quy trình, thủ tục nộp NSNN, lập chứng từ nộp tiền đầy đủ nội dung, theo đúng mẫu và số liên quy định; phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý các vấn đề phát sinh đến khoản nộp NSNN;
- - Có quyền khiếu nại các vấn đề vi phạm chế độ thu nộp NSNN của các cơ quan chức năng;
- - Có quyền đề nghị cơ quan thu làm thủ tục hoàn trả các khoản thu theo quy định

- **Ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản:**

- - Ngân hàng có trách nhiệm lập chứng từ đầy đủ nội dung thông tin do người nộp thuế cung cấp, theo đúng nội dung, mẫu biểu do Bộ Tài chính quy định; trích tiền trên tài khoản theo yêu cầu của người nộp thuế để chuyển tiền vào tài khoản của KBNN để nộp NSNN và gửi chứng từ cho KBNN ngay trong ngày làm việc, hoặc chậm nhất vào đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo;
- - Thực hiện trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế theo lệnh thu của cơ quan thu để nộp NSNN (hoặc nộp vào tài khoản tạm thu, tạm giữ của cơ quan thu đối với các khoản được phép hạch toán vào tài khoản tạm thu, tạm giữ trước khi nộp NSNN) theo quy định Luật Quản lý thuế

- **Ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản:**

- - Tổ chức hướng dẫn người nộp, thực hiện thu tiền từ người nộp thuế thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào tài khoản của KBNN; tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cho người nộp thuế nộp tiền vào tài khoản của KBNN thuận tiện, nhanh chóng theo thoả thuận giữa hệ thống KBNN và ngân hàng;
- - Phối hợp với người nộp và các cơ quan liên quan xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến khoản thu, nộp. Ngân hàng chủ động tổ chức việc thu thuế qua ATM và được thu phí cung cấp dịch vụ theo quy định hiện hành.

- **Kho bạc Nhà nước:**

- - Tổ chức thu ngân sách:
- + Trên cơ sở kế hoạch thu ngân sách hàng quý, năm, lịch thu do cơ quan thu gửi đến, KBNN tổ chức các điểm thu, bảo đảm thu nhanh, an toàn các khoản thu NSNN, thuận tiện cho người nộp thuế. Thực hiện in và quản lý chứng từ thu qua KBNN theo đúng quy định;
- + Tập trung các khoản thu NSNN và phân chia các khoản thu theo đúng tỷ lệ phần trăm (%) đối với từng khoản thu cho ngân sách các cấp theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; -
- + Phối hợp đối chiếu số liệu thu NSNN với các cơ quan thu bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời;
- + Hàng ngày, KBNN tập hợp các liên chứng từ thu NSNN (tiền mặt và chuyển khoản) và lập bảng kê chứng từ thu phân theo cơ quan thu, gửi cho cơ quan thu liên quan để đối chiếu, theo dõi, quản lý; truyền dữ liệu về thu NSNN vào cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế theo quy định;

### - Tổ chức thu ngân sách

- + Định kỳ theo chế độ, KBNN báo cáo kế toán thu NSNN, tổng hợp kết quả thu NSNN trên địa bàn gửi KBNN cấp trên và cơ quan thu đồng cấp;
- + Trường hợp phát hiện chứng từ thu NSNN chưa chính xác (về người nộp thuế, mục lục NSNN...), KBNN thực hiện tạm thu ngân sách (theo mục lục NSNN chưa đưa vào cân đối ngân sách), đồng thời, thông báo cho cơ quan thu để xử lý; khi có xác nhận của cơ quan thu, KBNN chuyển từ mục tạm thu vào thu NSNN;
- + KBNN nơi người nộp thuế mở tài khoản có trách nhiệm trích tài khoản tiền gửi của người nộp thuế theo lệnh thu của cơ quan thu để nộp NSNN theo quy định Luật Quản lý thuế
- + Xác nhận số liệu thu ngân sách theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc của người nộp thuế (khi có yêu cầu của cơ quan thu);

- Thực hiện hoàn trả các khoản thu NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- KBNN phối hợp xây dựng hệ thống truyền dữ liệu đảm bảo tính bảo mật và an toàn để sử dụng dữ liệu điện tử thay cho báo cáo bằng giấy. Phối hợp với cơ quan tài chính đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục phục vụ cho việc trao đổi thông tin.

### Cơ quan tài chính:

Cơ quan tài chính tham gia quy trình hiện đại hóa thu NSNN là Sở Tài chính, Phòng Tài chính và cơ quan tài chính cấp xã. Các cơ quan này có trách nhiệm:

- Phối hợp với cơ quan thu, KBNN trong việc thu và quản lý các khoản thu NSNN; đôn đốc các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu NSNN vào KBNN;
- Phối hợp với KBNN đảm bảo hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng mục lục NSNN và tỷ lệ phân chia cho ngân sách các cấp; rà soát, đối chiếu các khoản thu ngân sách do cơ quan tài chính trực tiếp quản lý;
- Thẩm định báo cáo quyết toán thu NSNN của ngân sách cấp dưới; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán thu NSNN thuộc phạm vi quản lý theo chế độ quy định;

*Thực hiện chi trả, cấp phát cho các đối tượng, tiến hành kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước:*

Chi ngân sách Nhà nước không phải là những hành vi riêng lẻ, độc lập mà là hành vi sử dụng vốn qua một quy trình từ phân phối cho đến khi sử dụng.

Do nhu cầu quản lý kinh tế ngày càng cao, đòi hỏi hoạt động chi ngân sách Nhà nước phải được thực hiện thông qua nhiều cơ quan khác nhau.

**Dựa trên quyết định phân bổ của Chính phủ**, Ủy ban nhân dân các cấp theo phương án phân bổ của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân, gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp và kho bạc nơi giao dịch kế hoạch tài chính của mình. Các cơ quan tài chính lập kế hoạch bố trí đều kinh phí trong năm để chi và quản lý, theo dõi đối với các khoản chi thường xuyên và có kế hoạch chi chủ động đối với những khoản chi đầu tư.

**Kho bạc Nhà nước các cấp dựa vào hạn mức chi do cơ quan tài chính thông báo** và lệnh chuyển chi của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng. Tất cả các khoản chi ngân sách đều được thực hiện trực tiếp tại Kho bạc cho bên thụ hưởng và phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về chi ngân sách Nhà nước.

### 3. Chế độ pháp lý điều chỉnh hoạt động quản lý quỹ NSNN

#### 3.1 Cơ quan thẩm quyền quản lý quỹ NSNN

- Kho bạc Nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý Nhà nước về quỹ ngân sách Nhà nước, các quỹ tài chính Nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước được giao quản lý; quản lý ngân quỹ; tổng kế toán Nhà nước; thực hiện việc huy động vốn cho ngân sách Nhà nước và cho đầu tư phát triển thông qua hình thức phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.
- Kho bạc Nhà nước được tổ chức thành hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương theo đơn vị hành chính, bảo đảm nguyên tắc tập trung, thống nhất

### • 2.2. Tổ chức bộ máy KBNN

- Tổng giám đốc là người đứng đầu Kho bạc Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Kho bạc Nhà nước. Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.
- Kho bạc Nhà nước có Tổng giám đốc và không quá 03 Phó Tổng giám đốc.
- Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc KBNN do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo quy định của pháp luật

- Cơ quan Kho bạc Nhà nước ở Trung ương:
  - Vụ Tổng hợp - Pháp chế;
  - Vụ Kiểm soát chi ngân sách Nhà nước;
  - Vụ Huy động vốn;
  - d. Vụ Kế toán Nhà nước;
  - đ. Vụ Kho quỹ;
  - e. Vụ Hợp tác quốc tế;
  - g. Vụ Tổ chức cán bộ;
  - h. Vụ Tài vụ - Quản trị;
  - i. Văn phòng;
  - k. Thanh tra;
  - l. Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước;
  - m. Cục Công nghệ thông tin;
  - n. Trường nghiệp vụ Kho bạc;
  - o. Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia.

- Cơ quan Kho bạc Nhà nước ở địa phương:
  - Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh) trực thuộc Kho bạc Nhà nước;
  - Kho bạc Nhà nước ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Kho bạc Nhà nước cấp huyện) trực thuộc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh.
  - Kho bạc Nhà nước được tổ chức điểm giao dịch tại các địa bàn có khối lượng giao dịch lớn theo quy định của Bộ Tài chính.
  - Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

### Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước và các quỹ khác được giao theo quy định của pháp luật

- Tập trung và phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện việc thu nộp vào quỹ ngân sách nhà nước các khoản tiền do các tổ chức và cá nhân nộp tại hệ thống Kho bạc Nhà nước; thực hiện hạch toán số thu ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi của ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác được giao theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý quỹ ngoại tệ tập trung của ngân sách nhà nước, định kỳ công bố tỷ giá hạch toán phục vụ cho việc hạch toán các khoản thu chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ;

d) Quản lý, kiểm soát và thực hiện nhập, xuất các quỹ tài chính nhà nước và các quỹ khác do Kho bạc Nhà nước quản lý; quản lý các khoản tạm thu, tạm giữ, tịch thu, ký cược, ký quỹ, thế chấp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Quản lý tài sản quốc gia quý hiếm được giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quản lý tiền, tài sản, các loại chứng chỉ có giá của Nhà nước và của các đơn vị, cá nhân gửi tại Kho bạc Nhà nước.

- Tổ chức hạch toán kế toán ngân sách nhà nước, các quỹ và tài sản của Nhà nước được giao quản lý, các khoản vay nợ, viện trợ, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật; báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước liên quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Tổ chức quản lý, điều hành ngân quỹ kho bạc nhà nước tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống:

- a) Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản tiền gửi và thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản đối với tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch với Kho bạc Nhà nước;
- b) Mở tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản thanh toán tại ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại để thực hiện các nghiệp vụ thu, chi, thanh toán của Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- c) Được sử dụng ngân quỹ kho bạc nhà nước để tạm ứng cho ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- d) Xây dựng và phát triển hệ thống các công cụ, nghiệp vụ quản lý hiện đại theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và hiệu quả ngân quỹ kho bạc nhà nước

Tổ chức huy động vốn cho ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển thông qua việc phát hành trái phiếu Chính phủ.

## XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI VI

#### PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NSNN

1. **Khái niệm và đặc điểm của vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước**
- Vi phạm pháp luật nói chung, được hiểu là hành vi làm trái các quy định của pháp luật, do một chủ thể thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý và do đó phải chịu chế tài của pháp luật
- Vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước có thể định nghĩa là hành vi làm trái các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, do chủ thể pháp luật là tổ chức, cá nhân thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, gây phương hại đến trật tự công cộng và do đó phải gánh chịu các chế tài tương ứng theo quy định của pháp luật.

Dưới góc độ pháp lý (nguyên lý của pháp luật), vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước là hệ quả không mong muốn đồng thời là hệ quả bất lợi của quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật về ngân sách nhà nước.

Dưới góc độ xã hội học, vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước là xu hướng khó tránh khỏi, bởi lẽ việc thực thi pháp luật về ngân sách nhà nước thường dính dáng ít nhiều đến những quyền lợi thiết thân của các chủ thể pháp luật như người nộp thuế, người thu thuế, người sử dụng kinh phí Nhà nước cấp từ ngân sách nhà nước, người có thẩm quyền trong việc cấp phát kinh phí ngân sách nhà nước và kiểm soát sự thi hành hay sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Do sự thúc đẩy của những động cơ cá nhân và vì mục đích vụ lợi, các chủ thể pháp luật này có thể thực hiện những hành vi trái với thể chế pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước, mặc dù họ biết hoặc buộc phải biết rằng những hành vi đó là bất hợp pháp và có thể phải bị truy cứu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

#### Những dấu hiệu (đặc điểm) vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước bản sau đây:

**Thứ nhất**, chủ thể của hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước là các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước, các tổ chức và cá nhân có quyền hay nghĩa vụ pháp lý phải thực hiện trong quá trình lập, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước và thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước. Các chủ thể này thường vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước trong khi thực hiện các quyền hay những nghĩa vụ pháp lý của mình theo quy định của pháp luật, tuy rằng trên thực tế mức độ vi phạm của mỗi chủ thể có thể khác nhau và do đó các chế tài áp dụng cũng sẽ khác nhau.

**Thứ hai**, về mặt khách thể, hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước xâm hại đến các lợi ích chung và trật tự công cộng, cụ thể là vi phạm các quy tắc trong thể chế tài chính công do Nhà nước thiết lập.

Nói như vậy có nghĩa là, nếu một hành vi nào đó tuy có tính trái pháp luật nhưng chỉ xâm hại đến các lợi ích riêng tư của một tổ chức hay cá nhân chứ không phải hoặc không liên quan gì lợi ích chung của Nhà nước và xã hội thì không phải là hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước.

**Thứ 3**, về phương diện khách quan, hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước là hành vi có tính trái pháp luật. Danh từ "pháp luật" ở đây được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, cấu thành nên các chế định cụ thể như chế định về lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; chế định phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; chế định thu nộp ngân sách nhà nước; chế định chi tiêu ngân sách nhà nước...

**Thứ 4**, về phương diện chủ quan, hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước được thực hiện với một lỗi xác định (cố ý hoặc vô ý) của chủ thể thực hiện hành vi. Lỗi này có thể xác định được thông qua việc đánh giá mối quan hệ giữa khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của chủ thể thực hiện hành vi đối với hậu quả đã xảy ra cho xã hội bởi hành vi đó.

Tóm lại, về bản chất có thể nhận thấy vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước nói riêng vừa phản ánh động thái tâm lý của người vi phạm theo xu hướng chống lại lợi ích chung vừa thể hiện những hành vi không phù hợp với trật tự xã hội hiện tại và do đó không được pháp luật thừa nhận và bảo hộ.

### . Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước.
2. Thu sai quy định của các luật thuế và quy định khác của pháp luật về thu ngân sách; phân chia sai quy định nguồn thu giữa ngân sách các cấp; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ; tự đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.
3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật NSNN 2015; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật.

### . Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

4. Quyết định đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách không đúng thẩm quyền, không xác định rõ nguồn vốn để thực hiện.
5. Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật; vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách.
6. Sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật.
7. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật.

### . Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

8. Hạch toán sai chế độ kế toán nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước.
9. Lập, trình dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định.
10. Phê chuẩn, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước sai quy định của pháp luật
11. Xuất quỹ ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước mà khoản chi đó không có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách và ứng trước dự toán ngân sách năm sau quy định tại Điều 51 và Điều 57 của Luật NSNN2015.
12. Các hành vi bị cấm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước theo quy định của các luật có liên quan.

### 2. Phân loại vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

- *2.1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước*
- **Thứ nhất**, đối tượng tác động của những hành vi vi phạm hành chính về ngân sách nhà nước chính là các quy phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực NSNN.
- Ví dụ: hành vi vi phạm các nghĩa vụ pháp lý của người nộp thuế; hành vi vi phạm thủ tục cấp phát kinh phí ngân sách nhà nước của các cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền cấp phát kinh phí ngân sách nhà nước; hành vi sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước sai nguyên tắc tài chính của đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

#### 2.1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

- Các hành vi vi phạm này đều có một điểm chung là chúng tác động đến trật tự pháp luật hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước đã được thiết lập bởi Nhà nước.
- Vì thế, muốn khẳng định một hành vi nào đó có phải là vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước hay không, nhất thiết phải chứng minh rằng hành vi đó đã tác động trực tiếp đến đối tượng là các quy định pháp luật hành chính về ngân sách nhà nước, do đó xâm hại trực tiếp đến khách thể là các lợi ích chung đang được bảo vệ bởi các quy phạm pháp luật hành chính về NSNN

#### 2.1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

**Thứ hai**, đối với vi phạm hành chính về ngân sách nhà nước, thủ tục xử lý vi phạm là một quy trình hành chính và tuân theo các quy tắc của luật hành chính chứ không phải là một thủ tục tư pháp (giống như việc xử lý vi phạm hình sự về ngân sách nhà nước).

Tuy nhiên, trong thực tiễn nguyên tắc này không phải là không có ngoại lệ và cơ sở tồn tại của những trường hợp ngoại lệ này là xuất phát từ quan điểm cho rằng các vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước thường xâm hại đến những lợi ích có tầm quan trọng đặc biệt (liên quan đến nền tài chính quốc gia và sự tồn vong của quốc gia) nên cần phải được giải quyết theo một trình tự đặc biệt tại một cơ quan nhà nước đặc biệt.



- Trong pháp luật thực định ở Việt Nam, **nhà làm luật chỉ liệt kê các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước nói chung chứ không quy định theo hướng phân biệt rõ hành vi nào thuộc loại vi phạm hành chính và hành vi nào thuộc loại vi phạm hình sự hay vi phạm khác về ngân sách nhà nước.**
- Điều này sẽ **gây khó khăn đáng kể cho việc áp dụng pháp luật khi xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước** và do đó có thể làm chậm lại quá trình giải quyết các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

## 2.2. Vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

- Về phương diện lý thuyết, vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước có những đặc trưng cơ bản sau đây để phân biệt với các loại hình vi phạm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước:
  - **Một là**, chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước chính là các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia vào các hoạt động tài chính công như hoạt động lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; hoạt động quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước; hoạt động thu nộp ngân sách nhà nước và hoạt động chi tiêu ngân sách nhà nước.
  - Trong thực tế, tuy người thực hiện các hành vi phạm tội trong lĩnh vực ngân sách nhà nước có thể bao gồm cả **tổ chức và cá nhân nhưng theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, các tổ chức không được coi là chủ thể của tội phạm** và do đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

## 2.2 Vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

- Quy định này tỏ ra không phù hợp với thực tế đời sống xã hội đương đại, khi mà hầu hết các nước trên thế giới đều thừa nhận các pháp nhân (tổ chức) là chủ thể của tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.
- Đặc biệt, trong lĩnh vực tài chính công thì vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tổ chức là pháp nhân lại càng trở nên quan trọng và cấp bách hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, bởi lẽ những vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này chủ yếu là do các tổ chức thực hiện (ví dụ, tổ chức là người nộp thuế hay nộp các khoản tiền khác cho ngân sách nhà nước; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý tài chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, các tổ chức là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước...).

## 2.2 Vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

*Hai là*, đối tượng tác động của hành vi vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước chính là những quy định của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân sách nhà nước hay tội phạm về chức vụ.

Những quy định này có nhiệm vụ bảo vệ sự an toàn cho các lợi ích phát sinh từ những quan hệ tài chính công trong hoạt động ngân sách nhà nước. Chính vì vậy, muốn nhận biết một hành vi vi phạm nào đó có phải là vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước hay không, cần phải xác định rõ đối tượng tác động của hành vi vi phạm đó là những quy phạm pháp luật của lĩnh vực pháp luật nào.

Ngoài phạm vi tác động là các quy định của pháp luật hình sự, những hành vi vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước còn tác động đến những quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước. Lĩnh vực pháp luật này có nội dung cơ bản là thừa nhận và bảo đảm thực hiện các nguyên tắc cơ bản của nền tài chính công hiện đại

## 2.2 Vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

*Ba là*, trách nhiệm pháp lý áp dụng cho các hành vi vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước chỉ có thể là trách nhiệm hình sự mà biểu hiện cụ thể của trách nhiệm hình sự chính là việc áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội.

Tuy nhiên, do đặc thù của các hành vi vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước là thường gây ra các thiệt hại về vật chất cho Nhà nước và xã hội nên việc áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội trong lĩnh vực ngân sách nhà nước cũng thường có thiên hướng sử dụng các chế tài vật chất, ví dụ hình phạt tiền.

Đặc biệt, ở các nước có thừa nhận pháp nhân là chủ thể của tội phạm thì hình phạt tiền, cùng với hình phạt buộc giải thể hoặc phá sản đối với pháp nhân phạm tội, thường được áp dụng như những hình phạt thích hợp nhất cho người phạm tội là pháp nhân (tổ chức).

## 2.2 Vi phạm hình sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

- Thực tiễn cho thấy các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước diễn ra rất đa dạng, tinh vi, phức tạp và đôi khi, việc phân biệt đâu là vi phạm hành chính hay vi phạm hình sự để áp dụng chế tài xử lý cho thích hợp trở nên rất khó khăn. Vì lẽ đó, việc đi tìm ranh giới thực sự giữa vi phạm hình sự với vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng

### 2.3. Vi phạm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

Trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, ngoài hai loại vi phạm điển hình là vi phạm hành chính và vi phạm hình sự thì các vi phạm khác cũng có thể phát sinh, chẳng hạn như **vi phạm pháp luật dân sự hoặc vi phạm kỷ luật**.

Vi phạm pháp luật dân sự trong lĩnh vực ngân sách nhà nước được hiểu là những **hành vi trái pháp luật dân sự, do tổ chức, cá nhân (hoặc cơ quan nhà nước) thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý nhằm gây thiệt hại về vật chất, tài sản cho Nhà nước** (hoặc tổ chức, cá nhân) trong quá trình tham gia vào hoạt động ngân sách nhà nước và do đó phải chịu trách nhiệm dân sự về hành vi của mình (trách nhiệm bồi thường thiệt hại).

Ví dụ: Nhà nước phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại vật chất đã xảy ra cho người sở hữu trái phiếu Chính phủ do hành vi vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi trái phiếu đúng kỳ hạn cho người sở hữu như đã thỏa thuận trong quan hệ phát hành trái phiếu Chính phủ hoặc người nộp thuế là tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước (người thu thuế) về những thiệt hại vật chất thực tế đã xảy ra cho Nhà nước do hành vi vi phạm nghĩa vụ nộp thuế của mình.

### 2.3. Vi phạm khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

- Vi phạm kỷ luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước được hiểu là **hành vi vi phạm quy chế công chức**, do cá nhân công chức thực hiện trong khi thi hành công vụ trong hoạt động ngân sách nhà nước và do đó phải chịu trách nhiệm kỷ luật theo quyết định xử lý kỷ luật của người có thẩm quyền trong hoạt động quản lý công chức.
- Ví dụ điển hình cho hình thức vi phạm này là trường hợp **công chức cơ quan thuế, hải quan vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan hay các quy định của ngành về quyền, nghĩa vụ của công chức trong khi thi hành công vụ**.
- Do có hành vi vi phạm này, công chức sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý công chức.

Tóm lại, có thể nhận thấy rằng sự phân tích trên đây về các loại vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước chủ yếu mang màu sắc lý luận. **Sự phân loại này có thể sẽ hữu ích ít nhiều cho quá trình xây dựng pháp luật cũng như áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước**. Trong hoạt động thực tiễn xử lý các vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước, những người trong cuộc thường chỉ **quan tâm trước hết đến các quy định cụ thể của pháp luật về vấn đề này như thế nào chứ ít khi quan tâm đến khía cạnh lý luận về các vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước ra sao**.

Việc ưu tiên áp dụng các quy định pháp luật thực tại để giải quyết những vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước nói riêng đã trở thành một nguyên tắc bất thành văn trong hoạt động hành pháp ở nhiều nước trên thế giới.

Các quan điểm luật học dường như chỉ đóng vai trò thứ yếu so với pháp luật thực định trong quá trình áp dụng pháp luật và có lẽ nó chỉ được những người hành pháp quan tâm, tham chiếu đến khi pháp luật thực định đã tỏ ra bất lực trong việc điều chỉnh một cách hiệu quả các vấn đề thực tiễn.

Trong pháp luật thực định Việt Nam về lĩnh vực ngân sách nhà nước, nhà làm luật chủ trương quy định theo hướng **liệt kê các hành vi cụ thể được coi hành vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước chứ không tìm cách phân loại hành vi nào là vi phạm hành chính, vi phạm hình sự hay vi phạm khác về ngân sách nhà nước**.

Có lẽ, cách làm này chỉ **tạo ra sự dễ dàng và đơn giản cho người làm luật nhưng mặt khác, nó sẽ gây ra sự phức tạp, rắc rối và khó khăn đáng kể cho những người nghiên cứu pháp luật cũng như cho các cơ quan công quyền** và các chủ thể khác có liên quan trong quá trình áp dụng pháp luật để xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

### 3. Các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước

Theo quy định của pháp luật hiện hành, các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước bao gồm:

- **Không kê khai** hoặc kê khai sai doanh thu, thu nhập, chi phí, giá và các căn cứ tính các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; trì hoãn, nộp không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp được phép chậm nộp do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Trên thực tế, những hành vi này thường phát sinh trong hoạt động thu nộp ngân sách nhà nước và chúng được thực hiện bởi chủ thể hành vi là những người có nghĩa vụ phải nộp các khoản tiền vào ngân sách nhà nước như tiền thuế, lệ phí, phí hay các khoản tiền phạt và tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước... Đối với loại hành vi này, tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm mà người thực hiện hành vi có thể bị xử lý hành chính, xử lý hình sự, xử lý kỷ luật hoặc buộc phải bồi thường thiệt hại xảy ra cho Nhà nước.

### 3. Các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước

- **Cho miễn, giảm** và cho phép chậm nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước sai thẩm quyền, trái nội dung quy định; giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước sai chế độ, sử dụng các nguồn thu được để lại để chi không đúng mục đích, vượt tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định.

Về nguyên tắc, loại hành vi này chỉ có thể được thực hiện bởi các cơ quan công quyền hoặc nhân viên công quyền trong khi thi hành các công vụ được giao, chẳng hạn như cơ quan và công chức ngành thuế, hải quan, công chứng nhà nước, các cơ quan nhà nước khác và công chức khác có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với người vi phạm hành chính...

Hành vi này thường được thực hiện với **lỗi cố ý, nhằm xâm hại đến lợi ích chung của Nhà nước và xã hội** nên tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà người thực hiện chúng có thể bị truy cứu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm kỷ luật theo quy định của pháp luật.

**- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc chiếm dụng nguồn thu ngân sách nhà nước.**

Đây là hành vi thuộc loại tham nhũng, được thực hiện bởi chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý thu nộp ngân sách nhà nước nhằm mục đích tư lợi. Những người thực hiện loại hành vi này thường là công chức có thẩm quyền trong ngành thuế, hải quan, kho bạc nhà nước hoặc công chức ngành tài chính có liên quan đến hoạt động tài chính ngân sách nhà nước.

**- Thực hiện phân chia sai nguồn thu giữa các cấp ngân sách nhà nước.**

Về nguyên tắc, hành vi này chỉ có thể được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước và công chức có thẩm quyền phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách nhà nước. Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các cơ quan này bao gồm Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp. Do mỗi cơ quan này đều được phân cấp quản lý nguồn thu ngân sách nhà nước ở những mức độ khác nhau nên tính chất và mức độ vi phạm cũng khác nhau, tùy thuộc vào nội dung phân cấp cho từng loại cơ quan này như thế nào theo quy định của pháp luật.

**- Thu sai quy định của pháp luật.**

- Loại hành vi này được thực hiện bởi chủ thể đặc thù là các cơ quan có chức năng thu ngân sách nhà nước hoặc người có thẩm quyền của các cơ quan đó.
- Bằng chứng của việc thực hiện hành vi này chính là các quyết định hành chính về thu ngân sách nhà nước sai quy định, chẳng hạn như quyết định thu thuế, truy thu thuế; quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bằng hình thức phạt tiền) đối với tổ chức, cá nhân; quyết định trưng thu và tịch thu tài sản; quyết định buộc bồi thường thiệt hại cho Nhà nước...
- Đôi khi, hành vi này cũng có thể được thực hiện bởi một nhân viên quản lý công ngân như kế toán hay thủ quỹ kho bạc nhà nước.

**- Chi sai chế độ, không đúng mục đích, không đúng dự toán ngân sách nhà nước được giao.**

Về nguyên tắc, loại hành vi này cũng được thực hiện bởi những chủ thể đặc thù là các cơ quan nhà nước và công chức nhà nước có thẩm quyền trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước, ví dụ như cơ quan và công chức có thẩm quyền ngành tài chính (Bộ tài chính, sở tài chính, phòng tài chính...), kho bạc nhà nước; các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp (đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)...

Bằng chứng cho việc thực hiện những hành vi này thường là các quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính sai chế độ, nguyên tắc về chi ngân sách nhà nước của các chủ thể có thẩm quyền. Tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm kỷ luật theo quy định của pháp luật.

**- Duyệt quyết toán sai quy định của pháp luật.**

Duyệt quyết toán là hành vi mang tính chất quản lý của các chủ thể có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Pháp chế ngân sách nhà nước hiện hành tại Việt Nam trao thẩm quyền duyệt quyết toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp trên có thẩm quyền duyệt quyết toán ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán cấp dưới.

Để chứng minh một hành vi duyệt quyết toán sai quy định của pháp luật, người ta phải dẫn chứng rằng chủ thể của hành vi đã thực hiện việc quyết toán ngân sách nhà nước sai thẩm quyền hoặc tuy đúng thẩm quyền nhưng sai thủ tục pháp lý do pháp luật quy định.

**- Duyệt quyết toán sai quy định của pháp luật.**

Đối với loại hành vi này, việc lựa chọn biện pháp xử lý thường gặp phải nhiều khó khăn do việc định tính và định lượng về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đôi khi không được chính xác.

Hơn nữa, hành vi duyệt quyết toán ngân sách nhà nước của cấp dưới thường do người đứng đầu đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp trên thực hiện với tư cách là người đại diện hợp pháp của tổ chức này, do vậy, việc áp dụng các chế tài xử lý vi phạm đối với hành vi duyệt quyết toán cũng phải tính đến sự phân hoá trách nhiệm pháp lý giữa tổ chức vi phạm là đơn vị dự toán với người đứng đầu tổ chức đó.

### **3. Các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước**

- **- Hạch toán sai chế độ kế toán của Nhà nước và Mục lục ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.**
- Hạch toán kế toán là trách nhiệm công vụ của các cơ quan công quyền có chức năng quản lý quỹ ngân sách nhà nước (ví dụ: kho bạc nhà nước) đồng thời cũng là nghĩa vụ pháp lý của các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cũng như của các tổ chức, cá nhân có bổn phận đóng góp tiền thuế cho ngân sách nhà nước. Các tiêu chí pháp lý để xác định hành vi vi phạm này và xác định loại trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với nó vẫn là những yếu tố truyền thống như chủ thể, khách thể, mặt khách quan và mặt chủ quan.

### 3. Các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước

- Tổ chức, cá nhân được phép tự kê khai, tự nộp thuế mà kê khai sai, nộp sai chế độ quy định gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Về nguyên tắc, việc kê khai thuế đúng luật và nộp thuế đúng luật luôn là nghĩa vụ pháp lý của người nộp thuế, bất luận đó là trường hợp người nộp thuế được tự kê khai, tự nộp thuế hay không theo quy định của Nhà nước.

Việc người nộp thuế có hành vi khai man tiền thuế hoặc nộp thuế sai quy định của pháp luật có thể phải chịu các loại chế tài thích hợp như chế tài hành chính, chế tài hình sự hoặc chế tài dân sự, tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm.

- Quản lý hoá đơn, chứng từ sai chế độ; mua bán, sửa chữa, làm giả hoá đơn và chứng từ thanh toán; sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp.

Trên thực tế, mỗi hành vi này có thể được thực hiện bởi những chủ thể khác nhau. Chẳng hạn, đối với hành vi quản lý hoá đơn, chứng từ sai chế độ thì người vi phạm chỉ có thể là các cơ quan nhà nước và công chức nhà nước có thẩm quyền quản lý hoá đơn, chứng từ như các cơ quan tài chính, cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước và các cơ quan hành chính nhà nước khác có liên quan.

Còn đối với hành vi mua bán, sửa chữa, làm giả hoá đơn và chứng từ thanh toán hay sử dụng hoá đơn chứng từ không hợp pháp thì người thực hiện cũng chính là các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoá đơn chứng từ, ví dụ: các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hộ gia đình và cá nhân kinh doanh... về nguyên tắc, chủ thể thực hiện những hành vi này có thể phải gánh chịu các loại chế tài tương ứng như chế tài hành chính, chế tài hình sự và chế tài kỷ luật... tùy theo tính chất và mức độ nặng, nhẹ của hành vi vi phạm.

- Trì hoãn việc chi ngân sách nhà nước khi đã bảo đảm có đủ các điều kiện chi theo quy định của pháp luật; quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định.

Thực chất, đây là hai hành vi khác nhau do hai nhóm chủ thể khác nhau thực hiện.

Đối với hành vi trì hoãn việc chi ngân sách nhà nước khi đã bảo đảm có đủ các điều kiện chi theo quy định của pháp luật, hành vi này chỉ có thể được thực hiện bởi một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chi ngân sách nhà nước, cụ thể là cơ quan tài chính các cấp<sup>(1)</sup> và kho bạc nhà nước các cấp.<sup>(2)</sup> Khi xử lý đối với những hành vi này, cần phân hoá rõ trách nhiệm pháp lý giữa cơ quan, tổ chức vi phạm với người đứng đầu cơ quan, tổ chức vi phạm để bảo đảm tính công bằng, khách quan và hợp lý trong quá trình xử lý vi phạm.

Đối với hành vi quyết toán ngân sách nhà nước chậm so với thời hạn quy định, về nguyên tắc, hành vi này được thực hiện bởi các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước.

Trên nguyên tắc việc quyết toán ngân sách nhà nước chậm trước hết thuộc về trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, đôi khi cũng có thể là do lỗi của người phụ trách công tác tài chính, kế toán của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, do vậy, khi tiến hành xử lý vi phạm đối với hành vi này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm cũng cần chú ý tới việc phân hoá trách nhiệm pháp lý giữa người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước với người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để bảo đảm tính công bằng, khách quan trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước

- Các hành vi khác trái với quy định của Luật ngân sách nhà nước và những văn bản quy phạm pháp luật khác trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Đây là quy định có tính chất “mở” nhằm bao quát hết những trường hợp vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước nhưng không thuộc về những loại hành vi vi phạm đã liệt kê ở trên. Cách quy định như vậy tuy bảo đảm tính chặt chẽ và bao quát, toàn diện của pháp luật nhưng mặt hạn chế của nó là nội dung của quy định thường chung chung, thiếu tính cụ thể, rõ ràng nên có thể sẽ gây ra những khó khăn nhất định cho quá trình áp dụng pháp luật để xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

### III. CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- 1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước
- Trong danh từ tiếng Việt, “xử lý” được giải nghĩa là việc xử trí và chỉnh lý. Còn theo Từ điển Hán - Việt của Giáo sư Nguyễn Lân thì “xử lý” được giải nghĩa là việc áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với một hành vi phạm pháp. Nếu quy nạp từ hai cách giải nghĩa này, từ góc độ pháp lý, có thể định nghĩa “xử lý” chính là việc một chủ thể dùng lý trí để phân xét một hành vi và áp dụng các biện pháp thích hợp để chỉnh lý đối với hành vi đó cho hợp với lẽ phải hay lẽ công bằng.



### 1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

Trong lĩnh vực luật học, khái niệm “xử lý” thường được nhắc đến trong cụm từ “xử lý vi phạm pháp luật” - với tính cách là một khái niệm pháp lý và trên thực tế khái niệm này đã gây ra khá nhiều tranh luận trong giới luật học. Sự tranh luận này chủ yếu xoay quanh các vấn đề cơ bản như: **chủ thể của hành vi xử lý vi phạm pháp luật là ai** (chỉ là Nhà nước hay còn bao gồm cả các chủ thể khác không phải là Nhà nước); **khách thể của hành vi xử lý vi phạm pháp luật là lợi ích nào** (lợi ích công hay lợi ích tư); **đối tượng tác động của việc xử lý vi phạm pháp luật là hành vi phạm pháp hay chính bản thân người phạm pháp**; **các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật có thể áp dụng đối với người vi phạm là những biện pháp nào?** v.v..

### 1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

- Trong thực tiễn pháp lý, vấn đề xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước đã từng được biết đến như là việc Nhà nước áp dụng các chế tài (trách nhiệm pháp lý) đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, nhằm mục đích trừng phạt đối với người vi phạm và tìm cách khắc phục các hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi phạm pháp của người đó gây ra.
- Như vậy, trong khái niệm “xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước”, có thể đề cập ba khía cạnh:

**Thứ nhất**, chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước **chỉ có thể là Nhà nước**, với tư cách là **chủ thể quản lý xã hội bằng pháp luật** đồng thời là chủ thể có bốn phận giữ cho kỷ cương, phép nước được tôn trọng. Nói như vậy có nghĩa rằng việc xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, thực chất là hoạt động mang tính chất quản lý của Nhà nước đối với xã hội bằng pháp luật, chứ không phải là hành vi mang tính chất “tự vệ” thông thường như một tổ chức, cá nhân vẫn làm và có thể làm trước hành vi xâm hại của người khác đối với quyền lợi của mình.

Tính chất quản lý được đề cập trong đoạn này không nên hiểu hoàn toàn đồng nghĩa với cụm từ “quản lý hành chính nhà nước” mà cần được hiểu theo nghĩa rộng hơn, theo đó việc xử lý bằng biện pháp hành chính chỉ có thể được xem là một trong số các biện pháp chủ yếu để giúp **Nhà nước quản lý bằng pháp luật đối với lĩnh vực tài chính công hay lĩnh vực ngân sách nhà nước**.

### 1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

- **Thứ hai**, về phương diện khách thể, việc xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước nhằm hướng tới mục tiêu bảo vệ lợi ích chung hay trật tự công cộng, sở dĩ có thể coi khách thể chủ yếu của việc xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước chính là lợi ích chung và trật tự công cộng, bởi vì, pháp luật về ngân sách nhà nước được tạo ra là để làm khuôn khổ pháp lý an toàn và đầy đủ cho nền tài chính công ở mỗi quốc gia, hơn thế nữa, nó còn là công cụ hữu hiệu nhất được bảo vệ cho nền tài chính công khỏi bị ảnh hưởng bất lợi bởi những hành vi xâm hại của các chủ thể khác.

### 1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

- **Thứ ba**, việc xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước tạo ra các hậu quả pháp lý bất lợi cho chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Các hậu quả pháp lý bất lợi này có thể ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau đối với các quyền và lợi ích cơ bản của người vi phạm (bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản), tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước.

### 2. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

Về nguyên tắc, mọi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước đều phải bị xử lý.

Tuy nhiên, do mỗi hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước có bản chất pháp lý khác nhau hoặc có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nên Nhà nước phải quy định nhiều hình thức xử lý khác nhau đối với các hành vi vi phạm đó. Điều này có tác dụng nhằm bảo đảm tính hợp lý, công bằng, khách quan trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước



Tại Việt Nam, các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước đã được nhà làm luật đưa ra khá cụ thể và được quy định rõ ràng tại Điều 73 Luật ngân sách nhà nước năm 2002: *“Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật*

Trên thực tế, quy định này đã đặt cơ sở pháp lý vững chắc cho việc áp dụng các hình thức xử lý đối với vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Chế tài hình sự;
- Chế tài hành chính;
- Chế tài dân sự;
- Chế tài kỷ luật

### 2.1. Việc áp dụng chế tài hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

Theo Từ điển Hán - Việt, “chế tài” được giải nghĩa là sự sửa sang, cắt xén, giảm bớt cho được vừa phải. Trong lĩnh vực pháp lý, thuật ngữ “chế tài” được sử dụng với hàm ý chỉ sự can thiệp của Nhà nước đối với những hành vi vi phạm trật tự pháp luật, trên cơ sở hạn chế bớt sự tự do cá nhân để nhằm thiết lập một trật tự xã hội công bằng và hợp lý.

Theo nghĩa đó, chế tài hình sự được xem như là biện pháp trừng phạt nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với các chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có những hành vi phạm tội liên quan đến việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Hiển nhiên, việc áp dụng chế tài hình sự trong bất cứ lĩnh vực nào cũng đều thuộc thẩm quyền của toà án và phải được thực hiện theo một trình tự nghiêm ngặt do luật định, gọi là **tổ tụng hình sự**.

Tại Việt Nam các chế tài hình sự chỉ được đặt ra đối với cá nhân vi phạm pháp luật hình sự, mặc dù trên thực tế các hành vi trái pháp luật hình sự không chỉ do cá nhân thực hiện mà còn bao gồm cả các tổ chức. Sự vắng bóng các quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân (tổ chức) trong pháp luật hình sự Việt Nam có thể xem như một “lỗ hổng” cần phải được “khóa lấp” bằng việc bổ sung những quy định này trong chế định trách nhiệm hình sự của pháp luật Việt Nam hiện tại.

Điều này không những nâng cao mức độ hoàn thiện cho pháp luật hình sự Việt Nam mà còn bảo đảm tính tương thích cần thiết với pháp luật hình sự của các nước khác ở trong và ngoài khu vực, khi mà Việt Nam đã chính thức tham gia vào quá trình hội nhập toàn cầu về mọi phương diện, trong đó bao gồm cả sự hội nhập về phương diện pháp luật.

Về nguyên tắc, để áp dụng chế tài hình sự đối với một hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chứng minh rằng hành vi vi phạm đó là tội phạm và tội phạm đó đã được quy định trong Bộ luật hình sự đang có hiệu lực thi hành. Trong số các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước đã được quy định tại Điều 72 Luật ngân sách nhà nước năm 2002, tuy nhà làm luật không chỉ rõ hành vi nào thuộc loại vi phạm hình sự và được coi là tội phạm nhưng căn cứ vào đặc điểm, tính chất và mức độ nguy hiểm của các hành vi đó, **có thể coi những hành vi điển hình sau đây là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự:**

- Hành vi không kê khai hoặc kê khai sai doanh thu, thu nhập, chi phí, giá và các căn cứ tính các khoản nộp ngân sách nhà nước để nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
- Hành vi trì hoãn, nộp không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Trong thực tiễn tư pháp ở Việt Nam, ngoài các hành vi điển hình trên đây do những người nộp thuế thực hiện, trong nhiều trường hợp những hành vi vi phạm của người đứng đầu cơ quan nhà nước hoặc người có trách nhiệm quản lý tài chính trong các cơ quan nhà nước hoặc thậm chí chỉ là hành vi của những công chức có thẩm quyền trong khi thi hành công vụ cũng cấu thành tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Ví dụ: hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, làm thiệt hại đến tài sản nhà nước và nguồn thu ngân sách nhà nước; hành vi làm thụt quỹ ngân sách nhà nước của các kế toán viên công ngân và nhân viên kho bạc nhà nước; hành vi tham ô tiền thuế của công chức ngành hải quan, kho bạc nhà nước, thuế vụ; hành vi nhận hối lộ của cán bộ, công chức ngành tài chính, hải quan, thuế vụ, kho bạc nhà nước; hành vi cố ý làm trái các nguyên tắc quản lý kinh tế, tài chính của các công chức có thẩm quyền...

Các tội danh thường được biết đến trong thực tiễn tư pháp ở nước ta có liên quan đến những hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước là:

Ví dụ tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản nhà nước( Điều 144 bộ luật hình sự)

-Tội trốn thuế (Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 và sửa đổi năm 2009),

. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ) Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 và sửa đổi năm 2009),

- Tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165)
- Tội lập quỹ trái phép (Điều 166)
- Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167 Bộ luật hình sự năm 1999);

Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền hàng cứu trợ( Điều 169). Trách nhiệm hình sự của chủ thể do tòa án, là cơ quan có thẩm quyền quyết định

-Tội tham ô tài sản (Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999);

-Tội nhận hối lộ (Điều 279 Bộ luật hình sự năm 1999);

-Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999);

-Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999);

-Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999)...

Ngoài ra nếu tổ chức, cá nhân khi vi phạm pháp luật NSNN mà gây thiệt hại còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật

- Những hành vi này được thực hiện bởi chủ thể là tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ kê khai và nộp ngân sách nhà nước như người nộp thuế, người nộp lệ phí và phí, với các dấu hiệu cơ bản là cố ý gian lận trong quá trình kê khai nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước hoặc cố ý không thực hiện đúng nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

- Trên thực tế, loại hành vi này thường bị coi là tội phạm khi số tiền gian lận hoặc ân lậu có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên hoặc người thực hiện hành vi đã bị xử lý hành chính về hành vi đó mà vẫn tái phạm

## **2.2. Việc áp dụng chế tài hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước**

Trên nguyên tắc, chế tài hành chính được áp dụng cho các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Chế tài này có thể tước đi một số quyền lợi về kinh tế (ví dụ, trường hợp phạt tiền) hoặc quyền lợi về tinh thần (ví dụ, trường hợp cảnh cáo) của người vi phạm nhằm khôi phục các hậu quả xảy ra và răn đe, giáo dục ý thức pháp luật đối với người vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Chế tài hành chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước được áp dụng bởi cơ quan hành chính hoặc nhân viên hành chính có thẩm quyền đối với người vi phạm mà bằng chứng của việc áp dụng chế tài này là quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Quyết định này đặt người vi phạm vào tình trạng bị bất lợi về kinh tế (nếu hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền) hoặc bất lợi về tinh thần (nếu hình thức xử phạt hành chính là cảnh cáo); hoặc bị buộc phải chấp hành các hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và thậm chí có thể bị buộc phải thực hiện một số biện pháp khắc phục hậu quả thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

- Trong số các hành vi vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước đã được quy định tại Điều 72 Luật ngân sách nhà nước năm 2002 và Điều 82 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước thì phần lớn các hành vi đó có thể coi là vi phạm hành chính về ngân sách nhà nước và do đó có thể bị áp dụng các chế tài hành chính.

- Tuy nhiên, điều khó khăn nhất đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật nói chung và xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước nói riêng là làm thế nào để xác định một cách chính xác hành vi nào là vi phạm hành chính và hành vi nào là vi phạm hình sự để từ đó lựa chọn loại chế tài áp dụng cho thích hợp.

- Trong nhiều trường hợp thực tiễn (ngụ ý chỉ một số hành vi vi phạm cụ thể trong lĩnh vực ngân sách nhà nước), các quan điểm lý luận hiện thời về vi phạm hành chính và vi phạm hình sự từng được thừa nhận rộng rãi ở nước ta cũng chưa đủ sức làm rõ ranh giới đích thực giữa vi phạm hành chính về ngân sách nhà nước với vi phạm hình sự về ngân sách nhà nước.

- Khó khăn này thực sự là một rào cản không nhỏ đối với quá trình áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước nói riêng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

### 2.3. Việc áp dụng chế tài dân sự đối với hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

Trong đời sống kinh tế - xã hội nói chung và trong lĩnh vực ngân sách nhà nước nói riêng, việc bảo đảm và bảo vệ quyền tài sản của các chủ thể tham gia vào hoạt động ngân sách nhà nước là một trong những nội dung cốt lõi của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc ghi nhận và tôn trọng quyền tài sản của các chủ thể pháp luật trong hoạt động ngân sách nhà nước tuy là vấn đề của pháp luật dân sự nhưng đồng thời nó cũng là một trong những tư tưởng cơ bản của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động ngân sách nhà nước.

Tư tưởng pháp lý này có mục tiêu bảo vệ quyền tài sản và lợi ích hợp pháp của tất cả các chủ thể tham gia vào hoạt động ngân sách nhà nước, không phân biệt chủ thể đó là Nhà nước hay cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cá nhân hay hộ gia đình.

Dựa trên nền tảng tư tưởng pháp lý này, bất kể hành vi nào gây thiệt hại cho quyền tài sản hay lợi ích kinh tế của một trong các chủ thể tham gia vào hoạt động ngân sách nhà nước, không phân biệt sự thiệt hại đó xảy ra đối với lợi ích công hay tư, đều phải chịu trách nhiệm dân sự (trách nhiệm bồi thường thiệt hại) cho người bị thiệt hại.

Theo quan điểm đó, quyền tài sản và lợi ích kinh tế của tất cả các chủ thể tham gia vào hoạt động ngân sách nhà nước đều được pháp luật ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ như nhau.

Không kể đến sự khác nhau về địa vị pháp lý giữa Nhà nước hay cơ quan nhà nước, nhân viên công quyền so với các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, hiệp hội, doanh nhân hay cá nhân, hộ gia đình, mọi hành vi gây thiệt hại của chủ thể này cho chủ thể khác trong quá trình thực hiện các quyền, nghĩa vụ khi tham gia hoạt động ngân sách nhà nước, đều phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại.

Việc giải quyết yêu cầu bồi thường có thể được các bên tự thực hiện thông qua con đường thương lượng trực tiếp, thông qua cơ chế hoà giải hoặc thông qua cơ chế tài phán tư pháp theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Ngày nay, trong bối cảnh nền dân chủ xã hội đang ngày càng được củng cố trên toàn thế giới, việc xây dựng một xã hội công dân đòi hỏi Nhà nước ngày càng có trách nhiệm nhiều hơn đối với công dân, trong đó có cả trách nhiệm bồi thường các thiệt hại đã xảy ra cho công dân do hành vi trái pháp luật của các cơ quan công quyền hay nhân viên công quyền trong khi thi hành công vụ.
- Xu hướng đó đồng nghĩa với việc chuyển đổi từ mô hình “nhà nước cai trị” sang mô hình “nhà nước phục vụ”, nhằm từng bước tạo dựng môi trường pháp lý bình đẳng, dân chủ và công bằng giữa nhà nước và công dân trong thế giới đương đại.

### 2.4. Việc áp dụng chế tài kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước

So với các loại chế tài khác như chế tài hành chính hay chế tài hình sự thì chế tài kỷ luật có phạm vi áp dụng khá hẹp, vì đối tượng áp dụng chế tài này chỉ là công chức, viên chức nhà nước vi phạm kỷ luật công tác. Mặt khác, chế tài kỷ luật cũng có mức độ hiệu lực tương đối hạn chế, bởi lẽ người có thẩm quyền áp dụng chế tài kỷ luật chỉ có thể là người đứng đầu cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý công chức, viên chức có hành vi vi phạm kỷ luật.

Do tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm kỷ luật chỉ ở mức độ thấp (chủ yếu là vi phạm chế độ công vụ của công chức, viên chức) và có phạm vi hẹp (trong khuôn khổ một cơ quan, đơn vị hay tổ chức, đoàn thể) nên loại chế tài này chủ yếu nhằm hạn chế và tước bỏ một số quyền lợi của người vi phạm mà hầu hết những quyền lợi này đều gắn với chức vụ và công vụ của người vi phạm.

Theo pháp luật hiện hành, (cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật công tác trong khi thi hành công vụ thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức sau đây:

- 1. Áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:**
  - a) Khiển trách;
  - b) Cảnh cáo;
  - c) Hạ bậc lương;
  - d) Buộc thôi việc.
- 2. Áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:**
  - a) Khiển trách;
  - b) Cảnh cáo;
  - c) Hạ bậc lương;
  - d) Giáng chức;
  - d) Cách chức;

Việc áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật trên đây đối với người vi phạm kỷ luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước phải được tiến hành theo các nguyên tắc quy định tại Điều 8 Nghị định của Chính phủ số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

Trong thực tiễn pháp lý, ngoài việc phải chịu trách nhiệm kỷ luật, nếu công chức, viên chức nhà nước có hành vi vi phạm kỷ luật công tác trong khi thi hành công vụ mà gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác thì phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại đã xảy ra cho Nhà nước, hoặc phải hoàn trả lại cho cơ quan, tổ chức sở tiền mà cơ quan, tổ chức này đã phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị thiệt hại.

Về bản chất, việc bồi thường thiệt hại của công chức, viên chức Nhà nước trong trường hợp này chỉ là thực hiện một trách nhiệm dân sự của người có hành vi gây thiệt hại đối với người bị thiệt hại theo các nguyên tắc chung của dân luật.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành lại sử dụng thuật ngữ “trách nhiệm vật chất” để chỉ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chức, viên chức nhà nước đối với cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý người vi phạm, do hành vi vi phạm kỷ luật công tác của công chức, viên chức gây ra.